



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK
NĂM 2024

MỤC LỤC

I.	Thông tin chung	5
1.	Thông tin khái quát.....	5
2.	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	11
2.1	Ngành nghề kinh doanh	11
2.2	Địa bàn kinh doanh	11
3.	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	12
3.1	Mô hình quản trị	12
3.2	Cơ cấu bộ máy quản lý	12
3.3	Các chi nhánh và địa điểm kinh doanh.....	12
3.4	Các công ty đầu tư - liên kết.....	13
4.	Định hướng phát triển.....	15
4.1	Các mục tiêu chủ yếu của Công ty	15
4.2	Chiến lược phát triển trung và dài hạn	15
4.3	Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến chiến lược phát triển ngắn hạn và trung hạn của Công ty.....	15
5.	Các rủi ro	16
II.	Tình hình hoạt động trong năm.....	16
1.	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	16
2.	Tổ chức và nhân sự.....	17
2.1	Danh sách Ban điều hành	17
2.2	Tóm tắt lý lịch Ban điều hành.....	17
2.3	Những thay đổi trong Ban điều hành:.....	21
2.4	Số lượng cán bộ, nhân viên	22
3.	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	22
3.1	Các khoản đầu tư lớn	22
3.2	Các công ty con, công ty liên kết.....	22
4.	Tình hình tài chính.....	22
4.1	Tình hình tài chính.....	22
4.2	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	23
5.	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	23
5.1	Cổ phần	23
5.2	Cơ cấu cổ đông	23
5.3	Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	25

5.4	Giao dịch cổ phiếu quỹ	25
5.5	Các chứng khoán khác	25
6.	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.....	25
6.1	Tác động lên môi trường.....	25
6.2	Quản lý nguồn nguyên vật liệu.....	25
6.3	Tiêu thụ năng lượng.....	25
6.4	Tiêu thụ nước	26
6.5	Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.....	26
6.6	Chính sách liên quan đến người lao động.....	27
6.7	Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương	30
6.8	Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN	30
III.	Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc.....	30
1.	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	30
2.	Tình hình tài chính.....	32
2.1	Tình hình tài sản	32
2.2	Tình hình nợ phải trả	32
2.3	Tình hình các khoản phải thu.....	32
3.	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	32
4.	Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	33
4.1	Về kinh doanh và đầu tư.....	33
4.2	Một số biện pháp chung.....	33
5.	Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán.....	34
6.	Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty	34
6.1	Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải ...)	34
6.2	Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động	35
6.3	Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương.....	35
IV.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty	35
1.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	36
2.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc Công ty	36
3.	Kết quả thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024.....	36
4.	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	37

V. Quản trị công ty.....	37
1. Hội đồng quản trị.....	37
1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị.....	37
1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	39
1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị.....	39
2. Ban Kiểm soát.....	41
2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát.....	41
2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát.....	41
2.3 Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả giám sát tình hình hoạt động kinh doanh và tài chính của Công ty.....	42
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.....	43
3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích.....	43
3.2 Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ.....	45
3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ.....	45
3.4 Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty.....	47
VI. Báo cáo tài chính.....	47
1. Ý kiến kiểm toán.....	47
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.....	47

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301776205
- Vốn điều lệ: 141.404.870.000 (Một trăm bốn mươi một tỷ bốn trăm lẻ bốn triệu tám trăm bảy mươi ngàn đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 141.404.870.000 (Một trăm bốn mươi một tỷ bốn trăm lẻ bốn triệu tám trăm bảy mươi ngàn đồng)
- Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Số điện thoại: 028 3991 9259
- Website: www.vinalinklogistics.com
- Mã cổ phiếu: **VNL**
- **Quá trình hình thành và phát triển:**
 - ❖ Ngày thành lập Công ty: 16/07/1999.
 - ❖ Thời điểm niêm yết: ngày 17/08/2009, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết trên sàn Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán **VNL**.
 - ❖ Thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay:

Năm 1998:

- ❖ Công ty Vinatrans thành lập Xí nghiệp Đại lý Vận tải và Gom hàng với tên giao dịch là **VINACONSOL**.

Năm 1999:

- ❖ Ngày 24/06/1999: Bộ trưởng Bộ Thương mại ban hành Quyết định số 0776/1999/QĐ-BTM phê duyệt Phương án cổ phần hóa một bộ phận DNNN VINATRANS, chuyển Xí nghiệp Đại lý vận tải và gom hàng thành Công ty cổ phần Giao nhận vận tải và thương mại, tên giao dịch: **VINALINK**; vốn điều lệ 8 tỷ VNĐ (Nhà nước giữ 10%); chuyên kinh doanh các dịch vụ giao nhận vận tải, kho bãi, văn phòng, xuất nhập khẩu ...
- ❖ Ngày 16/07/1999: Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty hợp thông qua điều lệ, cơ cấu tổ chức bộ máy, bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát ... Theo đó cơ cấu tổ chức bộ máy Công ty bao gồm:

- Ban giám đốc.
 - Phòng Đại lý vận tải và gom hàng.
 - Phòng Đại lý hãng tàu Hapag-Lloyd.
 - Kho 145 Nguyễn Tất Thành.
 - Phòng Kế toán - Hành chính.
- ❖ Ngày 01/09/1999: Công ty chính thức hoạt động theo tư cách pháp nhân đã đăng ký với Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh ngày 31/07/1999.

Năm 2000:

- ❖ Ngày 07/03/2000: Vinalink gia nhập Hiệp hội Giao nhận Kho vận Việt Nam VIFFAS.
- ❖ Ngày 05/04/2000: Vinalink trở thành hội viên Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam VCCI.
- ❖ Ngày 24/06/2000: Tổ chức đánh giá quốc tế DNV (Na Uy) chứng nhận Vinalink thực hiện hệ thống quản trị chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9002, nay là ISO 9001:2000.

Năm 2001:

- ❖ Ngày 01/01/2001: Phòng Giao nhận Hàng không được thành lập và chính thức hoạt động tại văn phòng A8 Trường Sơn, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh sau chuyển về 44 Trường Sơn, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.
- ❖ Ngày 01/09/2001: Phòng Logistics được thành lập và chính thức hoạt động.

Năm 2002:

- ❖ Vinalink gia nhập Hiệp hội Giao nhận quốc tế FIATA.
- ❖ Ngày 13/05/2002: Công ty tăng vốn điều lệ lên gấp 3 lần, vốn điều lệ mới là 24 tỷ VNĐ.

Năm 2003:

- ❖ Tháng 6/2003: Vinalink góp vốn trở thành 1 trong 3 bên phía Việt Nam trong Công ty liên doanh vận tải Việt - Nhật (Konoike Vina).
- ❖ Tháng 10/2003: Vinalink cùng Freight Consolidators Pte.Ltd. (Singapore) thành lập Công ty liên doanh Đại lý vận chuyển FC (Vietnam) chuyên kinh doanh dịch vụ đại lý cho các hãng hàng không quốc tế như British Airways, Royal Brunei Airlines ...

Năm 2004:

- ❖ Văn phòng Công ty tại Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore (Bình Dương) chính thức hoạt động.
- ❖ Tháng 9/2004: Công ty kỷ niệm 5 năm hoạt động và đón nhận Huân chương Lao động hạng Ba do Chủ tịch nước thưởng về những thành tích xuất sắc trong 5 năm 1999 - 2003, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- ❖ Ngày 11/10/2004: Tổng cục Hải quan cấp phép thành lập Kho ngoại quan Vinalink tại 145 Nguyễn Tất Thành, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. Tháng 12/2004: Kho ngoại quan Vinalink tiếp nhận lô hàng đầu tiên của khách hàng Schneider Electric Overseas Asia Pte. Ltd.
- ❖ Tháng 12/2004: Vinalink tham gia thành lập Công ty TNHH 3 thành viên vận tải ô tô V-Truck.

Năm 2005:

- ❖ Ngày 01/01/2005: Chi nhánh công ty tại Hà Nội chính thức hoạt động.
- ❖ Ngày 01/04/2005: Công ty TNHH RCL (Vietnam) - công ty liên doanh giữa Vinalink (45% vốn), SGN và Hãng tàu RCL (Singapore) chính thức hoạt động.
- ❖ Ngày 01/08/2005: Công ty TNHH Hapag - Lloyd (Vietnam) - công ty liên doanh giữa Vinalink và Hãng tàu Hapag-Lloyd (Đức) chính thức hoạt động.
- ❖ Tháng 8/2005: Công ty tăng vốn điều lệ lên 36 tỷ VNĐ.
- ❖ Ngày 15/09/2005: Bộ Giao thông vận tải cấp phép kinh doanh vận tải đa phương thức cho Vinalink.

Năm 2006:

- ❖ Từ ngày 04/09/2006: chính thức triển khai dịch vụ chuyển phát nhanh nội địa - Vinalink Express.
- ❖ Tháng 10/2006: Công ty được Bộ Khoa học và công nghệ trao tặng Cúp vàng ISO - giải thưởng dành cho các đơn vị có thành tích xuất sắc trong việc áp dụng hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn quốc tế vào hoạt động sản xuất - kinh doanh.

Năm 2007:

- ❖ Ngày 24/10/2007: UBND TPHCM cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho CÔNG TY TNHH ĐIỀU HÀNH VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA LIÊN KẾT, tên giao dịch là LCM Co., Ltd. Đây là công ty liên doanh giữa Vinalink và Freight Consolidators Pte, Ltd (Singapore), chuyên kinh doanh dịch vụ đại lý vận chuyển quốc tế. LCM Co., Ltd đã được hãng hàng không Cargolux Airlines (Luxembourg) chỉ định làm tổng đại lý hàng hóa (GSA) tại Việt Nam.

Năm 2008:

- ❖ Triển khai dịch vụ đường sắt từ Việt Nam đi Kazakhstan, Uzbekistan, Mông Cổ, Nga ...
- ❖ Tháng 10/2008: Vinalink được trao Giải thưởng - Cúp vàng “*Công ty cổ phần hàng đầu Việt Nam*” năm 2008 do Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam, Trung tâm thông tin Tín dụng - NHNN, Tạp chí Chứng khoán - UBCKNN và một số cơ quan chức năng tổ chức bình chọn và trao tặng.

Năm 2009:

- ❖ Ngày 17/08/2009: Chứng khoán của Công ty chính thức được niêm yết trên sàn Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán VNL.
- ❖ Ngày 01/10/2009: Chi nhánh Công ty tại Hải Phòng chính thức hoạt động.
- ❖ Ngày 11/10/2009: Vinalink nhận Giải thưởng - Cúp vàng “*Công ty cổ phần hàng đầu Việt Nam*” năm 2009.
- ❖ Ngày 31/10/2009: Công ty vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhì do Chủ tịch nước thưởng về những thành tích xuất sắc trong 10 năm 1999 - 2009.

Năm 2010:

- ❖ Depot Vinalink chính thức hoạt động từ ngày 01/06/2010.
- ❖ Ngày 17/12/2010: Bộ Thương mại Vương quốc Cambodia đã cấp Giấy phép hoạt động cho VPĐD của Công ty tại Phnompenh.

Năm 2011:

- ❖ Ngày 06/05/2011: Tham gia thành lập Công ty cổ phần Logistics Kim Thành (Lào Cai). Ngày 11/11/2011: Trung tâm Logistics Kim Thành chính thức khởi công xây dựng dưới sự chứng kiến của Lãnh đạo tỉnh Lào Cai, Bộ Công Thương và Lãnh đạo, doanh nhân tỉnh Vân Nam (Trung Quốc).
- ❖ Ngày 16/07/2011: Nhân ngày thành lập Công ty, chính thức giới thiệu Hệ thống nhận diện thương hiệu mới, bao gồm:

Logo:



Email:

headoffice@vinalinklogistics.com

Trang Web:

www.vinalinklogistics.com

- ❖ Cuối năm 2011: theo kết quả đánh giá của Công ty cổ phần đánh giá Việt Nam, Công ty thuộc TOP 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất (FAST 500) và TOP 1000 Doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất Việt Nam, TOP 100 doanh nghiệp có chỉ số tín nhiệm cao về mức độ uy tín thương hiệu, chất lượng dịch vụ luôn hướng đến sự thỏa mãn của khách hàng theo quy trình đánh giá nhà cung cấp TQS.

Năm 2012:

- ❖ Chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp trong Công ty TNHH Hapag-Lloyd (Vietnam) cho phía nước ngoài từ 01/06/2012.
- ❖ Tháng 12/2012: Nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ về thành tích trong hoạt động kinh doanh các năm 2009 - 2011.

Năm 2013:

- ❖ Ngày 04/01/2013: **Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia)** đã được Bộ Thương mại Vương quốc Campuchia cấp giấy phép thành lập với nội dung như sau:
 - Tên công ty: **Vinalink Logistics (Cambodia) Co., Ltd.**
 - Số đăng ký với Bộ Thương mại: Co.3199E/2012, ngày 24/12/2012
 - Loại hình công ty: Công ty TNHH Một thành viên
 - Vốn đầu tư: USD 25.000 (100.000.000 riel)

Năm 2014:

- ❖ Vinalink thay đổi tên mới kể từ ngày 24/05/2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301776205 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 22/05/2014.
 - Tên Công ty trước khi thay đổi: **CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**

- Tên Công ty sau khi thay đổi: **CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**
- Tên viết tắt: **VINALINK**

Năm 2018:

- ❖ Ngày 01/06/2018: Chi nhánh Công ty tại Đà Nẵng chính thức hoạt động.
- ❖ Ngày 01/07/2018: Chi nhánh Công ty tại Quy Nhơn chính thức hoạt động.

Năm 2019:

- ❖ Thay đổi trụ sở chính tại 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam từ ngày 21/05/2019 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301776205 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 16 ngày 21/05/2019.

Năm 2021:

- ❖ Ngày 23/11/2021: Quyết định giải thể Chi nhánh Công ty tại Quy Nhơn.
- ❖ Ngày 14/12/2021: Chuyển nhượng Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia), chính thức chấm dứt hoạt động, không còn là công ty con.

Năm 2022:

- ❖ Ngày 15/04/2022: Công ty tăng vốn điều lệ lên thành 94.270.000.000 VNĐ.

Năm 2023:

- ❖ Ngày 12/04/2023: Tổ chức chứng nhận ISOQ Việt Nam chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng của Công ty Cổ phần Logistics Vinalink đã được đánh giá và xác nhận phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 9001:2015 cho lĩnh vực cung ứng dịch vụ vận tải đa phương thức và các dịch vụ hỗ trợ vận tải giao nhận hàng hóa.
- ❖ Ngày 19/04/2023: Khai trương VINALINK WAREHOUSE tại Tổng kho TTC Đặng Huỳnh - Lô MN, Đường số 10, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.
- ❖ Ngày 31/07/2023: Công ty tăng vốn điều lệ lên thành 141.404.870.000 VNĐ.
- ❖ Ngày 22/12/2023: VINALINK được vinh danh là TOP 3 đơn vị ĐỐI TÁC của năm 2023 của AMAZON GLOBAL SELLING VIETNAM, là đơn vị Logistics hàng đầu trong hành trình đưa hàng “Made in Vietnam” ra thị trường thế giới.

Năm 2024:

- ❖ Ngày 24/01/2024: Tổ chức chứng nhận ISOQ Việt Nam chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng của Công ty Cổ phần Logistics Vinalink đã được đánh giá và xác nhận phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 27001:2022 cho lĩnh vực cung ứng dịch vụ vận tải đa phương thức và các dịch vụ hỗ trợ vận tải giao nhận hàng hóa.
- ❖ Vinalink thay đổi bổ sung tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài và đổi tên công ty viết tắt kể từ ngày 05/06/2024 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301776205 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thay đổi lần thứ 22 ngày 05/06/2024.
 - Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **VINALINK LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY**
 - Tên viết tắt trước khi thay đổi: **VINALINK**
 - Tên viết tắt sau khi thay đổi: **VINALINK LOGISTICS**
- ❖ Ngày 29/06/2024: Vinalink Logistics **đã đạt danh hiệu Doanh nghiệp đạt Chuẩn Công bố thông tin năm 2024 (IR AWARDS 2024)** do Vietstock phối hợp cùng với Hiệp hội VAFE và Tạp chí FiLi đồng tổ chức.
- ❖ Ngày 09/10/2024: Vinalink Logistics được AMAZON GLOBAL SELLING VIETNAM trao giải thưởng "The Companion" - Nhà cung cấp dịch vụ của năm 2024.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**2.1 Ngành nghề kinh doanh**

- Các ngành nghề kinh doanh dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất:
 - Giao nhận vận tải quốc tế: bao gồm dịch vụ vận chuyển đường biển, dịch vụ gom hàng lẻ, dịch vụ vận chuyển hàng không, dịch vụ vận tải đa phương thức.
 - Dịch vụ logistics cho hàng xuất nhập khẩu, phân phối hàng hóa trong nước.
 - Vận tải nội địa (bằng đường bộ, đường sắt, đường biển, đường sông).

2.2 Địa bàn kinh doanh

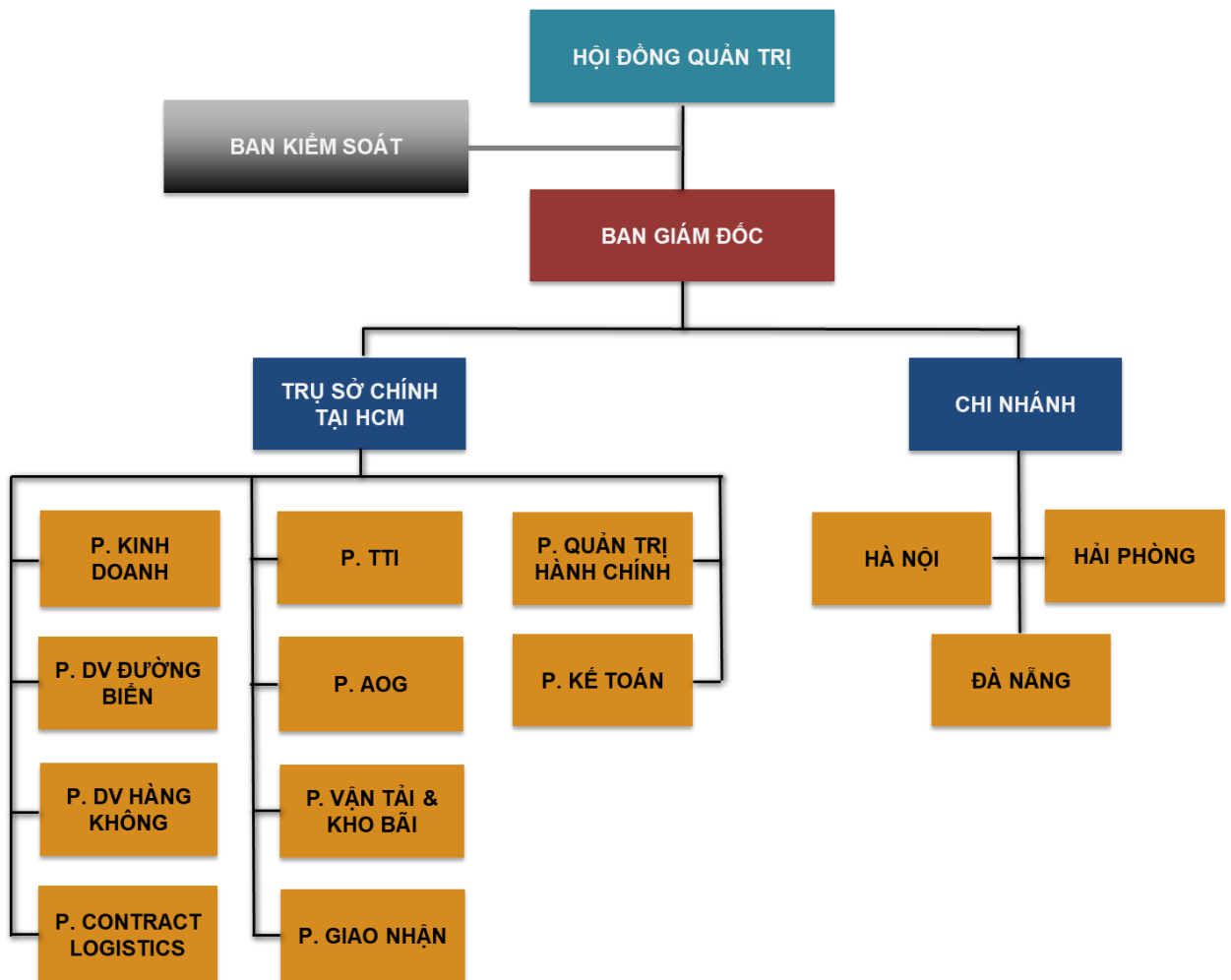
- Các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất): Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1 Mô hình quản trị

- Mô hình quản trị: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban giám đốc.
- Ban giám đốc gồm Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng công ty, Giám đốc Pháp chế kiêm Người phụ trách kiểm toán nội bộ công ty.

3.2 Cơ cấu bộ máy quản lý



3.3 Các chi nhánh và địa điểm kinh doanh

3.3.1 Các chi nhánh

- Hà Nội:

Chi nhánh Công ty Cổ phần Logistics Vinalink (Vinalink Hà Nội)

Tầng 06, số 14, Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024 37724234

Fax: 024 37724235

Email: han@vinalinklogistics.com

- Hải Phòng:

Chi nhánh Công ty Cổ phần Logistics Vinalink tại Hải Phòng

Phòng 213-214 Tầng 2, Tòa nhà Thành Đạt 1, Số 3 đường Lê Thánh Tông,

Phường Gia Viên, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Điện thoại: 0225 3979582

Email: hph@vinalinklogistics.com

- Đà Nẵng:

Chi nhánh Công ty Cổ phần Logistics Vinalink tại Đà Nẵng

773 Ngô Quyền, Phường An Hải Bắc, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại: 0236 3552528 - 0236 3552538

Email: dad@vinalinklogistics.com

3.3.2 Địa điểm kinh doanh

- Địa điểm kinh doanh dịch vụ đại lý vận tải hàng không

62 Tân Canh, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028 3848 7252

Email: sgn-air@vinalinklogistics.com

- Địa điểm kinh doanh

145-147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Lô MN, Tổng Kho TTC Đặng Huỳnh, Đường số 10, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

3.4 Các công ty đầu tư - liên kết

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Vốn đầu tư (VNĐ)	Tỷ lệ / vốn điều lệ	Ghi chú
1	Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	436-438 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, TPHCM	946.800.000	20,00%	Công ty liên doanh
2	Công ty TNHH Dịch vụ Đại lý Vận chuyển (FC Vietnam)	46-48 Hậu Giang, Phường 4, Quận Tân Bình, TPHCM	3.918.874.000	30,00%	Công ty liên doanh
3	Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật (Konoike Vina)	18A Lưu Trọng Lư, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TPHCM	4.908.430.302	9,15%	Công ty liên doanh
4	Công ty TNHH Điều hành Vận chuyển Hàng hóa Liên kết (LCM)	30 Phan Thúc Duyệt, Phường 4, Quận Tân Bình, TPHCM	9.007.800.000	30,00%	Công ty liên doanh
5	CTCP Giao nhận Vận tải Miền Trung (Vinatrans Danang)	184 Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng	8.784.000.000	27,89%	Công ty liên kết
6	CTCP Logistics Kim Thành	Lô KB 13 đường T5 Khu Thương mại - Công nghiệp Kim Thành, Phường Duyên Hải, TP Lào Cai, Tỉnh Lào Cai	19.120.589.000	30,00%	Công ty liên kết
7	CTCP Vận chuyển Vinalink (Vinalink Transport)	Lầu 3, Indochina Park Tower, 4 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, TPHCM	4.000.000.000	40,00%	Công ty liên kết

4. Định hướng phát triển

4.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Trong bối cảnh thị trường giao nhận vận tải & logistics ngày càng phát triển và hội nhập nhanh với thị trường khu vực và thế giới, cạnh tranh ngày càng lớn, tính chuyên nghiệp ngày càng cao; hoạt động của công ty được tổ chức và thực hiện trên cơ sở các kết nối nội bộ, kết nối với các khách hàng, đối tác trong và ngoài nước để đạt mục đích là mang lại thành công cho tất cả.
- Mục tiêu chủ yếu của Công ty là ổn định và phát triển các dịch vụ kinh doanh chủ lực, tìm kiếm cơ hội đầu tư, thường xuyên tìm kiếm và phát triển quan hệ kinh doanh với các đại lý nước ngoài, đảm bảo mục tiêu tăng trưởng hàng năm. Khai thác tốt các nguồn lực về vốn, nhân sự, đại lý, tập trung đầu tư và nâng cao chất lượng các dịch vụ cơ bản, sàng lọc loại bỏ các dịch vụ hiệu quả thấp.

4.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tiếp tục củng cố giữ vững thị phần của các dịch vụ đường biển, hàng không quốc tế; chú trọng các dịch vụ logistics trọn gói và dự án, dịch vụ vận chuyển và cung ứng nội địa.
- Củng cố các thị trường truyền thống và mở rộng thị trường mới.
- Tìm kiếm các cơ hội đầu tư trong lĩnh vực logistics.
- Nâng cao chất lượng, năng lực và tính chuyên nghiệp của nguồn nhân lực.
- Tăng cường công tác marketing và phát triển thương hiệu,
- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh và tăng năng suất lao động.
- Đầu tư: nghiên cứu và triển khai việc đầu tư kho bãi và văn phòng trong điều kiện mới cho phù hợp thực tế.
- Chú trọng đầu tư phát triển dịch vụ logistics cho thương mại điện tử quốc tế thông qua việc hợp tác với các đối tác lớn nước ngoài tạo ra chuỗi giải pháp logistics hiệu quả cho khách hàng.

4.3 Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến chiến lược phát triển ngắn hạn và trung hạn của Công ty

- Phát triển dịch vụ tạo việc làm và thu nhập ổn định, tạo cơ hội phát triển cá nhân cho người lao động; xây dựng văn hóa công ty tạo môi trường làm việc thân thiện, hiệu quả, đóng góp tích cực vào các hoạt động xã hội xây dựng cộng đồng.
- Các hoạt động kinh doanh và dịch vụ đều khuyến khích người lao động tích cực có những hoạt động thiết thực góp phần bảo vệ môi trường: xử lý rác thải đúng quy định, tiết kiệm nhiên liệu, điện, nước.

- Đảm bảo tuân thủ các điều kiện vận chuyển và các yêu cầu cấp Giấy phép vận chuyển của Công ty và nhà thầu phụ trong hoạt động kinh doanh vận tải nhằm giảm thiểu rủi ro tai nạn đối với xe và hàng hóa, hạn chế sự cố gây hại cho môi trường.

5. Các rủi ro

- Hoạt động kinh doanh dịch vụ logistics có những rủi ro như:
 - Rủi ro từ chính sách, quy định luôn thay đổi nhưng không phải thay đổi nào cũng tạo thuận lợi hơn cho kinh doanh.
 - Rủi ro từ khách hàng và đại lý trong việc thanh toán do phần lớn các dịch vụ được tiến hành trên cơ sở hợp đồng không có thế chấp.
 - Chất lượng dịch vụ không ổn định của các bên liên quan dẫn đến không kiểm soát được chất lượng dịch vụ, làm gián đoạn các khâu trong chuỗi logistics, ảnh hưởng đến việc thanh toán hoặc hủy bỏ các hợp đồng dịch vụ.
 - Các rủi ro trong kinh doanh bao gồm rủi ro từ các công cụ tài chính, công nợ, rủi ro về nhân sự, rủi ro trong lưu thông với vận chuyển đường bộ, rủi ro do cạnh tranh không lành mạnh có nguy cơ tăng cao.
 - Hạ tầng giao thông trong nước (đường bộ, đường sắt, đường biển, hàng không) phát triển chưa đồng bộ và chưa bắt kịp với tốc độ tăng trưởng của nhu cầu vận tải hàng hóa, làm tăng chi phí vận chuyển và kéo dài thời gian vận chuyển, ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ, chất lượng sản phẩm, môi trường và lợi nhuận của doanh nghiệp.
 - Mặc dù đã được dự đoán năm 2024 là một năm sẽ tiếp tục có nhiều khó khăn nhưng thực tế tình hình có nhiều diễn biến bất ngờ như chiến tranh Nga-Ucraina vẫn tiếp diễn và chưa có dấu hiệu tạm ngưng, lạm phát tăng cao ở các khu vực thị trường trọng yếu như châu Âu, Mỹ; khủng hoảng tại khu vực biển Đỏ... làm cho nhu cầu hàng hóa giảm, quan hệ cung cầu thị trường vận tải quốc tế có nhiều bất ổn, tuyến hàng hải quốc tế từ châu Á sang EU và US bị ảnh hưởng nặng nề; giá cước vận tải quốc tế tiếp tục có nhiều biến động khó lường; dịch vụ vận chuyển nội địa bị cạnh tranh khốc liệt.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm và tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2023	Tỉ lệ tăng / giảm	
	Kế hoạch (VNĐ)	Thực hiện (VNĐ)	Thực hiện (VNĐ)	Thực hiện / Kế hoạch 2024	2024 / 2023
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	900,000,000,000	1,152,738,721,057	729,154,403,208	128.08%	158.09%
2. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		59,227,493,648	43,816,775,107		135.17%

3. Lợi nhuận khác		96,574,075	(95,486,721)		
4. Tổng lợi nhuận trước thuế	26,500,000,000	59,324,067,723	43,721,288,386	223.86%	135.69%
5. Lợi nhuận sau thuế		45,433,863,603	37,313,675,053		121.76%
6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		3,149	2,586		121.77%
7. Cổ tức					
8. Tỷ lệ lãi trước thuế / vốn điều lệ		41.95%	30.92%		135.69%
9. Tỷ lệ lãi sau thuế / vốn điều lệ		32.13%	26.39%		121.76%

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2024 (đã kiểm toán)

- Đánh giá, phân tích kết quả và tình hình kinh doanh: Xem Phần III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ / Vốn điều lệ (%)	
			01/01/2024	31/12/2024
1	Ông Vũ Quốc Bảo	Tổng giám đốc	0,76%	0,76%
2	Bà Nguyễn Anh Nam	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng công ty	0,15%	0,18%
3	Bà Nguyễn Đỗ Anh Thư	Giám đốc Pháp chế kiêm Người phụ trách kiểm toán nội bộ công ty	0,11%	0,11%

2.2 Tóm tắt lý lịch Ban điều hành

2.2.1 Tóm tắt lý lịch Ông Vũ Quốc Bảo

- Họ và tên: Vũ Quốc Bảo Nam / Nữ: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 31/12/1970 Nơi sinh: Bình Định
- Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:
- Ngày cấp: Nơi cấp: CCS QLHC về TTXH
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Nguyên quán: Bình Định
- Địa chỉ thường trú:
- Chỗ ở hiện nay:
- Điện thoại: Email:
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
- Quá trình công tác:

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
Từ 1993 đến 2004	Công tác tại Công ty Vinatrans
Từ 2004 đến 2010	Phó Tổng giám đốc Hãng tàu RCL Việt Nam
Từ 2010 đến 21/09/2023	Phó Tổng giám đốc, Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Logistics Vinalink
Từ 22/09/2023 đến nay	Tổng giám đốc, Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Logistics Vinalink

12) Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty Vinalink: *Tổng giám đốc, Thành viên Hội đồng quản trị.*

13) Tên các công ty hiện đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý tại tổ chức khác:

STT	Tên công ty	Chức vụ đang nắm giữ	Ghi chú
1	Công ty TNHH Dịch vụ Đại lý Vận chuyển (FC VIETNAM)	Thành viên Hội đồng thành viên	
2	Công ty TNHH Điều hành Vận chuyển Hàng hóa Liên kết (LCM)	Thành viên Hội đồng thành viên	
3	CTCP Giao nhận Vận tải Miền Trung (Vinatrans Danang)	Ủy viên Hội đồng quản trị	
4	Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật (Konoike Vina)	Thành viên Hội đồng thành viên	

14) Số cổ phần đang nắm giữ tại Vinalink: cổ phần. Trong đó:

- Cá nhân sở hữu: cổ phần.
- Đại diện sở hữu: cổ phần.

15) Lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có): *Không*

16) Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty (nếu có): *Không*

2.2.2 Tóm tắt lý lịch Bà Nguyễn Anh Nam

- 1) Họ và tên: Nguyễn Anh Nam Nam / Nữ: Nữ
- 2) Ngày tháng năm sinh: 13/05/1978 Nơi sinh: Nha Trang - Khánh Hòa
- 3) Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:
- 4) Ngày cấp: Nơi cấp: CCS QLHC về TTXH
- 5) Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- 6) Nguyên quán: Nha Trang
- 7) Địa chỉ thường trú:
- 8) Chỗ ở hiện nay:
- 9) Điện thoại: Email:
- 10) Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán - Kiểm toán
- 11) Quá trình công tác:

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
Từ 01/01/2005 đến 31/12/2011	Nhân viên Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Logistics Vinalink
Từ 01/01/2012 đến 31/08/2015	Phó Trưởng phòng Kế toán Công ty Cổ phần Logistics Vinalink
Từ 01/09/2015 đến 01/07/2016	Quyền Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Logistics Vinalink
Từ 02/07/2016 đến 22/03/2023	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Logistics Vinalink
Từ 23/03/2023 đến nay	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng công ty Công ty Cổ phần Logistics Vinalink

- 12) Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty Vinalink: Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng công ty.
- 13) Tên các công ty hiện đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý tại tổ chức khác:

STT	Tên công ty	Chức vụ đang nắm giữ	Ghi chú
1	Công ty cổ phần Logistics Kim Thành	Thành viên Hội đồng quản trị	
2	Công ty TNHH Vận tải ô t Vtruck	Thành viên Hội đồng thành viên	

- 14) Số cổ phần đang nắm giữ tại Vinalink: cổ phần.
 Trong đó:
- Cá nhân sở hữu: cổ phần.
 - Đại diện sở hữu: cổ phần.
- 15) Lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có): *Không*
 16) Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty (nếu có): *Không*

2.2.3 Tóm tắt lý lịch Bà Nguyễn Đỗ Anh Thư

- 1) Họ và tên: Nguyễn Đỗ Anh Thư Nam / Nữ: Nữ
- 2) Ngày tháng năm sinh: 27/03/1976 Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh
- 3) Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:
- 4) Ngày cấp: Nơi cấp: CCS QLHC về TTXH
- 5) Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- 6) Nguyên quán: Quảng Ngãi
- 7) Địa chỉ thường trú:
- 8) Chỗ ở hiện nay:
- 9) Điện thoại: Email:
- 10) Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh (Ngoại thương)
- 11) Quá trình công tác:

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
Từ 06/2003 đến 02/2008	Nhân viên Chứng từ Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải và Thương mại
Từ 03/2008 đến 03/2011	Phó phòng Xuất Đường biển Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải và Thương mại
Từ 04/2011 đến 12/2015	Trưởng phòng Chứng từ Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải và Thương mại
Từ 01/2016 đến 08/2020	Phó giám đốc Khối Dịch vụ Đường biển Công ty Cổ phần Logistics Vinalink
Từ 09/2020 đến 04/2022	Trợ lý Tổng giám đốc kiêm Trưởng phòng Chứng từ Vận tải Quốc tế Công ty Cổ phần Logistics Vinalink
Từ 05/2022 đến 22/03/2023	Trợ lý Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Logistics Vinalink
Từ 23/03/2023 đến 30/04/2024	Giám đốc Pháp chế kiêm Người phụ trách kiểm toán nội bộ Công ty Cổ phần Logistics Vinalink
Từ 01/05/2024 đến 31/08/2024	Giám đốc Pháp chế kiêm Người phụ trách kiểm toán nội bộ kiêm Người được ủy quyền CBTT Công ty Cổ phần Logistics Vinalink
Từ 01/09/2024 đến nay	Giám đốc Pháp chế kiêm Người được ủy quyền CBTT Công ty Cổ phần Logistics Vinalink

12) Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty Vinalink: *Giám đốc Pháp chế kiêm Người được ủy quyền CBTT*

13) Tên các công ty hiện đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý tại tổ chức khác: *Không*

14) Số cổ phần đang nắm giữ tại Vinalink: cổ phần. Trong đó:

- Cá nhân sở hữu: cổ phần.
- Đại diện sở hữu: cổ phần.

15) Lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có): *Không*

16) Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty (nếu có): *Không*

2.3 Những thay đổi trong Ban điều hành:

STT	Thành viên Ban điều hành	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm thành viên Ban điều hành
1	Ông Vũ Quốc Bảo <i>Tổng giám đốc</i>	31/12/1970	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Bổ nhiệm 22/09/2023.
2	Bà Nguyễn Anh Nam <i>Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng công ty</i>	13/05/1978	Cử nhân Kế toán - Kiểm toán	Bổ nhiệm 23/03/2023.
3	Bà Nguyễn Đỗ Anh Thư <i>Giám đốc Pháp chế kiêm Người phụ trách kiểm toán nội bộ công ty</i>	27/03/1976	Cử nhân Quản trị kinh doanh (Ngoại thương)	Bổ nhiệm 23/03/2023.
4	Bà Nguyễn Đỗ Anh Thư <i>Giám đốc Pháp chế kiêm Người phụ trách kiểm toán nội bộ công ty kiêm Người được ủy quyền CBTT Công ty</i>	27/03/1976	Cử nhân Quản trị kinh doanh (Ngoại thương)	Bổ nhiệm 01/05/2024. (Người được ủy quyền CBTT Công ty)
5	Bà Nguyễn Đỗ Anh Thư <i>Giám đốc Pháp chế kiêm Người được ủy quyền CBTT Công ty</i>	27/03/1976	Cử nhân Quản trị kinh doanh (Ngoại thương)	Miễn nhiệm 01/09/2024. (Người phụ trách kiểm toán nội bộ công ty)

2.4 Số lượng cán bộ, nhân viên

- Số lượng cán bộ, nhân viên: 339 người (trụ sở chính Thành phố Hồ Chí Minh và các chi nhánh Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng).
- Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động: Xem mục 6.6.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1 Các khoản đầu tư lớn

Không phát sinh.

3.2 Các công ty con, công ty liên kết

STT	Tên công ty	Vốn đầu tư	Tỷ lệ	Lợi nhuận cho Vinalink 2024	Lợi nhuận cho Vinalink 2023	Tỷ lệ
		(VNĐ)	/ vốn điều lệ	(VNĐ)	(VNĐ)	tăng / giảm
1	Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	946,800,000	20,00%	4,140,218,196	787,773,911	425.56%
2	Công ty TNHH Dịch vụ Đại lý Vận chuyển (FC Vietnam)	3,918,874,000	30,00%	1,456,087,551	(53,865,671)	2803.18%
3	Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật (Konoike Vina)	4,908,430,302	9,15%	2,905,739,352	2,291,245,080	26.82%
4	Công ty TNHH Điều hành Vận chuyển Hàng hóa Liên kết (LCM)	9,007,800,000	30,00%	3,529,045,824	29,829,493	11730.73%
5	CTCP Giao nhận Vận tải Miền Trung (Vinatrans Danang)	8,784,000,000	27,89%	85,454,379	72,974,759	17.10%
6	CTCP Logistics Kim Thành	19,120,589,000	30,00%	990,377,492	601,980,177	64.52%
7	CTCP Vận chuyển Vinalink (Vinalink Transport)	4,000,000,000	40,00%	897,586,168	2,139,475,581	-58.05%

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2024 (đã kiểm toán)

4. Tình hình tài chính

4.1 Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2024 (VNĐ)	Năm 2023 (VNĐ)	%
Tổng giá trị tài sản	456,374,409,591	390,499,684,823	116.87%
Doanh thu thuần	1,152,738,721,057	729,154,403,208	158.09%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	59,227,493,648	43,816,775,107	135.17%
Lợi nhuận khác	96,574,075	-95,486,721	
Lợi nhuận trước thuế	59,324,067,723	43,721,288,386	135.69%
Lợi nhuận sau thuế	45,433,863,603	37,313,675,053	121.76%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (cổ tức chi trả / lợi nhuận sau thuế)	31.12%	45.48%	68.44%

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2024 (đã kiểm toán)

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	3.06	3.76	Lần
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh:	3.06	3.76	Lần
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>			
Nợ ngắn hạn			
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	34.83%	30.94%	%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	53.45%	44.79%	%
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2.53	1.87	Lần
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	3.94%	5.12%	%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	15.28%	13.84%	%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	9.96%	9.56%	%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	5.14%	6.01%	%

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2024 (đã kiểm toán)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1 Cổ phần

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 14.140.487 cổ phần.
- Loại cổ phần đang lưu hành: Cổ phần phổ thông.
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 14.140.487 cổ phần (từ ngày 13/04/2023).
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần.

5.2 Cơ cấu cổ đông

Số liệu theo danh sách cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Logistics Vinalink chốt vào ngày 19/03/2025 do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp.

5.2.1 Cổ đông đặc biệt

STT	Tên tổ chức / cá nhân	Số CMND /Hộ chiếu/ĐKKD	Ngày cấp	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
A. Cổ đông nhà nước: Không có						
B. Cổ đông lớn						
1	CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFREIGHT	0302511219	21/01/2025	Tầng 8, Tòa nhà Phú Nhuận Plaza, số 82 Trần Huy Liệu, Phường 15, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	1.227.645	8,68%
C. Cổ đông chiến lược: Không có						
D. Cổ đông sáng lập / cổ đông FDI (đối với trường hợp TCNY là doanh nghiệp FDI): Không có						
Tổng Cộng (A+B+C+D)					1.227.645	8,68%

5.2.2 Cổ đông trong nước, cổ đông nước ngoài, cổ đông tổ chức, cổ đông cá nhân

a) **Cổ đông trong nước:** Tổng số 1.091 cổ đông, sở hữu 87,35% cổ phần VNL.

- Cổ đông cá nhân trong nước: 1.081 cổ đông, sở hữu 75.66 % cổ phần VNL.
- Cổ đông tổ chức trong nước: 10 cổ đông, sở hữu 11.69 % cổ phần VNL.

STT	Danh mục	Cổ phiếu nắm giữ	
		Số lượng (cổ phần)	Tỷ lệ
1	Cổ đông sở hữu trên 5% cổ phần (1)	1.227.645	8,68%
2	Cổ đông sở hữu từ 1% đến 5% cổ phần (15)	3.956.625	27,98%
3	Cổ đông sở hữu dưới 1% cổ phần (1075)	7.166.924	50,69%
	Tổng cộng	12.351.194	87,35%

- b) Cổ đông nước ngoài:** Tổng số 51 cổ đông, sở hữu 12,65% cổ phần VNL.
- Cổ đông cá nhân nước ngoài: 39 cổ đông, sở hữu 5,12% cổ phần VNL.
 - Cổ đông tổ chức nước ngoài: 12 cổ đông, sở hữu 7,53% cổ phần VNL.

STT	Danh mục	Cổ phiếu nắm giữ	
		Số lượng (cổ phần)	Tỷ lệ
1	Cổ đông sở hữu trên 5% cổ phần (0)	0	0%
2	Cổ đông sở hữu từ 1% đến 5% cổ phần (4)	1.320.465	9,34%
3	Cổ đông sở hữu dưới 1% cổ phần (47)	468.828	3,31%
	Tổng cộng	1.789.293	12,65%

5.2.3 Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 49%.

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Không phát sinh.

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không phát sinh.

5.5 Các chứng khoán khác

Không phát sinh.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1 Tác động lên môi trường

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính (GHG): chú trọng vào năng lượng sạch, vật liệu xanh, nâng cao hiệu quả chiếu sáng ...

Cụ thể, Công ty lưu ý tiết kiệm năng lượng (điện) trong công sở, nâng cao hiệu quả sử dụng nhiên liệu của các phương tiện vận tải.

6.2 Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Công ty kinh doanh dịch vụ, không sản xuất nên không sử dụng nguyên vật liệu.

6.3 Tiêu thụ năng lượng

6.3.1 Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

TIÊU THỤ ĐIỆN (Kwh)	2024	2023	% +/-
Văn phòng	114.005	106.333	7,22%
Dịch vụ Kho - Bãi	18.909	13.313	42,03%

6.3.2 Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

- Chỉ sử dụng đèn thấp sáng tại khu vực đang làm việc. Luôn đóng kín các cửa ra vào, cửa sổ để tránh thoát nhiệt.
- Trước khi ra về, nhân viên phải tắt các thiết bị sử dụng điện: máy tính, đèn chiếu sáng, máy điều hòa nhiệt độ ...
- Với những thiết bị điện tử, văn phòng: lưu ý chọn mua các thiết bị văn phòng như máy tính, photocopy, máy in ... có hiệu suất năng lượng cao. Định kỳ thay thế, bảo dưỡng và làm vệ sinh các thiết bị văn phòng.
- Lựa chọn vật liệu áp dụng công nghệ cách nhiệt mới khi thay thế trần và tường cách nhiệt trong văn phòng.
- Thường xuyên khuyến khích cán bộ nhân viên đưa ra những sáng kiến, sắp xếp để tiết kiệm năng lượng.

6.4 Tiêu thụ nước

Mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm:

6.4.1 Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Công ty Cấp nước Sài Gòn

TIÊU THỤ NƯỚC (m³)	2024	2023	% +/-
Văn phòng	1.342	1.041	28,91%
Dịch vụ Kho - Bãi	1.842	1.547	19,07%

6.4.2 Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

Không có.

6.5 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Là doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ, Công ty luôn quan tâm đến việc tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và thực hiện theo hướng dẫn của các cơ

quan quản lý môi trường địa phương. Công ty đề ra một số giải pháp để việc bảo vệ môi trường ngày càng tốt hơn:

- Tiết kiệm giấy, hạn chế in nếu không cần, tận dụng giấy hai mặt cho các tài liệu lưu nội bộ.
 - Phân loại rác thải trước khi chuyển ra đơn vị thu gom rác của địa phương.
 - Nước thải tập trung vào hệ thống thoát nước thành phố.
 - Định kỳ kiểm tra kỹ thuật máy móc thiết bị, máy lạnh, các thiết bị điện, thường xuyên vệ sinh văn phòng, kho bãi và phương tiện vận chuyển.
 - Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân kho.
 - Trồng cây xanh trong khuôn viên.
 - Tuyên truyền, phổ biến và nhắc nhở cán bộ nhân viên về ý thức tiết kiệm điện, nước, nhiên liệu, bảo vệ môi trường trong nội bộ doanh nghiệp.
- Trong năm 2024, Công ty không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

6.6 Chính sách liên quan đến người lao động

6.6.1 Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

- Số lượng lao động: 339 người (trụ sở chính Thành phố Hồ Chí Minh, chi nhánh Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng).
- Mức lương tối thiểu: 5.700.000 đ / tháng.
- Mức lương trung bình: 18.000.000 đ / tháng.

6.6.2 Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

a) Các chính sách lao động áp dụng cho người lao động của Công ty

- Thực hiện chế độ, chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật (Hợp đồng lao động, chế độ BHXH-BHYT-BHTN).
- Xây dựng nội quy, quy chế bảo vệ đơn vị, bảo vệ bí mật kinh doanh. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền và công an địa phương trong công tác đảm bảo an ninh, trật tự và phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội trên địa bàn.
- Định kỳ thực hiện đối thoại giữa người sử dụng lao động và người lao động thông qua Công đoàn để kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, nhu cầu và ý kiến đóng góp của người lao động, qua đó điều chỉnh chính sách lao động phù hợp để người lao động yên tâm làm việc và gắn bó với Công ty.

- Các chương trình TEAM BUILDING nghỉ mát thường niên vào mùa hè nhằm gắn kết, tạo sân chơi giao lưu giữa các thành viên trong đại gia đình Vinalink và kỷ niệm 25 năm ngày thành lập công ty của Vinalink Hà Nội, Vinalink Đà Nẵng, Vinalink Hồ Chí Minh, Vinalink Hải Phòng.
- b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe của người lao động**
- Hàng năm, tổ chức khám sức khỏe tổng quát và làm một số xét nghiệm chuyên khoa bổ sung cho người lao động nam và nữ.
- c) Chính sách lao động nhằm đảm bảo an toàn của người lao động**
- Cung cấp đồng phục, trang phục và phương tiện bảo hộ lao động theo tính chất công việc.
 - Thực hiện đầy đủ các quy định, nội quy về công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy. Thường xuyên cử nhân viên tham gia các buổi tập huấn các quy định về an toàn vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy. Định kỳ tự kiểm tra, nhắc nhở cán bộ nhân viên thực hiện các biện pháp an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy tại các phòng ban.
 - Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho người lao động.
- d) Chính sách lao động nhằm đảm bảo phúc lợi của người lao động**
- Công đoàn và Đoàn thanh niên Công ty tổ chức các hoạt động, cuộc thi, hội thi, chương trình ... chào mừng các ngày lễ lớn, ngày sinh nhật với số tiền gần 150.000.000 đồng
 - Duy trì Tổ chức sinh nhật cho các cán bộ nhân viên hàng tháng cho toàn thể NLD trong Công ty để cùng giao lưu và kết nối.
 - Cuộc thi “ Duyên Dáng Áo Dài Vinalink” và Ngày hội giao lưu hợp mặt ngày 08/03/2024 với số tiền gần 50.000.000 đồng.
 - Chăm lo cho con cán bộ nhân viên vào các dịp Ngày Quốc tế Thiếu nhi 1/6, Tết Trung thu, phần thưởng cho học sinh giỏi vào cuối năm học với số tiền gần 100.000.000 đồng.
 - 19/09/2024: Tổ chức cuộc thi thiết kế Lồng đèn và ảnh Tết Đoàn Viên với lồng đèn Vinalink cho các bé thiếu nhi với số tiền thưởng: 25.000.000đồng.
 - Ngày 24/10/2025: Tổ chức Hội thi nấu ăn “Bếp Nhà Vinalink” cắm hoa, trang trí trái cây, ẩm thực chào mừng Ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10 tại trụ sở chính Thành phố Hồ Chí Minh; Vinalink Hà Nội, Vinalink Hải Phòng, Vinalink Đà Nẵng.
 - Tích cực tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các phong trào, hội thi do Công đoàn Khối, Hiệp hội ... tổ chức. Tham gia Hội thao truyền thống Khối Công thương tại Thành phố Hồ Chí Minh, các hoạt động chào mừng kỷ niệm cái ngày lễ trong năm..
 - Trong năm 2024, Công đoàn và Công ty đã chi hỗ trợ, thăm hỏi, tặng quà Tết cho gia đình Công đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn, số tiền 30.000.000 đồng.

Chuỗi sự kiện kỷ niệm 25 năm thành lập:

- Cuộc thi viết “Vinalink trong tôi là..” đã thu hút hơn 200 bài dự trong cán bộ Công nhân viên Công ty.
- Cty đã tổ chức cho toàn thể CBCNV tham gia nghỉ mát và dự lễ Kỷ niệm tại Cam Ranh, Hạ Long với những hoạt động vui chơi tập thể như: thi Văn nghệ, thi Thời trang, tạo điều kiện cho Anh chị em, có thời gian giao lưu , hiểu biết và gắn kết với nhau trong công việc, giúp cho tập thể Vinalink ngày càng lớn mạnh và vững chắc.
- Vinalink online marathon trong 115 ngày để chào mừng sự kiện kỷ niệm 25 năm thành lập Công ty đã thu hút hơn 250 bán bộ CNV tham dự với quãng đường 29,886 km.
- Ngày hội gia đình 2024 đã rộn ràng khắp 3 miền tổ quốc cho các Con nhân dịp 01/06/2024
- Tổ chức chương trình ngày hội “Mùa Hè Của Em” tại Trường Tiểu Học Mỹ Thạnh Bắc 1, Ấp 2, Mỹ Thạnh Bắc, Đức Huệ, Long An vào ngày 15/06/2024 với số tiền hơn 50.000.000 đồng
- Cuộc thi vẽ tranh cho bộ lịch 2025 “Vinalink Logistics – Tương lai kết nối”. Thời gian từ ngày 01/10/2024 đến 11/10/2024 với số tiền hơn 20.000.000 đồng.

6.6.3 Hoạt động đào tạo người lao động

- Công ty khuyến khích nhân viên làm chủ việc học tập để làm việc tốt hơn, nâng cao năng lực bản thân và có cơ hội phát triển nghề nghiệp.
- Nhân viên có thể tìm thấy những cơ hội học tập đa dạng tại Vinalink để nâng cao năng lực bản thân và phát triển nghề nghiệp:
 - Học nghiệp vụ chuyên môn và các kỹ năng ngay trong công việc.
 - Huấn luyện, chỉ dẫn, tư vấn từ cấp trên.
 - Tham gia vào những dự án.
 - Tham khảo ý kiến từ những chuyên gia.
 - Tham gia các nhóm làm việc.
 - Học hỏi từ đồng nghiệp.
 - Đào tạo nội bộ:
 - Ngày 30/05/2024: Chuyên đề: Sales Seminar Chinh phục khách hàng nhà máy.
 - Ngày 01/11/2024: Chuyên đề Xe tải xe cont và những vấn đề cần lưu ý.
 - Ngày 11/12/2024: Chuyên đề Hàng FCL xuất và những vấn đề cần lưu ý.
 - Các cơ hội học tập và phát triển kỹ năng khác: hoán chuyển công việc; thăm đại lý nước ngoài, khảo sát thị trường, thăm khách hàng; các khóa học theo chủ đề, hội thảo, hội nghị; các chương trình đào tạo chính quy ...

6.7 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Từ khi thành lập đến nay, đội ngũ cán bộ nhân viên Công ty Vinalink luôn có tinh thần trách nhiệm và tích cực tham gia những hoạt động thiết thực thể hiện trách nhiệm xã hội và cộng đồng của doanh nghiệp.

- Trong năm 2024, Công ty vận động người lao động tham gia hiến máu nhân đạo đóng góp hơn 85 đơn vị máu tại Phường 01, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Công đoàn Công ty đã vận động đoàn viên tham gia các hoạt động xã hội từ thiện như Vận động VINALINK "CHUNG MỘT TÂM LÒNG – VÌ ĐỒNG BÀO MIỀN BẮC THƯƠNG YÊU" với số tiền: 68.600.000 đồng
- Tổ chức chương trình ngày hội “Mùa Hè Của Em” tại Trường Tiểu Học Mỹ Thạnh Bắc 1, Ấp 2, Mỹ Thạnh Bắc, Đức Huệ, Long An.
- Trong năm 2024, Công đoàn và Công ty đã chi hỗ trợ, thăm hỏi, tặng quà Tết cho gia đình Công đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn, số tiền 30.000.000 đồng.
- Luôn duy trì các hoạt động về nguồn gắn với lịch sử và Cách mạng như: Rừng Sác Cần Giờ và Đại đội Trinh sát 20, Sư đoàn 5 Bộ binh, Quân khu 7 tại Châu Thành, Tây Ninh.

6.8 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Hiện tại Công ty chưa có các hoạt động thị trường vốn xanh. Tuy nhiên, Công ty rất quan tâm theo dõi các thông tin về hoạt động này và sẽ lên kế hoạch tham gia.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả kinh doanh năm 2024

ĐVT: tỉ VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	%
Tổng doanh thu	1,152.74	729.15	158.09%
Lãi trước thuế	59.32	43.72	135.68%
Lãi sau thuế	45.43	37.31	121.76%
Tỉ lệ lãi trước thuế / vốn điều lệ	41.95%	30.92%	135.68%
Tỉ lệ lãi sau thuế / vốn điều lệ	32.13%	26.39%	121.75%

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2024 (đã kiểm toán)

Tình hình và kết quả kinh doanh năm 2024 có một số điểm nổi bật như sau:

1.1 Về kết quả

Doanh thu tăng 58% so với năm trước và tăng 28% kế hoạch năm. Lợi nhuận năm 2024 tăng 35,7% so với năm trước và tăng 123,7% kế hoạch năm. Trong đó lợi nhuận từ kinh doanh trực tiếp tăng khá nhiều, tăng 146%.

1.2 Về tình hình kinh doanh

- Ngay từ đầu năm 2024 công ty cũng đã dự đoán sẽ là một năm tiếp tục có nhiều khó khăn với nhiều yếu tố bất ngờ. Tuy nhiên, kết quả kinh doanh 2024 đạt cao là

- do công ty cũng đã tập trung nguồn lực và định hướng vào khai thác mảng dịch vụ logistics trọng yếu bao gồm dịch vụ logistics thương mại điện tử, dịch vụ logistics nội địa cho các nhà máy trong các khu công nghiệp và đón đầu xu hướng dịch chuyển nhà máy từ Trung Quốc sang Việt Nam.
- Công ty đã tiếp tục đưa ra các biện pháp điều chỉnh việc quản lý và thực hành nghiệp vụ thích ứng linh hoạt với tình hình diễn biến của thị trường. Tập trung giữ ổn định lượng khách hàng truyền thống đi đôi với khai thác các mảng dịch vụ, các khách hàng mới trong đó tập trung khai thác cơ hội ở mảng dịch vụ hàng xuất khẩu trong mua bán trên thị trường thương mại điện tử, tổ chức quản lý kinh doanh dịch vụ hợp lý chuyên nghiệp, tập trung nâng cao hiệu quả dịch vụ thông qua phần mềm quản lý, tổ chức phối hợp nghiệp vụ chặt chẽ giữa các đơn vị tại TPHCM và các chi nhánh, đáp ứng tốt các yêu cầu của khách hàng và đại lý.
 - Thực hiện phương hướng nhiệm vụ kế hoạch năm 2024 do Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua, trong năm công ty đã tập trung củng cố và phát triển các dịch vụ chủ yếu truyền thống là airfreight và seafreight, đẩy mạnh dịch vụ logistics nội địa, dịch vụ consol đường biển, đặc biệt là dịch vụ FBA consol trong tình hình cạnh tranh gay gắt với sự xuất hiện của nhiều đối thủ cạnh tranh từ Trung Quốc, kết hợp box xuất với box nhập trong quan hệ với đại lý phù hợp với tình hình mới, trong đó:
 - Giữ ổn định các dịch vụ với các khách hàng chủ lực, chuyển phương thức tiếp cận dịch vụ và làm việc, mở rộng khai thác dịch vụ consol bằng đường hàng không, tập trung khai thác consol FBA đến các kho của Amazon.
 - Tập trung, tổ chức các team làm việc phù hợp cho các khách hàng VIP theo phương thức 24/7 đáp ứng yêu cầu của khách hàng. Dịch vụ logistics cung cấp các khách hàng trong khu công nghiệp với sản lượng lớn đã góp phần quan trọng vào kết quả chung của cả năm.
 - Công tác tổ chức và quản lý kinh doanh trong năm tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy định, quy trình nghiệp vụ cho phù hợp với thực tế; tăng cường chất lượng dịch vụ, quản lý công nợ chặt chẽ, tăng cường hoạt động giữ khách hàng và sản phẩm dịch vụ; đẩy mạnh công tác truyền thông, quảng bá hình ảnh và các dịch vụ của công ty đến các khách hàng, đối tác và đại lý trên toàn cầu.
 - Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: đã thực hiện theo quy định.
 - Một số hạn chế:
 - Về nhân sự, tổ chức và quản lý: việc tuyển dụng bổ sung mới có nhiều khó khăn, nhất là nguồn cho chức danh sales và cán bộ quản lý chủ chốt, chất lượng còn hạn chế.
 - Cơ sở vật chất thiếu kho tàng ở vị trí phù hợp và phương tiện vận chuyển cơ giới làm cơ sở để chào bán dịch vụ cho những khách hàng lớn, nhất là dịch vụ logistics – dịch vụ chuỗi cung ứng.

2. Tình hình tài chính

2.1 Tình hình tài sản

ĐVT: VNĐ

Chỉ tiêu	Số cuối năm 2024	Số đầu năm 2024	%
A. Tài sản ngắn hạn	359,500,564,189	294,763,771,975	121.96%
B. Tài sản dài hạn	96,873,845,402	95,735,912,848	101.19%
Tổng cộng	456,374,409,591	390,499,684,823	116.87%

2.2 Tình hình nợ phải trả

ĐVT: VNĐ

Chỉ tiêu	Số cuối năm 2024	Số đầu năm 2024	%
A. Nợ ngắn hạn	117,509,202,975	78,445,105,870	149.80%
B. Nợ dài hạn	41,452,398,460	42,361,050,000	97.85%
Tổng cộng	158,961,601,435	120,806,155,870	131.58%

2.3 Tình hình các khoản phải thu

ĐVT: VNĐ

Chỉ tiêu	Số cuối năm 2024	Số đầu năm 2024	%
A. Các khoản phải thu ngắn hạn	259,548,764,000	195,721,027,210	132.61%
B. Các khoản phải thu dài hạn	2,428,740,880	2,110,230,880	115.09%
Tổng cộng	261,977,504,880	197,831,258,090	132.42%

Các khoản phải thu và phải trả hầu hết là các khoản nợ phát sinh trong quá trình thực hiện dịch vụ và trong thời hạn thỏa thuận trong sự kiểm soát của Công ty.

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công tác tổ chức và quản lý kinh doanh trong năm tiếp tục hoàn thiện các quy chế, quy định, quy trình nghiệp vụ cho phù hợp với thực tế; tăng cường chất lượng dịch vụ, quản lý công nợ chặt chẽ, tăng cường hoạt động giữ khách hàng và sản phẩm dịch vụ.

- Thực hiện việc triển khai hai chương trình quản lý theo tiêu chuẩn ISO bao gồm:
 - + Chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thông tin ISO 27001:2022
 - + Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: đã thực hiện theo quy định.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Phương hướng nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2025:

4.1 Về kinh doanh và đầu tư

Tình hình kinh tế nói chung và hoạt động xuất nhập khẩu năm 2025 vẫn đang trong giai đoạn có nhiều biến động khó lường và có nhiều thách thức. Các chuỗi cung ứng toàn cầu bị đứt gãy vẫn chưa trở lại bình thường hoàn toàn, ảnh hưởng của các quyết định áp thuế mới của Mỹ đặt ra nhiều biến động khó lường trong hoạt động thương mại và chuỗi cung ứng toàn cầu; các nhà sản xuất lớn trong nước vẫn chưa có nhiều đơn hàng ổn định, hoạt động xuất nhập khẩu bị tác động lớn ... Các rủi ro trong kinh doanh bao gồm rủi ro từ công nợ, rủi ro về nhân sự, rủi ro trong lưu thông với vận chuyển đường bộ nguy cơ tăng cao tác động nghiêm trọng đến dòng tiền hoạt động, việc tổ chức điều hành kinh doanh ... là những yếu tố cần được chú ý trong hoạt động kinh doanh năm 2025.

Trong bối cảnh chung như vậy mục tiêu nhiệm vụ kinh doanh chủ yếu năm 2025 là:

- Tranh thủ khai thác các cơ hội trong điều kiện thị trường có nhiều thay đổi, linh hoạt thích ứng với tình hình mới, đồng thời tập trung thực hiện mọi biện pháp phù hợp để duy trì kinh doanh; tiếp tục cung cấp dịch vụ phù hợp cho khách hàng, cố gắng giữ ổn định các dịch vụ, tập trung xây dựng chiến lược phát triển khách hàng mới, tăng tỷ trọng khách hàng lớn, khách hàng là các nhà đầu tư nước ngoài, các nhà máy trong các khu công nghiệp, liên kết chặt chẽ với các đối tác nước ngoài để khai thác mở rộng mạng lưới dịch vụ, đưa công nghệ vào trong công tác quản lý tại từng khâu nghiệp vụ nhằm gia tăng giá trị cho các khách hàng.
- Phân đầu tiếp tục ổn định các mặt hoạt động, thực hiện các biện pháp linh hoạt tranh thủ, phát huy kết quả tốt từ các dịch vụ cung cấp cho một số khách hàng lớn trong năm 2024, củng cố và nâng cao chất lượng dịch vụ, tổ chức khai thác các nguồn lực hợp lý để nâng cao kết quả kinh doanh, phân đầu giữ ổn định các chỉ tiêu chủ yếu đã đạt được. Tập trung xử lý các khoản nợ phù hợp với tình hình thị trường, đánh giá lại nguồn khách hàng lấy tiêu chí hiệu quả và an toàn làm cơ bản. Tiếp tục tập trung củng cố hoàn thiện và thay đổi cơ cấu tổ chức bộ máy, hiệu quả quản lý kinh doanh thống nhất, tập trung và hiệu quả trong toàn công ty.

Chỉ tiêu chủ yếu:

- Tổng Doanh thu: 1.270 tỷ VND
- Lãi trước thuế : 65 tỷ VND
- Cổ tức : 1.500 VND / cổ phần

4.2 Một số biện pháp chung

- Tiếp tục triển khai các biện pháp để ổn định và nâng cao hiệu quả dịch vụ: tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức quản lý, quy trình quản lý và nghiệp vụ; tập trung củng cố chấn chỉnh bộ máy tổ chức quản lý, bổ sung nhân sự quản lý lãnh đạo; giải quyết tình hình công nợ tồn đọng; tiếp tục hoàn thiện nâng cao hiệu quả quản lý tổ chức kinh doanh của các dịch vụ tại TPHCM, triển khai mở rộng các dịch vụ của Vinalink ở nước ngoài; rà soát lại trình độ, năng suất làm việc của đội ngũ nhân viên; đẩy mạnh hoạt động bán dịch vụ.

- Về mặt kinh doanh: tiếp tục củng cố giữ vững thị phần của các dịch vụ Đường biển và Hàng không quốc tế; chú trọng các dịch vụ logistics của các dự án nhà máy lớn, dịch vụ vận chuyển và cung ứng nội địa; triệt để cắt giảm các chi phí hành chính quản lý, thực hiện cơ chế chi trả lương, thưởng ... gắn với kết quả kinh doanh trong phạm vi toàn công ty với các hình thức phù hợp cho từng chức danh; triển khai các biện pháp nâng cao chất lượng dịch vụ cùng với các hình thức khuyến mãi dịch vụ ... để giữ và tăng lượng dịch vụ. Tiếp tục tăng cường thực hiện đào tạo cho cán bộ quản lý và nhân viên.
- Chú trọng đầu tư phát triển dịch vụ logistics cho thương mại điện tử quốc tế thông qua việc hợp tác với các đối tác lớn nước ngoài tạo ra chuỗi giải pháp logistics hiệu quả cho khách hàng. Nâng cao chất lượng của đội ngũ chào bán dịch vụ logistics thương mại điện tử theo hướng chuyên nghiệp.
- Nâng cao chất lượng công tác pháp chế nghiệp vụ vận tải quốc tế và quản trị nguồn nhân lực.
- Tiếp tục củng cố, nâng cao hiệu quả quản lý và kinh doanh, bổ sung và hoàn thiện nhân sự lãnh đạo chủ chốt ở công ty và các chi nhánh.
- Khai thác tốt và nâng cấp phần mềm nghiệp vụ và quản lý mới – phần mềm VMS để nâng cao hiệu quả quản lý và chất lượng dịch vụ; chuẩn bị cơ sở dữ liệu đề hướng tới xây dựng và đưa chatbot vào áp dụng để nâng cao giá trị dịch vụ của công ty cung cấp cho khách hàng.
- Tăng cường hơn cho công tác marketing ở phạm vi công ty tạo môi trường cho việc bán dịch vụ ở các đơn vị, với các hình thức thích hợp như quảng cáo, quan hệ khách hàng và đối tác; tiếp tục củng cố các mối quan hệ đối tác với các đại lý ở các khu vực và tìm kiếm các đối tác mới.
- Khai thác nguồn lực từ các cổ đông trong hợp tác dịch vụ, phát triển khách hàng, tăng cường nhân sự có kinh nghiệm ... tạo ra nguồn phát triển dịch vụ mới.
- Đầu tư mua sắm thay thế 3 xe vận tải, 10 rơ-mooc thay thế cho số thanh lý và bổ sung phương tiện vận tải, giá trị đầu tư dự kiến 15 tỷ đồng.
- Đề nghị: Giao cho Hội đồng quản trị quyết định việc thoái vốn tại các công ty đã đầu tư trên cơ sở đảm bảo tính hiệu quả trong việc sử dụng vốn theo nguyên tắc chào bán công khai và cạnh tranh phù hợp với nhu cầu sử dụng vốn.
- Hợp tác chặt chẽ cùng các đối tác củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết.

5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Không có.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

6.1 Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải ...)

Là doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ, Công ty luôn quan tâm đến việc tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và thực hiện theo hướng dẫn của các cơ quan quản lý môi trường địa phương. Các giải pháp đã triển khai cho toàn thể cán bộ nhân viên thực hiện giúp xây dựng nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho cán bộ nhân viên, tiết kiệm

chi phí điện - nước, đảm bảo an toàn lao động, tạo ra môi trường làm việc xanh, sạch, an toàn, đóng góp hiệu quả vào hoạt động bảo vệ môi trường chung.

6.2 Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Việc quản trị nguồn nhân lực của Công ty có một số đặc điểm sau :

- Chất lượng đội ngũ nhân lực: Trong những năm gần đây, các trường Đại học, Cao đẳng đầu tư hơn về chương trình học, gắn với thực tế đối với các chuyên ngành xuất nhập khẩu, kinh doanh quốc tế, logistics và vận tải đa phương thức, do vậy có thể đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực có kiến thức căn bản về chuyên ngành cho các doanh nghiệp. Về ngoại ngữ, đội ngũ nhân lực trẻ ngày càng có trình độ tiếng Anh tốt, có thể xử lý các yêu cầu trong giao dịch với đối tác nước ngoài.
- Thách thức trong quản trị nhân sự:
 - Số lượng các công ty trong nước và nước ngoài trong lĩnh vực này mở ra tại Việt Nam ngày càng nhiều, thu hút nhiều nhân lực có trình độ và kinh nghiệm từ các công ty Việt Nam bằng cách nâng mức lương lên cao hơn nhiều. Đội ngũ cán bộ nhân viên hầu hết khá năng động, tự tin, có mong đợi cao và cụ thể về sự phát triển trong nghề nghiệp như thăng tiến, lương và phúc lợi, môi trường làm việc thân thiện và thoải mái. Họ thường xuyên tìm kiếm những cơ hội việc làm có thu nhập tốt hơn, sẵn sàng nhảy việc khi có cơ hội.
 - Để đảm bảo tạo môi trường làm việc thuận lợi, tăng cường tính gắn kết cho nhân viên công ty, Ban giám đốc luôn theo dõi tình hình nhân sự, chính sách lương và phúc lợi linh hoạt cho nhân viên, khen thưởng kịp thời, tạo điều kiện cho nhân viên có cơ hội học hỏi, phát triển, cân bằng giữa công việc – gia đình, tăng cường tinh thần đồng đội và sự gắn kết của nhân viên thông qua các hoạt động tập thể, các buổi dã ngoại, tham gia các hoạt động giao lưu văn nghệ - thể thao do Công ty hoặc Công đoàn khối DNTMTW tại TPHCM tổ chức.

6.3 Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Trách nhiệm với cộng đồng địa phương và tham gia các chương trình từ thiện xã hội là truyền thống của Vinalink từ khi thành lập đến nay. Ban giám đốc, Công đoàn Công ty và đội ngũ cán bộ nhân viên Vinalink luôn có tinh thần trách nhiệm và tích cực tham gia.

Với những thành tích và nỗ lực vì cộng đồng, Công đoàn Công ty Cổ phần Logistics Vinalink được Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh tặng Cờ với danh hiệu “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2024”.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

- Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt công tác quản trị doanh nghiệp. Trong năm 2024, ngoài các phiên họp chính thức, Hội đồng quản trị đã tiến hành lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua nhiều quyết định và nội dung quản trị. Hội đồng quản trị đã triển khai các nhiệm vụ được giao và đạt được những kết quả cụ thể trong hoạt động.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc Công ty

- Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động kinh doanh năm 2024 trong điều kiện tình hình kinh tế xã hội trong nước và thế giới có nhiều khó khăn, thách thức, biến động phức tạp do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế thế giới, chiến tranh Nga - Ukraine, các thị trường lớn giảm sức mua và các yếu tố địa chính trị, kinh tế phát sinh trên thế giới, phát sinh nhiều yếu tố mới ảnh hưởng đến việc tổ chức thực hiện kinh doanh và phương thức làm việc, đến hiệu quả kinh doanh nhưng Công ty đã cố gắng thực hiện vượt mức các chỉ tiêu kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông thường niên giao.
- Tổ chức thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 và các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
- Công tác tổ chức và điều hành hoạt động hằng ngày của Công ty: Tổng giám đốc tổ chức và điều hành hoạt động hằng ngày của Công ty theo đúng các quy định được cho phép trong Giấy phép đăng ký kinh doanh, tuân thủ đúng luật pháp Nhà nước và các quy định liên quan đến công ty cổ phần, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Trong công tác điều hành đã thể hiện tính chủ động, quyết liệt, linh hoạt và hiệu quả cao.
- Đã thực hiện tốt công tác quản trị và công bố thông tin theo quy định đối với công ty niêm yết, tiếp tục là một trong số các công ty Chuẩn Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán - IR Awards 2024.

3. Kết quả thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024

- Về kết quả kinh doanh, năm 2024: Các chỉ tiêu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên giao đã được thực hiện vượt mức cao, trong đó Doanh thu đạt 158% kế hoạch, lãi trước thuế đạt 223,7% so với kế hoạch. Nguyên nhân kết quả đạt cao ngoài yếu tố thị trường chung có những tiến triển tích cực so với năm 2023, yếu tố quan trọng là việc tổ chức điều hành kinh doanh chủ động, linh hoạt, hiệu quả của Ban Giám Đốc công ty, việc tổ chức thực hiện nghiêm túc và trách nhiệm của các đơn vị trực thuộc có nhiều thay đổi tích cực; việc xây dựng cơ sở quan hệ đối tác trong ngoài nước và với các khách hàng lớn có kết quả tốt thông qua sự phối hợp chuyên nghiệp và có hiệu quả, nâng cao chất lượng dịch vụ và vị thế công ty trên thị trường.
- Về tổ chức quản trị, Công ty đã hoàn thiện tổ chức bộ máy nhân sự, quy trình nghiệp vụ, hệ thống phần mềm nghiệp vụ, góp phần phát huy hiệu quả tốt trong việc tổ chức quản lý và kinh doanh; đạt Chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thông tin ISO/IEC 27001:2002, Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015, qua đó, thể hiện sự tuân thủ và đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế của Công ty về bảo mật

thông tin, quản lý hiệu quả tài sản thông tin của Công ty, cam kết bảo mật chắc chắn với các đối tác và mở ra nhiều cơ hội kinh doanh toàn cầu trong tương lai; công tác truyền thông được đẩy mạnh, hỗ trợ tích cực cho việc quảng bá sản phẩm dịch vụ, nhận diện thương hiệu trên nhiều nền tảng, tạo được vị thế mới trên thị trường, nhất là trong quan hệ với các đối tác.

- Các hoạt động kỷ niệm 25 năm thành lập công ty đã được tổ chức thiết thực, trang trọng, làm nổi bật thành tựu đã đạt được, những kinh nghiệm thành công; kết nối được quá khứ và hiện tại; khơi dậy lòng tự hào và tinh thần trách nhiệm của CBNV trong công ty; khẳng định được vị thế mới của công ty trên thị trường; trong quan hệ với các đối tác; đồng nghiệp và khách hàng.
- Đã chi cổ tức năm bằng 10% / mệnh giá cổ phần theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024. Trên cơ sở kết quả kinh doanh tốt của năm, kiến nghị ĐHĐCĐ quyết định mức chi cổ tức cho cả năm 2024 là 15%/mệnh giá cổ phần (1.500 VND/cổ phần).
- Việc thoái vốn tại một số công ty liên kết để đảm bảo tính hiệu quả trong việc sử dụng vốn đã được đặt ra và triển khai song chưa thực hiện được do thị trường chưa thuận lợi.

4. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Định hướng kinh doanh: phát huy nền tảng đã đạt được, tiếp tục khai thác tốt các nguồn lực về vốn, nhân sự, đại lý, tập trung đầu tư và nâng cao chất lượng các dịch vụ cơ bản. Tập trung khai thác tốt các cơ hội kinh doanh một cách linh hoạt và hiệu quả.
- Tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy và quy trình quản lý - nghiệp vụ đảm bảo yêu cầu thống nhất, tập trung và an toàn - hiệu quả trong toàn Công ty. Bổ sung và hoàn thiện nhân sự lãnh đạo, quản lý chủ chốt ở Công ty và các chi nhánh. Xây dựng đội ngũ cán bộ nhân viên chuyên nghiệp, năng động, hiệu quả gắn với việc thực hiện chuyển đổi số, vận dụng nhiều hơn những thành tựu và xu hướng công nghệ mới trong tổ chức thực hiện và kinh doanh dịch vụ.
- Rà soát và đánh giá hoạt động của các công ty liên doanh liên kết, phối hợp với các đối tác nâng cao hiệu quả quản trị và đầu tư, xem xét thoái vốn hoặc tăng vốn ở những dự án cụ thể khi có nhu cầu để tăng hiệu quả sử dụng vốn cho Công ty.
- Đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động xem xét quyết định theo các phương thức phù hợp đảm bảo có lợi nhất cho Công ty.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024 - 2029: 5 người.

Trong đó:

- Thành viên độc lập: 02 người.
- Thành viên điều hành: 01 người.
- Thành viên chuyên trách: 01 người.

STT	Thành viên Hội đồng quản trị	Chức vụ	Tỉ lệ sở hữu cổ phần	Thành viên Hội đồng quản trị các công ty khác
1	Ông Nguyễn Nam Tiến	Chủ tịch Hội đồng quản trị	1,08%	<p>Phó chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Dịch vụ Đại lý Vận chuyển (FC Vietnam).</p> <p>Phó chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Điều hành Vận chuyển Hàng hóa Liên kết (LCM).</p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Logistics Kim Thành.</p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị CTCP Vận chuyển Vinalink (Vinalink Transport).</p>
2	Ông Vũ Thế Đức	Thành viên Hội đồng quản trị	3.43%	Phó chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH RCL (Việt Nam).
3.	Ông Vũ Quốc Bảo	Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng giám đốc	0.76%	<p>Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Dịch vụ Đại lý Vận chuyển (FC VIETNAM).</p> <p>Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Điều hành Vận chuyển Hàng hóa Liên kết (LCM).</p> <p>Ủy viên Hội đồng quản trị CTCP Giao nhận Vận tải Miền Trung (Vinatrans Danang).</p> <p>Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật (Konoike Vina).</p>
4	Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập	0.23%	Giám đốc CTCP Vận chuyển Vinalink (Vinalink Transport).

5	Ông Đỗ Phú Kim	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập	0%	
---	----------------	--------------------------------------	----	--

1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị không thành lập các tiểu ban chuyên môn thuộc Hội đồng quản trị.

1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị

1.3.1 Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt công tác quản trị doanh nghiệp. Trong năm 2024, ngoài các phiên họp chính thức, Hội đồng quản trị đã tiến hành lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua nhiều quyết định và nội dung quản trị. Hội đồng quản trị đã triển khai các nhiệm vụ được giao và đạt được những kết quả cụ thể trong hoạt động.

1.3.2 Các cuộc họp Hội đồng quản trị trong năm 2024

STT	Thành viên Hội đồng quản trị	Số buổi họp Hội đồng quản trị tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Vũ Thế Đức	9	100%	
2	Ông Nguyễn Nam Tiến	9	100%	
3	Ông Vũ Quốc Bảo	9	100%	
4	Ông Nguyễn Quốc Huy	9	100%	
5	Ông Đỗ Phú Kim	9	100%	

1.3.3 Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (năm 2024)

Stt	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	124/2024/NQ/VNL-HĐQT	29/02/2024	1) Thời gian tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2024: ngày 23/04/2024. 2) Kế hoạch chi cổ tức đợt 2/2023 (mức chi 7%, ngày chi 16/04/2024). 3) Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông để

			tổ chức ĐHĐCĐ năm 2024 và chi cổ tức đợt 2/2023: 21/03/2024.
2	282/2024/NQ/VNL-HĐQT	23/04/2024	<ol style="list-style-type: none"> 1) Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024 – 2029 <ol style="list-style-type: none"> 1.1) Chủ tịch HĐQT : Ông Nguyễn Nam Tiến 2) Bổ nhiệm lại Ban giám đốc Công ty cho nhiệm kỳ 2024-2029 <ol style="list-style-type: none"> 2.1) Tổng giám đốc: Ông Vũ Quốc Bảo 2.2) Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng công ty: Bà Nguyễn Anh Nam 2.3) Giám đốc Pháp chế: Bà Nguyễn Đỗ Anh Thư 3) Chỉ định Người phụ trách quản trị công ty - Thư ký công ty - Người được ủy quyền CBTT từ ngày 01/05/2024 (Bà Nguyễn Thị Hồng Vân và bà Nguyễn Đỗ Anh Thư) 4) Chỉ định người đại diện vốn của công ty Vinalink tại các công ty liên doanh, liên kết.
3	295/2024/QĐ/VNL-HĐQT	23/04/2024	Giao Kế hoạch kinh doanh năm 2024 cho Công ty
4	296/2024/QĐ/VNL-HĐQT	23/04/2024	Giao Kế hoạch quỹ lương năm 2024 cho Công ty
5	332/2024/NQ/VNL-HĐQT	14/05/2024	Mức chi thù lao từ quý 2/2024 và Chi thưởng từ phần còn lại Quỹ HĐQT-BKS 2023. .
6	389/2024/NQ/VNL-HĐQT	10/06/2024	<p>Chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam làm công ty kiểm toán báo cáo quyết toán tài chính năm 2025 của công ty.</p> <p>Ủy quyền cho TGD ký Hợp đồng dịch vụ và thực hiện các công việc có liên quan đảm bảo BCTC được lập phù hợp với các quy định hiện hành.</p>
7	784/2024/NQ/VNL-HĐQT	28/08/2024	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Dự thảo Quy chế Trả lương và Quy chế khuyến khích kinh doanh - Thay đổi người phụ trách Kiểm toán nội bộ công ty. - Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2024 bằng tiền.
8	977/2024/NQ/VNL-HĐQT	27/11/2024	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua kế hoạch kiểm toán nội bộ 2025. - Thông qua điều chỉnh thang bảng lương, cập nhật bổ sung theo quy chế trả lương mới. - Thông qua việc sửa đổi đối tượng được hưởng trong mục 2 Quy chế về khen thưởng số 2352/2020/QC-VNL-HĐQT ngày 22/10/2020. - Thông qua kế hoạch đầu tư vào công ty LMS.

Nguồn: Báo cáo tình hình Quản trị Công ty năm 2024

1.3.4 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

- Các thành viên Hội đồng quản trị độc lập:
 - Ông Nguyễn Quốc Huy.
 - Ông Đỗ Phú Kim.
- Thành viên Hội đồng quản trị độc lập tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình, góp phần giúp Hội đồng quản trị giám sát, điều hành hoạt động của Công ty theo đúng định hướng phát triển. Với kiến thức và kinh nghiệm của mình, các thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã đưa ra những ý kiến xác thực, có chuyên môn và thể hiện tinh thần độc lập. Trong các cuộc họp của Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã có phản biện các đề xuất định hướng chiến lược, kế hoạch kinh doanh; theo dõi hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc theo Điều lệ của công ty.
- Hội đồng quản trị không thành lập các tiểu ban chuyên môn của Hội đồng quản trị.

1.3.5 Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

Các thành viên Hội đồng quản trị chưa tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty theo quy định về quản trị công ty tại cơ sở đào tạo được UBCKNN công nhận. Tuy nhiên, công ty có tạo điều kiện tham dự các chương trình đào tạo ngắn hạn/hội thảo thuộc lĩnh vực liên quan khác.

2. Ban Kiểm soát

2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Số lượng thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024 - 2029: 3 người.

STT	Thành viên Ban kiểm soát	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Bà Phan Phương Tuyền	Trưởng Ban kiểm soát	0.05%
2	Bà Lê Thị Ngọc Anh	Thành viên Ban kiểm soát	0.02%
3	Ông Dương Trần An	Thành viên Ban kiểm soát	0.14%

2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát

- Trong năm, Ban kiểm soát đã tổ chức 03 cuộc họp theo định kỳ và Trưởng Ban kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty.

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định theo Điều lệ Công ty.
- Kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các quy chế mà Công ty đã ban hành trong việc quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị và Ban điều hành.
- Kiểm tra công tác tài chính, kế toán và việc tuân thủ các quy định liên quan của pháp luật.
- Soát xét, thẩm định Báo cáo tài chính 6 tháng và Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán.

2.3 Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả giám sát tình hình hoạt động kinh doanh và tài chính của Công ty

2.3.1 Về kết quả kinh doanh

Trong năm 2024, Công ty đã xuất sắc đạt vượt mức kế hoạch được giao về cả chi tiêu doanh thu và lợi nhuận.

Cụ thể:

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2023 (VND)	KẾ HOẠCH 2024 (VND)	THỰC HIỆN 2024 (VND)	+/- (VND)	Tỷ lệ %
DOANH THU	729.154.403.208	900.000.000.000	1.152.738.721.057	252.738.721.057	128%
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	43.721.288.386	26.500.000.000	59.324.067.723	32.824.067.723	224%
Trong đó : từ đầu tư dài hạn	21.402.549.521	2.500.000.000	4.244.758,889	1.744.758.889	170%

Điều này nhờ vào sự lãnh đạo đúng đắn tài tình của Ban Giám đốc Công ty. Ban Giám đốc đã trình Hội đồng quản trị xem xét và duyệt những thay đổi trong tổ chức, bộ máy quản lý và đã có những phương án kinh doanh linh hoạt, kịp thời, thích ứng với diễn biến của thị trường.

2.3.2 Về mặt quản lý, điều hành trong tài chính, kinh doanh

Công ty đã tiến hành điều chỉnh cơ cấu tổ chức công ty, chấn chỉnh lại hoạt động kinh doanh của các chi nhánh, tuân thủ theo Nội quy quản lý của công ty.

Trong năm, Ban Giám đốc đã trình Hội đồng quản trị duyệt để ban hành và bổ sung Quy chế trả lương, Quy chế khuyến khích kinh doanh đến từng đối tượng, tập thể nhằm khuyến khích người lao động làm việc nâng cao hiệu quả, gắn liền lợi nhuận công ty với lợi ích của người lao động.

Quy chế được xây dựng trên nguyên tắc: tiền lương tiền thưởng trả cho tập thể hoặc người lao động sẽ căn cứ vào năng suất, chất lượng, hiệu quả và mức độ đóng góp của cá nhân tập thể người lao động, đảm bảo sự công bằng và minh bạch giữa tập thể và cá nhân.

Chính việc triển khai Quy chế này đã mang lại bầu không khí làm việc hăng say trong toàn Công ty, góp phần mang lại kết quả năm 2024 thật tốt đẹp.

2.3.3 Về thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

- Công ty đã tuân thủ và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ mà Nghị quyết đề ra: Tiến hành chi cổ tức 10% bằng tiền đúng theo Nghị quyết.
- Hoạt động của Ban Kiểm soát nội bộ: Trong năm, Ban Kiểm soát nội bộ đã thực hiện được 1 trong 2 chuyên đề theo kế hoạch được giao là “ Nâng cao hiệu quả hoạt động giao nhận- vận chuyển hàng hóa tại Phòng Vận tải và Kho bãi ”. Kết quả đã giúp cho Phòng Vận tải Kho bãi rà soát và thay đổi các quy trình, để kiểm soát và giảm thiểu các rủi ro có thể xảy ra.

2.3.4 Về tuân thủ các quy định của pháp luật

- Công ty đã hoạt động kinh doanh theo đúng các nội dung của Giấy phép đăng ký kinh doanh. Tuân thủ đầy đủ các quy định về báo cáo, hạch toán kế toán, tài chính, các nội dung và yêu cầu của việc công bố thông tin theo pháp luật hiện hành đối với công ty cổ phần.

2.3.5 Thẩm định Báo cáo Tài chính năm 2024 đã kiểm toán

- Báo cáo tài chính được lập theo đúng Chuẩn mực Kế toán Việt nam, chế độ Kế toán Doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt nam.

2.3.6 Báo cáo về kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc

- Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã triển khai đúng các nội dung hoạt động theo tinh thần Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2024.
- Trong các cuộc họp Hội đồng quản trị, các thành viên đã cùng Ban Giám đốc phân tích, đánh giá tình hình kinh doanh và đưa ra những chỉ đạo sát sao, kịp thời phù hợp với tình hình kinh doanh phát sinh trong năm.

2.3.7 Báo cáo về kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc

- Hội đồng quản trị & Ban Giám đốc Công ty đã hỗ trợ Ban kiểm soát thực hiện đầy đủ công việc theo chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát. Các phòng ban đã cung cấp đầy đủ số liệu, tài liệu và thông tin liên quan đến hoạt động của Công ty.
- Trưởng Ban kiểm soát được tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Các tài liệu trong cuộc họp đều được cung cấp cho Ban kiểm soát cùng thời điểm với Hội đồng quản trị. Điều này giúp cho Ban kiểm soát có thể giám sát tốt các hoạt động của Công ty, có ý kiến kịp thời với công tác quản lý, điều hành Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

3.1.1 Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Mức thù lao và quỹ Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2024 là 3% lợi nhuận sau thuế. Trong đó mức thù lao cụ thể như sau:

- Thành viên HĐQT: 5 triệu đồng / tháng
- Trưởng Ban kiểm soát: 5 triệu đồng / tháng
- Thành viên Ban Kiểm soát: 3 triệu đồng / tháng

Nếu chuyên trách hưởng lương công ty thì chỉ có thù lao chức danh kiêm nhiệm tại các công ty liên doanh.

3.1.2 Thù lao và thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty

- Thù lao thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nằm trong hạn mức đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2024 phê duyệt.
- Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được nhận trong năm 2024 như sau:

Thù lao của Hội đồng quản trị:

ĐVT: VND

Tên	Chức vụ	Thù lao (trước thuế)
Ông Nguyễn Nam Tiến	Chủ tịch HĐQT	95.000.000
Ông Vũ Quốc Bảo	Thành viên HĐQT	139.000.000
Ông Vũ Thế Đức	Thành viên HĐQT	157.000.000
Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên HĐQT	115.000.000
Ông Đỗ Phú Kim	Thành viên HĐQT	100.000.000
Tổng cộng:		606.000.000

Thù lao của Ban kiểm soát:

ĐVT: VND

Tên	Chức vụ	Thù lao (trước thuế)
Bà Phan Phương Tuyên	Trưởng Ban Kiểm soát	115.000.000
Bà Lê Thị Ngọc Anh	Thành viên Ban Kiểm soát	50.000.000
Ông Dương Trấn An	Thành viên Ban Kiểm soát	24.000.000
Bà Trang Anh Xuân	Thành viên Ban Kiểm soát	3.000.000
Tổng cộng:		192.000.000

- Chi tiết các khoản thu nhập khác theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024.

3.2 Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Công ty:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
1	Nguyễn Nam Tiến	Chủ tịch HĐQT	152.340	1.08%	114.140	0.81%	Bán
2	Nguyễn Anh Nam	Giám đốc tài chính	21.000	0.15%	25.000	0.18%	Mua

Nguồn: Báo cáo tình hình Quản trị Công ty năm 2023

3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Trong năm 2024, Công ty đã có các giao dịch giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ như sau:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/	Ghi chú
1	Cty TNHH RCL Việt Nam	Cty liên doanh	782/GP-HCM 14/01/2005 UBND TPHCM	436-438 Nguyễn Thị Minh Khai, P.6, Quận 3, TPHCM	Năm 2024	66/2021/NQ/VNL-HĐQT 12/01/2021	Sử dụng dịch vụ: 2.486.779.194	
2	Cty TNHH DV đại lý vận chuyển (FC Vietnam)	Cty liên doanh	550/ GP-HCM 15/10/2003 UBND TPHCM	46-48 Hậu Giang, P.4, Q. Tân Bình, TPHCM	Năm 2024	66/2021/NQ/VNL-HĐQT 12/01/2021	Cung cấp dịch vụ: 82.860.900 Sử dụng dịch vụ : 220.452.495	

3	Cty TNHH Vận tải Việt – Nhật (Konoike Vina)	Cty liên doanh	411022000305 18/08/2008 UBND TPHCM	18A Lưu Trọng Lư, P. Tân Thuận Đông, Q. 7, TPHCM	Năm 2024	66/2021/NQ/VNL-HĐQT 12/01/2021	Cung cấp dịch vụ: 1.867.723.683 Sử dụng dịch vụ: 656.729.500
4	Cty CP Vận chuyển Vinalink (Vinalink Transport)	Cty liên kết	0313412467 17/04/2020 Sở KH-ĐT TPHCM	Lầu 3, Indochina Park Tower, 4 Nguyễn Đình Chiểu, P. Đa Kao, Quận 1, TPHCM	Năm 2024	66/2021/NQ/VNL-HĐQT 12/01/2021	Cung cấp dịch vụ: 414.780.976 Sử dụng dịch vụ : 201.331.560
5	Công ty Cổ phần VINAFREI GHT	Liên quan người nội bộ <i>(Không còn là cty có liên quan đến người nội bộ từ 4/2024)</i>	0302511219 14/01/2002 Sở KHĐT TPHCM	Block C, lầu 1, tòa nhà Waseco, số 10 Phố Quang, P. 2, Q. Tân Bình, Tp. HCM	Năm 2024	66/2021/NQ/VNL-HĐQT 12/01/2021	Cung cấp dịch vụ : 24.683.371 Sử dụng dịch vụ: 392.042.278
6	Công ty CP TRANSIM EX	Liên quan người nội bộ <i>(Không còn là cty có liên quan đến người nội bộ từ 4/2024)</i>	0301874259 03/12/1999 SỞ KHĐT TPHCM	Lầu 9-10, 172 Hai Bà Trưng, P.Đakao, Q.I, TP.HCM	Năm 2024	66/2021/NQ/VNL-HĐQT 12/01/2021	Sử dụng dịch vụ: 187.516.960
7	Công ty cổ phần Giao nhận Vận tải Ngoại thương (VNT Logistics)	Cổ đông lớn	0103002086 07/04/2003 Sở KH & ĐT Hà Nội	2 Bích Câu, Đống Đa, Hà Nội	Năm 2024	66/2021/NQ/VNL-HĐQT 12/01/2021	Cung cấp dịch vụ : 184.768.517 Sử dụng dịch vụ: 686.775.502

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024, Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2024

3.4 Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về quản trị công ty.

VI. Báo cáo tài chính

Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam.

1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Logistics Vinalink tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán lập ngày 21 tháng 03 năm 2025 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

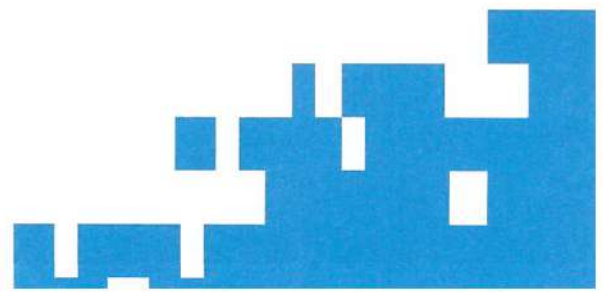
**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Vũ Quốc Bảo

**CÔNG TY CỔ PHẦN
LOGISTICS VINALINK**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024



CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 – 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	10 – 39

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Logistics Vinalink (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Nam Tiến	Chủ tịch
Ông Vũ Quốc Bảo	Thành viên
Ông Vũ Thế Đức	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên
Ông Đỗ Phú Kim	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Phan Phương Tuyền	Trưởng ban
Bà Lê Thị Ngọc Anh	Thành viên
Bà Trang Anh Xuân	Thành viên (miễn nhiệm ngày 23/04/2024)
Ông Dương Trần An	Thành viên (bổ nhiệm ngày 23/04/2024)

Ông Vũ Quốc Bảo là Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính đính kèm phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Vũ Quốc Bảo
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2025

Số: 208/2025/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Logistics Vinalink (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 21 tháng 03 năm 2025 từ trang 05 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Logistics Vinalink tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2023-026-1

Lý Trung Thành
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
2822-2025-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2025

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		359.500.564.189	294.763.771.975
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	85.191.102.924	67.187.750.644
1. Tiền	111		55.191.102.924	33.187.750.644
2. Các khoản tương đương tiền	112		30.000.000.000	34.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.6	10.000.000.000	30.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		10.000.000.000	30.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		259.548.764.000	195.721.027.210
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	267.566.341.972	202.894.366.629
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		853.273.822	1.720.994.560
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		2.238.916.006	1.909.223.185
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.3	(11.109.767.800)	(10.803.557.164)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.760.697.265	1.854.994.121
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		522.250.000	359.487.400
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.714.215.073	971.274.529
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.8	524.232.192	524.232.192
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		96.873.845.402	95.735.912.848
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.428.740.880	2.110.230.880
1. Phải thu dài hạn khác	216		2.428.740.880	2.110.230.880
II. Tài sản cố định	220		43.593.419.022	42.988.172.115
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.4	17.207.169.022	16.648.172.115
Nguyên giá	222		51.916.314.584	50.839.682.250
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(34.709.145.562)	(34.191.510.135)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.5	26.386.250.000	26.340.000.000
Nguyên giá	228		26.670.000.000	26.520.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(283.750.000)	(180.000.000)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.6	50.020.971.705	49.030.594.213
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		50.686.493.302	50.686.493.302
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		726.150.000	726.150.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.391.671.597)	(2.382.049.089)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		830.713.795	1.606.915.640
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		830.713.795	1.606.915.640
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		456.374.409.591	390.499.684.823

(Xem tiếp trang sau)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		158.961.601.435	120.806.155.870
I. Nợ ngắn hạn	310		117.509.202.975	78.445.105.870
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.7	68.777.793.699	45.630.320.679
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		518.973.987	352.817.575
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.8	7.385.669.130	3.406.256.095
4. Phải trả người lao động	314	4.9	24.639.675.438	17.456.522.500
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		9.843.483.861	5.171.485.408
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.10	5.546.589.441	5.110.241.750
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		797.017.419	1.317.461.863
II. Nợ dài hạn	330		41.452.398.460	42.361.050.000
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	4.11	9.500.000.000	9.500.000.000
2. Phải trả dài hạn khác	337	4.10	31.952.398.460	32.861.050.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		297.412.808.156	269.693.528.953
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.12.1	297.412.808.156	269.693.528.953
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	4.12.2	141.404.870.000	141.404.870.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		141.404.870.000	141.404.870.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.950.000.000	4.950.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		10.000.000.000	10.000.000.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		141.057.938.156	113.338.658.953
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		102.694.318.053	83.095.227.400
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		38.363.620.103	30.243.431.553
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		456.374.409.591	390.499.684.823



Vũ Quốc Bảo
Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Nam
Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Thanh
Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2024	Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.152.738.721.057	729.154.403.208
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	5.1	1.152.738.721.057	729.154.403.208
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	1.072.332.608.532	687.373.125.063
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		80.406.112.525	41.781.278.145
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	15.242.999.635	32.049.154.287
6. Chi phí tài chính	22		5.587.169.444	4.959.479.288
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.4	30.834.449.068	25.054.178.037
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		59.227.493.648	43.816.775.107
9. Thu nhập khác	31		226.574.075	64.636.364
10. Chi phí khác	32		130.000.000	160.123.085
11. Lợi nhuận khác	40		96.574.075	(95.486.721)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		59.324.067.723	43.721.288.386
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.6	13.890.204.120	6.407.613.333
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		45.433.863.603	37.313.675.053
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.12.3	3.149	2.586
16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.12.3	3.149	2.586



Vũ Quốc Bảo
Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Nam
Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Thanh
Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2024	Năm 2023
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		59.324.067.723	43.721.288.386
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.5	2.326.884.093	2.138.267.273
Các khoản dự phòng	03		(684.166.856)	563.873.241
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		588.024.584	351.346.546
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.886.404.420)	(24.898.123.219)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		55.668.405.124	21.876.652.227
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(66.970.223.363)	(25.560.804.031)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		34.881.073.492	8.288.565.842
Tăng giảm chi phí trả trước	12		613.439.245	(435.955.132)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.8	(10.831.684.631)	(7.269.827.151)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.354.500.000)	(852.444.444)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		12.006.509.867	(3.953.812.689)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.932.131.000)	(405.360.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		226.574.075	63.636.364
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	(25.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		20.000.000.000	10.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(2.000.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.556.444.045	17.109.933.431
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		22.850.887.120	(231.790.205)

(Xem tiếp trang sau)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2024	Năm 2023
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	4.12.4	(16.968.584.400)	(14.611.843.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(16.968.584.400)	(14.611.843.500)
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM				
(50 = 20 + 30 + 40)	50		17.888.812.587	(18.797.446.394)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		67.187.750.644	85.975.264.733
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		114.539.693	9.932.305
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM				
(70 = 50 + 60 + 61)	70	4.1	85.191.102.924	67.187.750.644



Vũ Quốc Bảo
Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Nam
Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Thanh
Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Logistics Vinalink trước đây là Xí Nghiệp Đại Lý Vận Tải Và Gom Hàng, được thành lập theo:

- Quyết định số 0776/1999/QĐ/BTM ngày 24 tháng 06 năm 1999 về chuyển đổi Xí Nghiệp Đại Lý Vận Tải Và Gom Hàng thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 064162 ngày 31 tháng 07 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
- Ngày 22 tháng 05 năm 2014, Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Logistics Vinalink theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0301776205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 05 tháng 06 năm 2024 để cập nhật tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài và tên Công ty viết tắt.

Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 90/QĐ-SGDHCM ngày 10 tháng 08 năm 2009 do Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 141.404.870.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 339 người (31/12/2023: 310 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ vận tải.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Hoạt động logistics;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ: Kinh doanh vận tải nội địa và quá cảnh (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển);
- Chuyển phát;
- Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không);
- Các dịch vụ về vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu. Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước, đại lý quản lý container cho các hãng tàu; cung ứng tàu biển. Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài. Kinh doanh vận tải hàng hóa công cộng. Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu. Dịch vụ thủ tục hải quan và các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu: tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, kiểm kiện. Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Kinh doanh các dịch vụ về kho gom hàng lẻ xuất nhập khẩu (CFS). Kinh doanh kho bảo quản hàng hóa xuất nhập khẩu. Kinh doanh kho bãi theo quy định của pháp luật.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

1.5. Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ báo cáo

Trong năm nay, do thị trường xuất nhập khẩu phục hồi và tăng trưởng dẫn đến nhu cầu về dịch vụ logistics cũng tăng tương ứng. Do đó, doanh thu và giá vốn của Công ty trong năm nay tăng đáng kể so với năm trước.

1.6. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có các công ty liên doanh, liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

Tên	Ngành nghề hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty liên doanh, liên kết:					
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận Tải Miền Trung	Cung cấp các dịch vụ vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu; đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài; dịch vụ các thủ tục hải quan và các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu; kinh doanh kho bảo quản hàng hóa xuất nhập khẩu; kinh doanh kho bãi theo quy định của pháp luật	184 đường Trần Phú, phường Phước Ninh, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	27,89%	27,89%	27,89%
Công ty Cổ phần Logistics Kim Thành	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	Lô KB13, đường T5, Khu thương mại - công nghiệp Kim Thành, phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai	30,00%	56,52%	56,52%
Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết	Cung cấp dịch vụ đại lý vận chuyển quốc tế	Số 30 đường Phan Thúc Duyệt, Phường 4, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	30,00%	30,00%	30,00%
Công ty Cổ phần Vận Chuyển Vinalink	Dịch vụ đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; gửi hàng; giao nhận hàng hóa; hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan	Số 4 Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật	Cung cấp dịch vụ vận tải và giao nhận hàng đông lạnh, hàng hóa xuất nhập khẩu; dịch vụ xây dựng và cho thuê kho bãi; dịch vụ xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị, nhà xưởng	18A Lưu Trọng Lư, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	25,00%	9,15%	9,15%
Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển	Cung cấp dịch vụ đại lý vận chuyển quốc tế	Số 46-48 đường Hậu Giang, Phường 4, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	50,00%	30,00%	30,00%
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	Cung cấp dịch vụ đại lý vận tải biển, làm đại lý container, thực hiện các nghiệp vụ khác theo ủy quyền	Số 436 - 438 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	33,33%	20,00%	20,00%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

1.6. Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2024 gồm:

- Chi nhánh tại Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0113000049 ngày 29 tháng 12 năm 2000. Sau đó, Giấy chứng nhận này được thay đổi bằng Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-001 với lần thay đổi gần nhất là vào ngày 29 tháng 07 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Ngành nghề hoạt động chính của chi nhánh là vận tải hàng hóa bằng đường bộ, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Chi nhánh tại Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0213005696 ngày 22 tháng 09 năm 2009. Sau đó, Giấy chứng nhận này được thay đổi bằng Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-002 với lần thay đổi gần nhất là vào ngày 04 tháng 09 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp. Ngành nghề hoạt động chính của chi nhánh là vận tải hàng hóa bằng đường bộ, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Chi nhánh tại Đà Nẵng được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-003 ngày 17 tháng 05 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp và Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 09 tháng 11 năm 2021. Ngành nghề hoạt động chính của chi nhánh là vận tải hàng hóa bằng đường bộ, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Các đơn vị trực thuộc đều có cùng ngành nghề hoạt động chính với trụ sở chính.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng đối với việc ghi nhận doanh thu và chi phí trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank);
- Tỷ giá áp dụng đối với việc ghi nhận các khoản tài sản và công nợ là tỷ giá hạch toán từ 24.000 VND/USD đến 25.000 VND/USD;
- Tỷ giá áp dụng khi đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá hạch toán từ 24.000 VND/USD đến 25.000 VND/USD.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.4. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.4. Đầu tư tài chính (tiếp theo)

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư vào công ty liên doanh

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên doanh khi Công ty có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên kết, công ty liên doanh và đơn vị khác

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng tổn thất được trích lập khi có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên doanh, công ty liên kết được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Dự phòng tổn thất đối với khoản đầu tư khác được tính dựa trên giá trị hợp lý nếu giá trị hợp lý được xác định một cách đáng tin cậy. Nếu không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- | | |
|-----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 25 năm |
| ▪ Máy móc, thiết bị | 05 - 08 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 11 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 08 năm |

3.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại Số 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích là từ 03 – 06 năm.

3.8. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.9. Lương

Căn cứ trên Quỹ lương được duyệt của Hội đồng quản trị.

3.10. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận là lợi nhuận nhận trước từ hợp đồng hợp tác khai thác kinh doanh từ đối tác. Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu phù hợp với thời gian hợp tác được quy định trên hợp đồng.

3.11. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Việc trích lập quỹ được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.12. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

3.13. Giá vốn cung cấp dịch vụ

Giá vốn cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.14. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax,...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.15. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch;
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.15. Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Cước vận tải quốc tế: 0%;
- Dịch vụ liên quan vận tải đa phương thức và dịch vụ khác: 10%.

Theo Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 110/2023/QH15 được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa và dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến hết ngày 30 tháng 06 năm 2024 và theo Nghị định số 72/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 06 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 142/2024/QH15 được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2024, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa và dịch vụ theo quy định kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2024 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024. Cụ thể, các dịch vụ liên quan vận tải đa phương thức và dịch vụ nội địa khác do Công ty cung cấp được áp dụng thuế suất thuế GTGT 8%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.18. Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.19. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm Tổng Giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Tiền mặt	837.044.737	963.182.590
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	54.354.058.187	32.224.568.054
Các khoản tương đương tiền (*)	30.000.000.000	34.000.000.000
Cộng	85.191.102.924	67.187.750.644

(*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng bằng VND tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam với lãi suất từ 3,4%/năm đến 4,6%/năm.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm Mục 7	101.999.641	105.146.149
Phải thu khách hàng trong nước:	255.549.548.642	194.505.502.742
<i>Công ty TNHH Techtronic Industries Việt Nam Manufacturing</i>	66.767.011.751	61.726.978.459
<i>Công ty Cổ Phần Hàng Không Vietjet</i>	36.882.062.573	33.283.266.972
<i>Công ty TNHH Green Planet Distribution Centre</i>	32.544.105.245	8.930.154.486
<i>Công ty TNHH MTV Thương Mại Dịch Vụ Gia Bảo Hưng</i>	9.856.800.000	9.856.800.000
<i>Công ty TNHH Công Nghiệp Intco Việt Nam</i>	9.386.619.948	182.323.420
<i>Công ty TNHH Giao Nhận Daijin Việt Nam</i>	6.612.748.305	10.298.590.664
<i>Các khách hàng khác (*)</i>	93.500.200.820	70.227.388.741
Phải thu khách hàng nước ngoài:	11.914.793.689	8.283.717.738
<i>Amazon.com Services LLC</i>	4.765.404.071	44.657.082
<i>APG Australia Post Global Ecommerce Solutions (Aust)</i>	2.697.106.529	2.417.626.943
<i>Macmel Shipping Pte., Ltd</i>	758.850.627	1.659.965.395
<i>Khách hàng nước ngoài khác</i>	3.693.432.462	4.161.468.318
Cộng	267.566.341.972	202.894.366.629

(*) Tại ngày 31/12/2024, mỗi khoản phải thu các khách hàng khác có số dư nhỏ hơn 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.3. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	11.433.748.900	323.981.100	10.803.557.164	-

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo thời gian quá hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Gia Bảo Hưng	9.856.800.000	-	9.856.800.000	-
Các đối tượng khác	1.576.948.900	323.981.100	946.757.164	-
Cộng	11.433.748.900	323.981.100	10.803.557.164	-

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2024	21.838.529.093	667.950.476	27.531.299.177	801.903.504	50.839.682.250
Tăng trong năm	-	-	2.285.931.000	496.200.000	2.782.131.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.705.498.666)	-	(1.705.498.666)
Tại ngày 31/12/2024	21.838.529.093	667.950.476	28.111.731.511	1.298.103.504	51.916.314.584
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2024	9.934.454.772	397.931.782	23.279.455.076	579.668.505	34.191.510.135
Khấu hao trong năm	847.587.708	73.113.516	1.166.032.886	136.399.983	2.223.134.093
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.705.498.666)	-	(1.705.498.666)
Tại ngày 31/12/2024	10.782.042.480	471.045.298	22.739.989.296	716.068.488	34.709.145.562
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2024	11.904.074.321	270.018.694	4.251.844.101	222.234.999	16.648.172.115
Tại ngày 31/12/2024	11.056.486.613	196.905.178	5.371.742.215	582.035.016	17.207.169.022

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 22.893.467.751 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.5. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2024	26.130.000.000	390.000.000	26.520.000.000
Mua sắm trong năm	-	150.000.000	150.000.000
Tại ngày 31/12/2024	26.130.000.000	540.000.000	26.670.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2024	-	180.000.000	180.000.000
Khấu hao trong năm	-	103.750.000	103.750.000
Tại ngày 31/12/2024	-	283.750.000	283.750.000
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2024	26.130.000.000	210.000.000	26.340.000.000
Tại ngày 31/12/2024	26.130.000.000	256.250.000	26.386.250.000

4.6. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam, lãi suất 3,9%/năm tại ngày 31/12/2024.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.6. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)**

Đầu tư tài chính dài hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 VND			
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:						
Công ty Cổ phần Logistics Kim Thành	19.120.589.000		1.391.671.597	19.120.589.000		2.382.049.089
Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết	9.007.800.000		-	9.007.800.000		-
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung	8.784.000.000	14.932.800.000	-	8.784.000.000	22.750.560.000	-
Công ty Cổ phần Vận Chuyển Vinalink	4.000.000.000		-	4.000.000.000		-
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật	4.908.430.302		-	4.908.430.302		-
Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển	3.918.874.000		-	3.918.874.000		-
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	946.800.000		-	946.800.000		-
Cộng	50.686.493.302		1.391.671.597	50.686.493.302		2.382.049.089

Đầu tư vào đơn vị khác:

Công ty TNHH Vận Tải Ô Tô Vinatrans 726.150.000

726.150.000

(*) Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung trên cơ sở giá giao dịch đóng cửa trên sàn giao dịch chứng khoán UpCOM tại ngày báo cáo và số lượng cổ phần mà Công ty đang nắm giữ.

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư còn lại để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.7. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán trong nước:	30.094.045.438	30.094.045.438	22.603.435.686	22.603.435.686
Công ty TNHH Vận Tài Thế Luân	3.928.352.000	3.928.352.000	396.820.080	396.820.080
Công ty TNHH Maersk Việt Nam	2.358.039.676	2.358.039.676	718.594.597	718.594.597
Công ty TNHH Nguyễn Quyết	1.756.031.920	1.756.031.920	1.328.593.840	1.328.593.840
Công ty Cổ Phần Proship	1.009.478.160	1.009.478.160	716.495.760	716.495.760
Công ty TNHH Thương Mại Và Vận Tài Thuận Phát	530.990.402	530.990.402	1.357.580.636	1.357.580.636
Các nhà cung cấp khác (*)	20.511.153.280	20.511.153.280	18.085.350.773	18.085.350.773
Phải trả người bán nước ngoài:	38.683.748.261	38.683.748.261	23.026.884.993	23.026.884.993
Jag Ufs (International) Ltd	4.472.431.454	4.472.431.454	3.156.975.353	3.156.975.353
BTX Global Logistics	3.048.221.780	3.048.221.780	1.303.138.379	1.303.138.379
Eagles Air & Sea (Thailand) Co., Ltd	2.703.347.413	2.703.347.413	1.269.282.736	1.269.282.736
Express Line Corporation	1.800.410.078	1.800.410.078	1.457.718.445	1.457.718.445
Qualit Air & Sea Germany Gmbh	1.792.746.055	1.792.746.055	1.328.264.117	1.328.264.117
Các nhà cung cấp khác (*)	24.866.591.481	24.866.591.481	14.511.505.963	14.511.505.963
Cộng	68.777.793.699	68.777.793.699	45.630.320.679	45.630.320.679

(*) Tại ngày 31/12/2024, phải trả cho các nhà cung cấp khác có số dư mỗi đối tượng nhỏ hơn 10% tổng số phải trả người bán ngắn hạn.

(Xem tiếp trang sau)



CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.8. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 31/12/2024		Trong năm		Tại ngày 01/01/2024	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	39.019.913	32.548.033.555	827.178.349	-	120.791.287
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	5.790.204.120	13.890.204.120	10.831.684.631	-	2.731.684.631
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.413.794.876	9.914.905.125	8.961.788.824	-	460.678.575
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	524.232.192	-	1.531.658.394	1.531.658.394	524.232.192	-
Các loại thuế khác	-	142.650.221	1.223.424.602	1.173.875.983	-	93.101.602
Cộng	524.232.192	7.385.669.130	59.108.225.796	23.326.186.181	524.232.192	3.406.256.095

Trong năm 2018, Công ty Cổ phần Logistics Vinalink đã nhận được các văn bản từ các cơ quan hữu quan như sau:

- Thông báo số 14379/TB-CT-KTTĐ ngày 12 tháng 09 năm 2018 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác định lại đơn giá tiền thuê đất giai đoạn năm 2016 - 2020, theo đó đơn giá được xác định lại được Công ty áp dụng theo các Thông báo của Chi cục Thuế Quận 4;
- Biên bản làm việc giữa Chi cục Thuế Quận 4 và Công ty ngày 26 tháng 12 năm 2018, theo đó:
 - Chi cục Thuế Quận 4 đồng ý điều chỉnh đơn giá tiền thuê đất năm 2018 theo Thông báo số 14379/TB-CT-KTTĐ ngày 12 tháng 09 năm 2018 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh và sau đó ban hành Thông báo số 163/CCT-TB ngày 14 tháng 01 năm 2019 về việc điều chỉnh tiền thuê đất phải nộp;
 - Trong thời gian chờ kết luận của Kiểm toán Nhà Nước đang tiến hành kiểm tra, Chi cục Thuế Quận 4 chưa điều chỉnh đơn giá tiền thuê đất cho giai đoạn năm 2016 - 2017 cho Công ty.

Hiện tại, Chi cục Thuế Quận 4 vẫn chưa có quyết định điều chỉnh đơn giá tiền thuê đất cho giai đoạn năm 2016 - 2017 cho Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.9. Phải trả người lao động**

Là quỹ lương năm 2024 còn phải trả cho người lao động tại ngày 31/12/2024.

4.10. Phải trả khác

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Ngắn hạn:		
Hoa hồng phải trả	4.747.288.105	3.785.226.593
Các khoản phải trả, phải nộp khác	799.301.336	1.325.015.157
Cộng	5.546.589.441	5.110.241.750
Dài hạn:		
Tạm ứng tiền đền bù di dời (*)	31.888.520.960	32.800.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	63.877.500	61.050.000
Cộng	31.952.398.460	32.861.050.000

(*) Là khoản tiền tạm ứng 80% tổng giá trị đền bù di dời phục vụ dự án chuyển đổi công năng và khai thác kho bãi khu vực 145-147 Nguyễn Tất Thành mà Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội đã trả cho Công ty Cổ Phần Logistics Vinalink theo Hợp đồng nguyên tắc số 2392/HĐDB.14 ngày 14 tháng 11 năm 2014 - Xem thêm Mục 9.

4.11. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Là khoản lợi nhuận hợp tác kinh doanh nhận trước theo hợp đồng số 2391/HĐHT.12 ngày 14 tháng 11 năm 2014 còn lại chờ phân bổ - Xem thêm Mục 9.

Từ năm 2021, căn cứ vào tình hình thực tế, Công ty đã có Công văn số 420/2021/CV/VNL-ADM ngày 01 tháng 04 năm 2021 điều chỉnh kế hoạch phân bổ lợi nhuận hợp tác kinh doanh nhận trước của hợp đồng 2391/HĐHT.12 nêu trên cho thời gian còn lại phù hợp theo tiến độ thực hiện của hợp đồng.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.12. Vốn chủ sở hữu****4.12.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Tổng cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	VND	
Tại ngày 01/01/2023	94.270.000.000	4.950.000.000	10.000.000.000	138.649.697.400	247.869.697.400	
Lãi trong năm 2023	-	-	-	37.313.675.053	37.313.675.053	
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	47.134.870.000	-	-	(47.134.870.000)	-	
Chia cổ tức đợt 2 năm 2022	-	-	-	(7.541.600.000)	(7.541.600.000)	
Chia cổ tức đợt 1 năm 2023	-	-	-	(7.070.243.500)	(7.070.243.500)	
Trích lập Quỹ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022	-	-	-	(878.000.000)	(878.000.000)	
Tại ngày 01/01/2024	141.404.870.000	4.950.000.000	10.000.000.000	113.338.658.953	269.693.528.953	
Lãi trong năm 2024	-	-	-	45.433.863.603	45.433.863.603	
Chia cổ tức đợt 2 năm 2023 (*)	-	-	-	(9.898.340.900)	(9.898.340.900)	
Chia cổ tức đợt 1 năm 2024	-	-	-	(7.070.243.500)	(7.070.243.500)	
Trích lập Quỹ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2023 (*)	-	-	-	(746.000.000)	(746.000.000)	
Tại ngày 31/12/2024	141.404.870.000	4.950.000.000	10.000.000.000	141.057.938.156	297.412.808.156	

(*) Chia cổ tức và trích lập Quỹ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2023 được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 280/2024/NQ/VNL-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 04 năm 2024.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.12.2. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	14.140.487	14.140.487
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	14.140.487	14.140.487
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	14.140.487	14.140.487

Mệnh giá cổ phần phổ thông đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.

4.12.3. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	45.433.863.603	37.313.675.053
Trích quỹ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (*)	(908.677.272)	(746.000.000)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	44.525.186.331	36.567.675.053
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (**)	14.140.487	14.140.487
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	3.149	2.586

(*) Quỹ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (Quỹ khen thưởng phúc lợi) được trừ ra khi tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu được tạm tính dựa vào tỷ lệ phân bổ trên lợi nhuận sau thuế năm 2024 là 2% theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 23 tháng 04 năm 2024.

(**) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm được tính như sau:

	Năm 2024	Năm 2023
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	14.140.487	9.427.000
Ảnh hưởng của 4.713.487 cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 25 tháng 07 năm 2023 để chia cổ tức được điều chỉnh tăng theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 30	-	4.713.487
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	14.140.487	14.140.487

4.12.4. Cổ tức

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Cổ tức đã trả của cổ phiếu phổ thông	(16.968.584.400)	(14.611.843.500)

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.13. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
Ngoại tệ các loại:		
USD	450.195,50	128.016,30
	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Nợ khó đòi đã xử lý do không còn khả năng thu hồi:		
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu Kim Hợp Phát	999.534.500	999.534.500
Công ty TNHH Techcom Life Technologies Việt Nam	426.723.472	426.723.472
Cộng	1.426.257.972	1.426.257.972

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1. Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu trụ sở TP. Hồ Chí Minh:	741.104.521.763	484.077.874.931
<i>Dịch vụ hàng không</i>	338.947.421.545	224.169.428.663
<i>Dịch vụ đường biển</i>	256.218.202.560	159.948.796.132
<i>Dịch vụ logistics</i>	145.938.897.658	99.959.650.136
Doanh thu chi nhánh Hà Nội	374.281.575.433	209.682.257.228
Doanh thu chi nhánh Hải Phòng	28.978.518.519	28.503.454.082
Doanh thu chi nhánh Đà Nẵng	8.374.105.342	6.890.816.967
Cộng	1.152.738.721.057	729.154.403.208
Trong đó, doanh thu cung cấp dịch vụ cho các bên có liên quan - Xem thêm Mục 7	2.365.365.559	1.386.298.983

Mục 1.5 của Bản thuyết minh này trình bày nguyên nhân tăng doanh thu năm nay so với năm trước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.2. Giá vốn cung cấp dịch vụ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn trụ sở TP. Hồ Chí Minh:	668.045.133.840	442.159.788.156
<i>Dịch vụ hàng không</i>	305.853.915.226	201.509.832.452
<i>Dịch vụ đường biển</i>	220.658.532.404	142.726.574.538
<i>Dịch vụ logistics</i>	141.532.686.210	97.923.381.166
Giá vốn chi nhánh Hà Nội	328.586.851.156	210.232.571.035
Giá vốn chi nhánh Hải Phòng	66.620.549.278	27.008.217.738
Giá vốn chi nhánh Đà Nẵng	9.080.074.258	7.972.548.134
Cộng	1.072.332.608.532	687.373.125.063

Giá vốn cung cấp dịch vụ tăng cùng chiều với doanh thu trong năm.

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia từ các bên liên quan – Xem thêm Mục 7	4.165.038.889	21.402.549.521
Cổ tức, lợi nhuận được chia từ đơn vị khác	79.720.000	-
Lãi tiền gửi	1.415.071.456	3.431.937.334
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	9.583.169.290	7.214.667.432
Cộng	15.242.999.635	32.049.154.287

Doanh thu tài chính giảm đáng kể so với năm trước chủ yếu do các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia từ các công ty liên doanh, liên kết năm nay giảm mạnh.

5.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân viên	17.531.469.534	13.889.686.094
Chi phí vật liệu	74.277.441	104.028.231
Chi phí đồ dùng văn phòng	121.618.000	42.483.500
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.350.719.697	1.183.008.617
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	306.210.636	1.165.853.417
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.671.135.276	7.284.183.581
Các khoản chi phí khác	1.779.018.484	1.384.934.597
Cộng	30.834.449.068	25.054.178.037

Chi phí quản lý doanh nghiệp năm nay tăng đáng kể so với năm trước chủ yếu do chi phí lương thưởng cho nhân viên tăng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.5. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân công	104.585.619.917	80.264.728.526
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.326.884.093	2.138.267.273
Chi phí dự phòng nợ phải thu	306.210.636	1.165.853.417
Chi phí dịch vụ mua ngoài	951.247.592.218	590.580.120.908
Chi phí khác bằng tiền	44.700.750.736	38.278.332.976
Cộng	1.103.167.057.600	712.427.303.100

5.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	13.890.204.120	6.231.684.631
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	175.928.702
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	13.890.204.120	6.407.613.333

(*) Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	59.324.067.723	43.721.288.386
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	14.608.039.768	12.725.470.689
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(4.481.086.889)	(25.288.335.920)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	69.451.020.602	31.158.423.155
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	13.890.204.120	6.231.684.631

Các khoản điều chỉnh tăng/giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế TNDN:

- Các khoản chi không có đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ;
- Các khoản phạt thuế;
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi;
- Chi phí trích trước chưa có hóa đơn;
- Lãi/(lỗ) chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản tiền, công nợ phải thu có gốc ngoại tệ cuối kỳ;
- Cổ tức, lợi nhuận được chia.

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**6. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo khu vực địa lý như sau:

- Miền Nam: Thành phố Hồ Chí Minh;
- Miền Bắc: Thành phố Hà Nội và Thành phố Hải Phòng;
- Miền Trung: Thành phố Đà Nẵng.

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Miền Nam		Miền Bắc		Miền Trung		Loại trừ		Tổng cộng	
	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2023
	<i>Đơn vị tính: Triệu đồng</i>									
Doanh thu										
Từ khách hàng bên ngoài	741.105	484.078	403.260	238.186	8.374	6.891	-	-	1.152.739	729.154
Giữa các bộ phận	12.611	7.479	92.713	48.743	1.325	1.617	(106.649)	(57.839)	-	-
Cộng	753.716	491.557	495.973	286.929	9.699	8.508	(106.649)	(57.839)	1.152.739	729.154
Kết quả hoạt động kinh doanh										
Kết quả của bộ phận	70.211	41.576	9.830	(165)	365	369	-	-	80.406	41.781
Chi phí không phân bổ									(30.834)	(25.054)
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính									49.572	16.727
Thu nhập tài chính									15.243	32.049
Chi phí tài chính									(5.587)	(4.959)
Lợi nhuận khác									97	(95)
Thuế thu nhập doanh nghiệp									(13.890)	(6.408)
Lợi nhuận sau thuế									45.434	37.314

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**6. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)****Các thông tin khác**

	Miền Nam		Miền Bắc		Miền Trung		Loại trừ		Tổng cộng	
	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày
	31/12/2024	01/01/2024	31/12/2024	01/01/2024	31/12/2024	01/01/2024	31/12/2024	01/01/2024	31/12/2024	01/01/2024
Tài sản của bộ phận	427.586	374.593	99.012	70.351	3.126	3.114	(73.350)	(57.558)	456.374	390.500
Tổng tài sản									456.374	390.500
Nợ phải trả của bộ phận	140.594	105.730	88.963	69.893	2.755	2.741	(73.350)	(57.558)	158.962	120.806
Tổng nợ phải trả									158.962	120.806
	Miền Nam		Miền Bắc		Miền Trung		Loại trừ		Tổng cộng	
	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí mua sắm tài sản	2.932	405	-	-	-	-	-	-	2.932	405
Chi phí khấu hao	2.133	1.998	194	140	-	-	-	-	2.327	2.138

Công ty không có báo cáo bộ phận theo ngành nghề vì Công ty hiện chỉ đang hoạt động theo ngành nghề giao nhận vận tải, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo ngành nghề cần thiết phải thuyết minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

1. Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung	Công ty liên kết
2. Công ty Cổ phần Logistics Kim Thành	Công ty liên kết
3. Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết	Công ty liên kết
4. Công ty Cổ phần Vận Chuyển Vinalink	Công ty liên kết
5. Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật	Công ty liên doanh
6. Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển	Công ty liên doanh
7. Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	Công ty liên doanh
8. Hội đồng quản trị (HĐQT), Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	Nhân sự quản lý chủ chốt



Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	<u>Tại ngày 31/12/2024 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2024 VND</u>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng:		
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật	101.999.641	103.850.149
Công ty Cổ Phần Vận Chuyển Vinalink	-	1.296.000
Cộng - Xem thêm Mục 4.2	<u>101.999.641</u>	<u>105.146.149</u>

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm 2024 VND</u>	<u>Năm 2023 VND</u>
Cung cấp dịch vụ:		
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật	1.867.723.683	1.230.283.502
Công ty Cổ phần Vận Chuyển Vinalink	414.780.976	11.971.956
Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển	82.860.900	79.180.500
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung	-	64.863.025
Cộng - Xem thêm Mục 5.1	<u>2.365.365.559</u>	<u>1.386.298.983</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Nhận cung cấp dịch vụ:		
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	2.486.779.194	1.266.660.772
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật	656.729.500	276.117.003
Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển	220.452.495	870.192.993
Công ty Cổ phần Vận Chuyển Vinalink	201.331.560	224.299.861
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung	-	24.120.228
Cộng	3.565.292.749	2.661.390.857

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan.

Giá dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là theo giá thỏa thuận. Việc mua dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia:		
Công ty Cổ phần Vận Chuyển Vinalink	2.400.000.000	2.400.000.000
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật	1.065.038.889	1.522.549.521
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	700.000.000	2.900.000.000
Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết	-	14.580.000.000
Cộng - Xem thêm Mục 5.3	4.165.038.889	21.402.549.521

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Lương, thù lao và các khoản chi phí khác của các thành viên Hội đồng quản trị ("HĐQT"), Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc của Công ty trong năm như sau:

Tên	Chức vụ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Ông Nguyễn Nam Tiến	Chủ tịch HĐQT	1.848.777.180	1.886.752.190
Ông Vũ Quốc Bảo	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc	2.125.272.123	1.771.311.434
Ông Vũ Thế Đức	Thành viên HĐQT	157.000.000	485.000.000
Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên HĐQT	115.000.000	94.500.000
Ông Lê Văn Hùng	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 26/04/2023)	-	9.000.000
Ông Đỗ Phú Kim	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 26/04/2023)	100.000.000	27.000.000
Bà Phan Phương Tuyền	Trưởng Ban Kiểm soát	115.000.000	94.500.000
Bà Lê Thị Ngọc Anh	Thành viên Ban Kiểm soát	50.000.000	31.500.000
Bà Trang Anh Xuân	Thành viên Ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 23/04/2024)	3.000.000	31.500.000
Ông Dương Trần An	Thành viên Ban Kiểm soát (bổ nhiệm ngày 23/04/2024)	24.000.000	-
Cộng		4.538.049.303	4.431.063.624
		Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Cổ tức đã chia:			
Ông Vũ Thế Đức		582.696.000	501.766.000
Ông Nguyễn Nam Tiến		182.808.000	157.418.000
Ông Vũ Quốc Bảo		129.600.000	111.600.000
Ông Nguyễn Quốc Huy		39.186.000	33.743.500
Bà Phan Phương Tuyền		7.902.000	6.804.500
Bà Lê Thị Ngọc Anh		3.942.000	3.394.500
Bà Trang Anh Xuân (miễn nhiệm ngày 23/04/2024)		152.910.000	131.672.500
Ông Dương Trần An (bổ nhiệm ngày 23/04/2024)		22.914.000	19.731.500
Cộng		1.121.958.000	966.130.500

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

8. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngày 14/01/2025, Công ty Cổ phần Vinafreight đã mua thêm 639.010 cổ phiếu tại Công ty, nâng tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ tại Công ty từ 2,13% lên 6,65% và trở thành cổ đông lớn của Công ty. Sau đó, Công ty Cổ phần Vinafreight đã tiếp tục mua thêm các cổ phiếu tại Công ty với lần giao dịch gần nhất là vào ngày 21/02/2025, nâng tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ tại Công ty thành 8,48% với tổng số liệu cổ phiếu sở hữu là 1.199.645 cổ phiếu.

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 140/2025/NQ/VNL-HĐQT thông qua ngày 25/02/2025, Công ty đã phê duyệt phương án thanh toán cổ tức đợt 2 năm 2024 bằng tiền với tỷ lệ là 5% mệnh giá cổ phần (500 đồng/cổ phần), tương ứng với số tiền là 7.070.243.500 VND. Ngày chi trả cổ tức dự kiến là ngày 03/04/2025.

Ngoài việc các sự kiện như đã nêu trên, không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2024 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.

9. CÁC THÔNG TIN THUYẾT MINH KHÁC

Ngày 14/11/2014, Công ty có ký kết Hợp đồng hợp tác khai thác kinh doanh số 2391/HĐHT.12 và Hợp đồng nguyên tắc số 2392/HĐĐB.14 về việc đền bù di dời phục vụ dự án tại số 145-147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh với Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội. Theo hợp đồng số 2391/HĐHT.12, Công ty nhận trước tiền phân chia lợi nhuận hợp tác khoán gọn đến ngày 31/07/2029 với số tiền là 36 tỷ VND và được phân bổ vào doanh thu hằng năm dựa vào lịch trình theo công văn số 1360/2016/CV/VNL-ADM ngày 01/10/2016 và Công văn số 420/2021/CV/VNL-ADM ngày 01/04/2021. Và theo hợp đồng số 2392/HĐĐB.14, Công ty sẽ bàn giao toàn bộ tài sản theo hiện trạng tại văn phòng Công ty (gồm toàn bộ hệ thống kho với tổng diện tích sàn kho 9.397,08 m², văn phòng làm việc, nhà bếp, nhà ăn, toàn bộ sân xi măng bên trong khuôn viên và các hạng mục phụ trợ như hệ thống chiếu sáng, hệ thống PCCC, hệ thống cấp thoát nước, tường rào, trạm điện hiện diện trên khu đất) để Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội quản lý, khai thác. Theo thỏa thuận trên hợp đồng, Công ty sẽ bàn giao cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội toàn bộ tài sản trên khu đất và từ chối mọi quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến tài sản trên khu đất bao gồm cả quyền quản lý, khai thác khu đất cho đến khi cơ quan thẩm quyền chấp thuận chủ trương cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội được làm chủ đầu tư dự án. Việc di dời các hoạt động hiện tại của Công ty đi nơi khác sẽ được thực hiện chậm nhất 24 tháng sau ngày ký kết các hợp đồng này.

Đến tháng 01 năm 2019, Công ty đã di dời hoạt động sang địa điểm kinh doanh mới tại Số 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh và bàn giao toàn bộ tài sản theo hiện trạng tại mặt bằng 145 – 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội theo hợp đồng hợp tác kinh doanh nói trên.

Tuy nhiên, đến nay các Hợp đồng hợp tác khai thác kinh doanh và Hợp đồng nguyên tắc như trên vẫn chưa được thanh lý do Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh chưa có quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án và các quyết định có liên quan tại địa điểm 145 – 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hiện tại, Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội có liên quan đến vụ án hình sự "Trương Mỹ Lan và đồng phạm" dựa trên văn bản án hình sự sơ thẩm số 157/2024/HS-ST ngày 11/04/2024 trên cổng thông tin điện tử của Tòa án. Trong đó, Hội đồng xét xử đã tuyên án sơ thẩm về việc kê biên đối với tài sản là thửa đất số 1-755 tờ bản đồ số 10 Sài Gòn Khánh Hội tại địa chỉ 145-147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh để đảm bảo nghĩa vụ bồi hoàn cho bị cáo Trương Mỹ Lan trong toàn bộ vụ án trong trường hợp Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh giao đất cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội, hoặc để đảm bảo việc Công ty sẽ hoàn trả lại khoản tiền tạm ứng đền bù di dời – Xem thêm Mục 4.10 và khoản lợi nhuận hợp tác kinh doanh nhận trước còn chưa phân bổ – Xem thêm Mục 4.11 trong trường hợp Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh không giao đất cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

9. CÁC THÔNG TIN THUYẾT MINH KHÁC (TIẾP THEO)

Công ty vẫn đang tiếp tục làm việc với đối tác về việc thực hiện các hợp đồng đã ký kết và những vấn đề phát sinh có liên quan.



Vũ Quốc Bảo
Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Nam
Kế toán trưởng

Lê Thị Thanh Thanh
Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2025





CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS
VINALINK

Số CV: 195/2025/QĐ/VNL-ADM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

TP Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2025

Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế

(kèm theo CBTT Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024)

Công ty Cổ Phần Logistics Vinalink giải trình về chênh lệch Lợi nhuận sau thuế TNDN giữa Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024 và Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2023 như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	Chênh lệch	% Tăng/giảm
Doanh thu thuần	1.152.738.721.057	729.154.403.208	423.584.317.849	58,09 %
Lợi nhuận sau thuế TNDN	45.433.863.603	37.313.675.053	8.120.188.550	21,76 %

Lý do: Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2024 tăng do tình hình thị trường phục hồi và tăng trưởng so với cùng kỳ năm 2023 dẫn đến lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng mặc dù lợi nhuận được chia từ Công ty liên doanh, liên kết giảm.

Người đại diện theo pháp luật

TỔNG GIÁM ĐỐC



VŨ QUỐC BẢO



ANNUAL REPORT
VINALINK LOGISTICS JOINT STOCK
COMPANY
2024

INDEX

I.	General information	5
1.	General information.....	5
2.	Business sector and location.....	11
2.1	Business lines.....	11
2.2	Business location	11
3.	Information on governance model, business organization and management apparatus	12
3.1	Management model	12
3.2	Management structure	12
3.3	Branches and business locations.....	12
3.4	Investment and affiliated companies	13
4.	Development orientation	14
4.1	Main objectives of the Company	14
4.2	Medium and long-term development strategy.....	15
4.3	Sustainable development goals (environmental, social and community) and agenda The main agenda related to the Company's short-term and medium-term development strategy	15
5.	Risks	16
II.	Operational situation during the year.....	16
1.	Production and business situation	16
2.	Organization and personnel.....	17
2.1	List of Executive Board	17
2.2	Executive Board Summary	17
2.3	Changes in the Executive Board :.....	21
2.4	Number of staff.....	22
3.	Investment situation, project implementation situation	22
3.1	Large investments	22
3.2	Subsidiaries and affiliates	22
4.	Financial situation	22
4.1	Financial situation.....	22
4.2	Key financial indicators.....	23
5.	Shareholder structure, changes in owner's capital.....	23

5.1	Shares.....	23
5.2	Shareholder structure	23
5.3	Changes in owner's equity	25
5.4	Treasury stock transactions.....	25
5.5	Other securities	25
6.	Report on the company's environmental and social impacts.....	25
6.1	Environmental impact.....	25
6.2	Raw material management	25
6.3	Energy consumption	25
6.4	Water consumption	26
6.5	Compliance with environmental protection laws	26
6.6	Employee related policies.....	27
6.7	Report on responsibility to local communities	30
6.8	Reports related to green capital market activities according to the guidance of the State Securities Commission.....	30
III.	Report and assessment of the Board of Directors	30
1.	Evaluation of production and business performance	30
2.	Financial situation	32
2.1	Asset situation.....	32
2.2	Debt situation.....	32
2.3	Status of receivables	32
3.	Improvements in organizational structure, policies, and management	32
4.	Future development plan.....	33
4.1	On business and investment.....	33
4.2	Some general measures.....	33
5.	Board of Management' explanation of the audit opinion	34
6.	Assessment report related to the company's environmental and social responsibility	34
6.1	Assessment related to environmental indicators (water consumption, energy, emissions ...).	34
6.2	Assessment related to labor issues.....	35
6.3	Assessment related to corporate responsibility towards local communities	35
IV.	Board of Directors' assessment of the Company's operations.....	35
1.	Board of Directors' assessment of the Company's operations.....	36

2.	Board of Directors' assessment of the Company's Board of Management' performance.....	36
3.	Results of implementing the resolution of the 2024 Annual General Meeting of Shareholders.....	36
4.	Plans and directions of the Board of Directors	37
V.	Corporate governance	37
1.	Board of Directors	37
1.1	Members and structure of the Board of Directors	37
1.2	Subcommittees of the Board of Directors.....	39
1.3	Activities of the Board of Directors.....	39
2.	Board of Supervisors	41
2.1	Members and structure of the Board of Supervisors	41
2.2	Activities of the Board of Supervisors	41
2.3	Report of the Board of Supervisors on the results of monitoring the Company's business and financial performance	42
3.	Transactions, remuneration and benefits of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors	43
3.1	Salary, bonus, remuneration, benefits	43
3.2	Insider stock transactions.....	45
3.3	Contracts or transactions with insiders	45
3.4	Assessment of implementation of corporate governance regulations	47
VI.	Financial reports	47
1.	Audit opinion.....	47
2.	Audited financial statements	47

I. General information

1. General information

- Trading name : **VINALINK LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY**
- Business registration certificate number : 0301776205
- Charter capital: 141,404,870,000 (One hundred and forty-one billion four hundred and four million eight hundred and seventy thousand dong)
- Owner's investment capital: 141,404,870,000 (One hundred forty-one billion four hundred and four million eight hundred and seventy thousand dong)
- Address: 226/2 Le Van Sy, Ward 1, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam
- Phone number: 028 3991 9259
- Website: www.vinalinklogistics.com
- Stock code: **VNL**

- **Formation and development process:**

- ❖ Date of establishment: July 16, 1999.
- ❖ Listing date: August 17, 2009, the Company's shares were officially listed on the Ho Chi Minh City Stock Exchange (HOSE) with stock code **VNL** .
- ❖ Timeline of important milestones since establishment:

1998:

- ❖ Vinatrans Company established the Transport and Consolidation Agency Enterprise with the transaction name **VINACONSOL** .

1999:

- ❖ June 24, 1999: The Minister of Trade issued Decision No. 0776/1999/QD-BTM approving the plan to equitize a part of the State-owned enterprise VINATRANS, transforming the Transport Agency and Consolidation Enterprise into the Transport and Trading Joint Stock Company, trading name: **VINALINK** ; charter capital of 8 billion VND (the State holds 10%); specializing in transport, warehouse, office, import and export services...
- ❖ July 16, 1999: The General Meeting of Shareholders established the Company and approved the charter, organizational structure, elected the Board of Directors and the Board of Supervisors... Accordingly, the organizational structure of the Company includes:
 - Board of Directors.
 - Transport and consolidation agency department.

- Hapag-Lloyd Shipping Agency Department.
 - Warehouse 145 Nguyen Tat Thanh.
 - Accounting - Administration Department.
- ❖ September 1, 1999: The company officially operated as a legal entity registered with the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City on July 31, 1999.

Year 2000:

- ❖ March 7, 2000: Vinalink joined the Vietnam Freight Forwarding Association VIFFAS.
- ❖ April 5, 2000: Vinalink became a member of Vietnam Chamber of Commerce and Industry VCCI.
- ❖ June 24, 2000: DNV International Assessment Organization (Norway) certified Vinalink to implement the quality management system according to international standard ISO 9002, now ISO 9001:2000.

2001:

- ❖ January 1, 2001: Air Freight Department was established and officially operated at office A8 Truong Son, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, then moved to 44 Truong Son, Tan Binh District, Ho Chi Minh City.
- ❖ September 1, 2001: Logistics Department was established and officially put into operation.

2002:

- ❖ Vinalink joins the International Federation of Freight Forwarders Associations (FIATA).
- ❖ May 13, 2002: The company increased its charter capital 3 times, the new charter capital is 24 billion VND.

2003:

- ❖ June 2003: Vinalink contributed capital to become one of the three Vietnamese parties in the Vietnam - Japan Transport Joint Venture Company (Konoike Vina).
- ❖ October 2003: Vinalink and Freight Consolidators Pte.Ltd. (Singapore) established the joint venture FC Shipping Agency Company (Vietnam) specializing in agency services for international airlines such as British Airways, Royal Brunei Airlines...

2004:

- ❖ The Company's office in Vietnam - Singapore Industrial Park (Binh Duong) is officially operational .
- ❖ September 2004: The company celebrated its 5th anniversary of operation and received the Third Class Labor Medal awarded by the President for its outstanding achievements in the 5 years 1999 - 2003, contributing to the cause of building and defending the Fatherland.
- ❖ Day October 11, 2004: The General Department of Customs licensed the establishment of Vinalink Bonded Warehouse at 145 Nguyen Tat Thanh , District 4, Ho Chi Minh City . December 2004: Vinalink Bonded Warehouse received the first shipment from customer Schneider Electric Overseas Asia Pte. Ltd.
- ❖ December 2004: Vinalink participated in establishing V-Truck Automobile Transport 3-member LLC.

2005:

- ❖ January 1, 2005: The company's branch in Hanoi officially opened.
- ❖ April 1, 2005: RCL (Vietnam) Company Limited - a joint venture between Vinalink (45% capital), SGN and RCL Shipping Line (Singapore) officially started operating.
- ❖ August 1, 2005: Hapag - Lloyd (Vietnam) Company Limited - a joint venture between Vinalink and Hapag-Lloyd Shipping Company (Germany) officially started operating.
- ❖ August 2005: The company increased its charter capital to 36 billion VND.
- ❖ September 15, 2005: Ministry of Transport grants multimodal transport business license to Vinalink.

2006:

- ❖ From September 4, 2006: officially launched domestic express delivery service - Vinalink Express.
- ❖ October 2006: The company was awarded the ISO Gold Cup by the Ministry of Science and Technology - an award for units with outstanding achievements in applying the ISO management system. international standards in production and business activities.

2007:

- ❖ October 24, 2007: Ho Chi Minh City People's Committee granted an Investment Certificate to LIEN KET CARGO TRANSPORTATION MANAGEMENT COMPANY LIMITED, trading name is LCM Co., Ltd. This is a joint venture between Vinalink and Freight Consolidators Pte, Ltd (Singapore), specializing in international shipping agency services. LCM Co., Ltd has been appointed by Cargolux Airlines (Luxembourg) as the general cargo agent (GSA) in Vietnam.

2008:

- ❖ Deploying railway services from Vietnam to Kazakhstan, Uzbekistan, Mongolia, Russia...
- ❖ October 2008: Vinalink was awarded the Golden Cup " *Vietnam's Leading Joint Stock Company* " in 2008 by the Vietnam Securities Business Association, Credit Information Center - State Bank of Vietnam, Securities Magazine - State Securities Commission and a number of functional agencies.

2009:

- ❖ August 17, 2009: The Company's securities were officially listed on the Ho Chi Minh City Stock Exchange (HOSE) with the stock code **VNL** .
- ❖ October 1, 2009: The Company's branch in Hai Phong officially opened.
- ❖ October 11, 2009: Vinalink received the Award - Golden Cup " *Vietnam's Leading Joint Stock Company* " in 2009.
- ❖ October 31, 2009: The company was honored to receive the Second Class Labor Medal awarded by the President for its outstanding achievements in the 10 years 1999 - 2009.

2010:

- ❖ Vinalink Depot officially operated from June 1, 2010.
- ❖ December 17, 2010: The Ministry of Commerce of the Kingdom of Cambodia granted the Operating License to the Company's Representative Office in Phnom Penh.

2011:

- ❖ May 6, 2011: Participated in the establishment of Kim Thanh Logistics Joint Stock Company (Lao Cai). November 11, 2011 : Kim Thanh Logistics Center officially started construction under the witness of Lao Cai Provincial Leaders, Ministry of Industry and Trade and Leaders and businessmen of Yunnan Province (China).
- ❖ July 16, 2011: On the occasion of the Company's founding anniversary, officially introduced the new Brand Identity System, including:

Logo:



E-mail:

headoffice@vinalinklogistics.com

Website:

www.vinalinklogistics.com

- ❖ End of 2011: according to the evaluation results of Vietnam Evaluation Joint Stock Company, the Company is in the TOP 500 Fastest Growing Enterprises (FAST 500) and TOP 1000 Largest Taxpaying Enterprises in Vietnam, TOP 100 enterprises with high credit index in terms of brand reputation, service quality always aiming at customer satisfaction according to TQS supplier evaluation process.

2012:

- ❖ Transfer of all capital contributions in Hapag-Lloyd (Vietnam) Company Limited to foreign parties from June 1, 2012.
- ❖ December 2012: Received Certificate of Merit from the Prime Minister for achievements in business activities in 2009 - 2011.

2013:

- ❖ January 4, 2013: **Vinalink Logistics Company Limited (Cambodia)** was granted an establishment license by the Ministry of Commerce of the Kingdom of Cambodia with the following contents:
 - Company name: **Vinalink Logistics (Cambodia) Co., Ltd.**
 - Registration number with the Ministry of Commerce: Co.3199E/2012, dated December 24, 2012
 - Company type: One member LLC
 - Investment capital: USD 25,000 (100,000,000 riel)

2014 :

- ❖ Vinalink changed its new name from May 24, 2014 according to Business Registration Certificate No. 0301776205 issued by the Business Registration Office of the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City, the 10th change on May 22, 2014.
 - Company name before change: TRANSPORT AND TRADING JOINT STOCK COMPANY

- Company name after change: **VINALINK LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY**
- Abbreviation: **VINALINK**

2018:

- ❖ June 1, 2018: The Company's branch in Da Nang officially opened.
- ❖ July 1, 2018: The Company's branch in Quy Nhon officially opened.

2019:

- ❖ Changed head office at 226/2 Le Van Sy, Ward 1, Tan Binh District, Ho Chi Minh City , Vietnam from May 21, 2019 according to Business Registration Certificate No. 0301776205 issued by the Business Registration Office of the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City, the 16th change on May 21, 2019.

2021:

- ❖ November 23, 2021: Decision to dissolve the Company's Branch in Quy Nhon.
- ❖ December 14, 2021: Transfer of Vinalink Logistics Company Limited (Cambodia), officially ceased operations, no longer a subsidiary.

2022:

- ❖ April 15 , 2022 : The company increased its charter capital to VND 94,270,000,000 .

2023:

- ❖ April 12, 2023: ISOQ Vietnam Certification Organization certified that the quality management system of Vinalink Logistics Joint Stock Company has been assessed and confirmed to comply with the requirements of ISO 9001:2015 standard for the field of providing multimodal transport services and freight forwarding support services.
- ❖ April 19, 2023: Opening of VINALINK WAREHOUSE at TTC Dang Huynh Warehouse - Lot MN, Road No. 10, Song Than 1 Industrial Park, Di An Ward, Di An City, Binh Duong Province.
- ❖ July 31 , 2023: The company increased its charter capital to VND 141,404,870,000 .
- ❖ December 22, 2023 : VINALINK was honored as TOP 3 unit AMAZON GLOBAL SELLING PARTNER OF THE YEAR 2023 VIETNAM, is the leading Logistics unit in the journey of delivering "Made in in Vietnam" to the world market.

2024:

- ❖ January 24, 2024: ISOQ Vietnam Certification Organization certified that the quality management system of Vinalink Logistics Joint Stock Company has been assessed and confirmed to comply with the requirements of ISO /IEC 27001:2022 for the field of providing multimodal transport services and freight forwarding support services .
- ❖ Vinalink changed the company name in foreign language and abbreviated company name from June 5, 2024 according to Business Registration Certificate No. 0301776205 issued by the Business Registration Office of the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City for the 22nd change on June 5, 2024.
 - Company name written in foreign language: **VINALINK LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY**
 - Abbreviation before change : **VINALINK**
 - Abbreviated name after change : **VINALINK LOGISTICS**
- ❖ June 29, 2024 : Vinalink Logistics **has achieved the title of Enterprise meeting Information Disclosure Standards in 2024** (IR AWARDS 2024) co-organized by Vietstock in collaboration with VAFE Association and FiLi Magazine.
- ❖ October 9, 2024: Vinalink Logistics is AMAZON GLOBAL SELLING VIETNAM awarded "The Companion" - Service Provider of the Year 2024 .

2. Business sector and location**2.1 Business lines**

- Main service business lines accounting for over 10% of total revenue in the last 2 years:
 - International freight forwarding: including sea freight services, consolidation services, air freight services, multimodal transport services.
 - Logistics services for import and export goods, domestic distribution of goods.
 - Inland transport (by road, rail, sea, river).

2.2 Business location

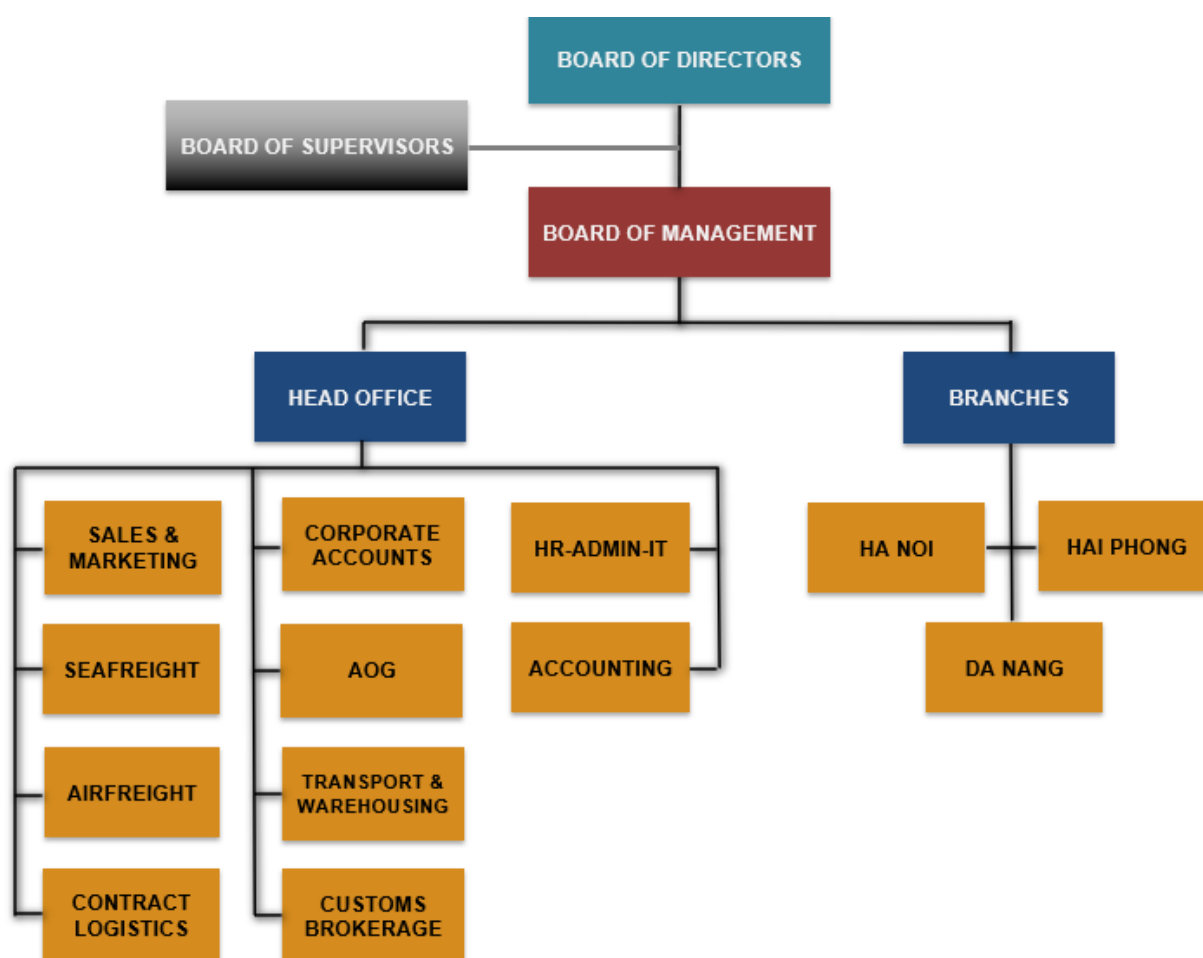
- Main business locations, accounting for over 10% of total revenue in the last 2 years): Ho Chi Minh City, Hanoi.

3. Information on governance model, business organization and management apparatus

3.1 Management model

- Governance model: General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Supervisory Board and Board of Management.
- The Board of Management includes the Chief Executive Officer, the Chief Financial Officer and Chief Accountant of the company, the Legal Director and the person in charge of the company's internal audit.

3.2 Management structure



3.3 Branches and business locations

3.3.1 Branches

- Hanoi :

Branch of Vinalink Logistics Joint Stock Company (Vinalink Hanoi)

Floor 06, No. 14, Lang Ha, Thanh Cong Ward, Ba Dinh District, City Hanoi, Vietnam

Phone: 024 37724234

Fax: 024 37724235

Email: han@vinalinklogistics.com

- Hai Phong :

Vinalink Logistics Joint Stock Company Branch in Hai Phong

Room 213-214 2nd Floor, Thanh Dat 1 Building, No. 3 Le Thanh Tong Street,
Gia Vien Ward, Ngo Quyen District, Hai Phong City, Vietnam .

Phone: 0225 3979582

Email: hph@vinalinklogistics.com

- Da Nang :

Vinalink Logistics Joint Stock Company Branch in Da Nang

773 Ngo Quyen, An Hai Bac Ward, Son Tra District, Da Nang City, Vietnam

Phone: 0236 3552528 - 0236 3552538

Email: dad@vinalinklogistics.com

3.3.2 Business location

- Air freight agency service business location

62 Tan Canh, Ward 1, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam

Phone: 028 3848 7252

Email: sgn-air@vinalinklogistics.com

- Business location

145-147 Nguyen Tat Thanh, Ward 13, District 4, Ho Chi Minh City,
Vietnam .

Lot MN, TTC Dang Huynh General Warehouse, Road No. 10, Song Than 1
Industrial Park, Di An Ward, Binh Duong Province, Vietnam.

3.4 Investment and affiliated companies

STT	Company name	Address	Investment capital (VND)	Ratio / charter capital	Note
-----	--------------	---------	--------------------------	-------------------------	------

1	RCL Company Limited (Vietnam)	436-438 Nguyen Thi Minh Khai, Ward 5, District 3, HCMC	946,800,000	20.00%	Joint venture company
2	Freight Agency Services Company Limited (FC Vietnam)	46-48 Hau Giang, Ward 4, Tan Binh District, HCMC	3,918,874,000	30.00%	Joint venture company
3	Konoike Vina Transportation Company Limited	18A Luu Trong Lu, Tan Thuan Dong Ward, District 7, HCMC	4,908,430,302	9.15%	Joint venture company
4	Linked Cargo Management Company Limited (LCM)	30 Phan Thuc Duyen, Ward 4, Tan Binh District, HCMC	9,007,800,000	30.00%	Joint venture company
5	Central Transport and Logistics Joint Stock Company (Vinatrans Danang)	184 Tran Phu, Phuoc Ninh Ward, Hai Chau District, Da Nang City	8,784,000,000	27.89%	Affiliated companies
6	Kim Thanh Logistics JSC	Lot KB 13, T5 Street, Kim Thanh Commercial - Industrial Park, Duyen Hai Ward, Lao Cai City, Lao Cai Province	19,120,589,000	30.00 %	Affiliated companies
7	Vinalink Transport Joint Stock Company (Vinalink Transport)	3rd Floor, Indochina Park Tower, 4 Nguyen Dinh Chieu, Da Kao Ward, District 1, HCMC	4,000,000,000	40.00%	Affiliated companies

4. Development orientation

4.1 Main objectives of the Company

- In the context of the freight forwarding & logistics market growing and integrating rapidly with regional and world markets, increasing competition, increasing professionalism; the company's activities are organized and implemented on the

basis of internal connections, connections with domestic and foreign customers and partners to achieve the goal of bringing success to all.

- The main objective of the Company is to stabilize and develop core business services, seek investment opportunities, regularly seek and develop business relationships with foreign agents, ensuring annual growth targets. Exploiting well the resources of capital, human resources, agents, focusing on investment and improving the quality of basic services, screening and eliminating low-efficiency services.

4.2 Medium and long-term development strategy

- Continue to consolidate and maintain market share of international sea and air services; focus on package and project logistics services, domestic transportation and supply services.
- Strengthen traditional markets and expand new markets.
- Looking for investment opportunities in the logistics sector.
- Improve the quality, capacity and professionalism of human resources.
- Strengthen marketing and brand development,
- Strengthening the application of information technology to meet the needs of business development and increase labor productivity.
- Investment: research and implement investment in warehouses and offices in new conditions to suit reality.
- Focus on investing in developing logistics services for international e-commerce through cooperation with major foreign partners to create an effective logistics solution chain for customers.

4.3 Sustainable development goals (environmental, social and community) and agenda The main agenda related to the Company's short-term and medium-term development strategy

- Developing services to create jobs and stable income, creating opportunities for personal development for employees; building a corporate culture to create a friendly and effective working environment, actively contributing to social activities to build the community.
- Business and service activities encourage employees to actively participate in practical activities that contribute to environmental protection: properly disposing of waste, saving fuel, electricity, and water.
- Ensure compliance with the transportation conditions and the requirements for the Transportation License of the Company and subcontractors in the transportation business to minimize the risk of accidents to vehicles and goods, and limit incidents that cause harm to the environment.

5. Risks

- Logistics service business activities have risks such as:
 - Risks from policies and regulations are always changing, but not all changes are more favorable for business.
 - Risk from customers and agents in payment since most services are conducted on a contract basis without collateral.
 - Unstable service quality of related parties leads to uncontrollable service quality, disrupts stages in the logistics chain, affects payment or cancellation of service contracts.
 - Business risks include risks from financial instruments, debts, human resource risks, risks in circulation with road transport, and risks from unfair competition with high risk of increase.
 - Domestic transport infrastructure (road, rail, sea, air) has not developed synchronously and has not kept up with the growth rate of freight transport demand, increasing transportation costs and prolonging transportation time, affecting service quality, product quality, environment and business profits.
 - Although 2024 was predicted to be a year of continued difficulties, in reality, the situation has had many unexpected developments such as the Russia-Ukraine war continuing and showing no signs of stopping, high inflation in key market areas such as Europe and the US; the crisis in the Red Sea region... causing a decrease in demand for goods, instability in the supply-demand relationship of the international transport market, international shipping routes from Asia to the EU and US being severely affected; international freight rates continue to have many unpredictable fluctuations; domestic transport services are facing fierce competition.

II. Operational situation during the year

1. Production and business situation

- Business performance results during the year and implementation status compared to plan:

Target	2024		2023	Increase / decrease ratio	
	Plan (VND)	Realization (VND)	Realization (VND)	Implementation / Plan 2024	2024 / 2023
1. Net revenue from sales and service provision	900,000,000,000	1,152,738,721,057	729,154,403,208	128.08%	158.09%
2. Net profit from business activities		59,227,493,648	43,816,775,107		135.17%
3. Other profits		96,574,075	(95,486,721)		
4. Total profit before tax	26,500,000,000	59,324,067,723	43,721,288,386	223.86%	135.69%
5. Profit after tax		45,433,863,603	37,313,675,053		121.76%
6. Basic earnings per share		3,149	2,586		121.77%

- 1) Full name: Nguyen Anh Nam Male / Female : Female
- 2) Date of birth: May 13, 1978 Place of birth: Nha Trang - Khanh Hoa
- 3) ID card number / Passport number :
- 4) Date of issue: Place of issue: CCS QLHC on TTXH
- 5) Nationality: Vietnamese Ethnicity: Kinh
- 6) Hometown : Nha Trang
- 7) Permanent address:
- 8) Current address:
- 9) Phone: Email:
- 10) Professional qualification: Bachelor of Accounting - Auditing
- 11) Work process:

From month, year to month, year	Title, position, work unit
From 01/01/2005 to 31/12/2011	Accounting Department Staff, Vinalink Logistics Joint Stock Company
From 01/01/2012 to 31/08/2015	Deputy Head of Accounting Department, Vinalink Logistics Joint Stock Company
From 01/09/2015 to 01/07/2016	Acting Chief Accountant of Vinalink Logistics Joint Stock Company
From 02/07/2016 to 22/03/2023	Chief Accountant of Vinalink Logistics Joint Stock Company
From 23/03/2023 to present	Chief Financial Officer and Chief Accountant of Vinalink Logistics Joint Stock Company

- 12) Current position at Vinalink Company: Financial Director and Chief Accountant of the company .
- 13) Names of companies currently holding Board of Directors and management positions at other organizations:

STT	Company name	Current position	Note
1	Kim Thanh Logistics Joint Stock Company	Board Member	
2	Vtruck Automobile Transport Company Limited	Member of the Board of Members	

- 14) Number of shares held at Vinalink: shares.
 In which:
- Individual ownership: share.
 - Owner representative: share.
- 15) Benefits related to the Company (if any): *None*
 16) Conflicting interests with the Company (if any): *None*

2.2.3 Summary of Ms. Nguyen Do Anh Tu's biography

- 1) Full name: Nguyen Do Anh Thu Male / Female : Female
 2) Date of birth: March 27, 1976 Place of birth: Ho Chi Minh City
 3) ID card number / Passport number :
 4) Date of issue: Place of issue: CCS QLHC on TTXH
 5) Nationality: Vietnamese Ethnicity: Kinh
 6) Hometown : Quang Ngai
 7) Permanent address:
 8) Current address:
 9) Phone: 028 3991 9259 Email: thund@vinalinklogistics.com
 10) Qualification: Bachelor of Business Administration (Foreign Trade)
 11) Work process:

From month, year to month, year	Title, position, work unit
From 06/2003 to 02/2008	Documentation Staff, Transport and Trading Joint Stock Company
From 03/2008 to 03/2011	Deputy Head of Seaway Export Department, Transport and Trading Joint Stock Company
From 04/2011 to 12/2015	Head of Documents Department, Transport and Trading Joint Stock Company
From 01/2016 to 08/2020	Deputy Director of Maritime Services Division, Vinalink Logistics Joint Stock Company
From 09/2020 to 04/2022	Assistant to General Director and Head of International Transport Documents Department, Vinalink Logistics Joint Stock Company
From 05/2022 to 03/22/2023	Assistant to General Director of Vinalink Logistics Joint Stock Company
From 23/03/2023 to 30/04/2024	Legal Director and Internal Auditor, Vinalink Logistics Joint Stock Company
From 01/05/2024 to 31/08/2024	Legal Director , Internal Auditor and Authorized Disclosure Officer Vinalink Logistics Joint Stock Company
From 01/09/2024 to present	Legal Director and Authorized Disclosure Person Vinalink Logistics Joint Stock Company

- 12) Current position at Vinalink Company: *Legal Director and Authorized Distributor*
- 13) Names of companies currently holding Board of Directors and management positions at other organizations: *None*
- 14) Number of shares held at Vinalink: _____ shares. In which:
- Individual ownership: _____ share.
 - Ownership representative: _____ share.
- 15) Benefits related to the Company (if any): *None*
- 16) Conflicting interests with the Company (if any): *None*

2.3 Changes in the Executive Board :

STT	Board Member	Date of birth	Professional qualifications	Date of appointment/removal of members of the Executive Board
1	Mr. Vu Quoc Bao <i>General Director</i>	December 31, 1970	Master of Business Administration	Appoint September 22, 2023.
2	Mrs. Nguyen Anh Nam <i>Chief Financial Officer and Chief Accountant of the company</i>	May 13, 1978	Bachelor of Accounting - Auditing	Appoint March 23, 2023.
3	Ms. Nguyen Do Anh Thu <i>Legal Director and Head of Internal Audit</i>	March 27, 1976	Bachelor of Business Administration (Foreign Trade)	Appoint March 23, 2023.
4	Ms. Nguyen Do Anh Thu <i>Legal Director, Head of Internal Audit and Authorized Disclosure Officer of the Company</i>	March 27, 1976	Bachelor of Business Administration (Foreign Trade)	Appoint 01/05/2024. (<i>Authorized person to disclose information of the Company</i>)
5	Ms. Nguyen Do Anh Thu <i>Legal Director and Authorized Person to Disclose Information of the Company</i>	March 27, 1976	Bachelor of Business Administration (Foreign Trade)	Dismissal 01/09/2024. (<i>Person in charge of internal audit of the company</i>)

2.4 Number of staff

- Number of staff: 339 people (headquarters in Ho Chi Minh City and branches in Hanoi, Hai Phong, Da Nang).
- Summary of policies and changes in policies for employees: See section 6.6.

3. Investment situation, project implementation situation

3.1 Large investments

Not generated.

3.2 Subsidiaries and affiliates

STT	Company name	Investment capital	Proportion	Profit for Vinalink 2024	Profit for Vinalink 2023	Ratio
		(VND)	/ charter capital	(VND)	(VND)	increase / decrease
1	RCL Company Limited (Vietnam)	946,800,000	20.00%	4,140,218,196	787,773,911	425.56%
2	Freight Agency Services Company Limited (FC Vietnam)	3,918,874,000	30.00%	1,456,087,551	(53,865,671)	2803.18%
3	Konoike Vina Transportation Company Limited	4,908,430,302	9.15%	2,905,739,352	2,291,245,080	26.82%
4	Linked Cargo Management Company Limited (LCM)	9,007,800,000	30.00%	3,529,045,824	29,829,493	11730.73%
5	Central Transport and Logistics Joint Stock Company (Vinatrans Danang)	8,784,000,000	27.89%	85,454,379	72,974,759	17.10%
6	Kim Thanh Logistics JSC	19,120,589,000	30.00%	990,377,492	601,980,177	64.52%
7	Vinalink Transport Joint Stock Company (Vinalink Transport)	4,000,000,000	40.00%	897,586,168	2,139,475,581	-58.05%

Source: 2024 Financial Report (audited)

4. Financial situation

4.1 Financial situation

Target	2024 (VND)	2023 (VND)	%
Total asset value	456,374,409,591	390,499,684,823	116.87%
Net revenue	1,152,738,721,057	729,154,403,208	158.09%
Profit from operations	59,227,493,648	43,816,775,107	135.17%
Other profits	96,574,075	-95,486,721	
Profit before tax	59,324,067,723	43,721,288,386	135.69%
Profit after tax	45,433,863,603	37,313,675,053	121.76%
Dividend yield ratio (dividend paid / profit after tax)	31.12%	45.48%	68.44%

Source: 2024 Financial Report (audited)

4.2 Key financial indicators

Target	2024	2023	Note
<i>1. Payment capacity indicators</i>			
+ Short-term payment ratio: Current Assets/Current Liabilities	3.06	3.76	Time
+ Quick payment ratio: <u>Current Assets - Inventory</u> Short-term debt	3.06	3.76	Time
<i>2. Capital structure indicators</i>			
+ Debt/Total Assets Ratio	34.83%	30.94%	%
+ Debt/Equity Ratio	53.45%	44.79%	%
<i>3. Performance indicators</i>			
Net Revenue/Total Assets	2.53	1.87	Time
<i>4. Profitability indicators</i>			
+ Profit after tax/Net revenue ratio	3.94%	5.12%	%
+ Profit after tax/Equity ratio	15.28%	13.84%	%
+ Profit after tax/Total assets ratio	9.96%	9.56%	%
+ Operating Profit/Net Revenue Ratio	5.14%	6.01%	%

2024 Financial Report (audited)

5. Shareholder structure, changes in owner's capital

5.1 Shares

- Total outstanding shares: 14,140,487 shares.
- Type of outstanding shares: Common shares.
- Number of freely transferable shares: 14,140,487 shares (from April 13, 2023).
- Number of shares subject to transfer restrictions: 0 shares .

5.2 Shareholder structure

Data according to the list of shareholders owning shares of Vinalink Logistics Joint Stock Company as of March 19 , 2025 provided by Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation.

5.2.1 Special shareholders

STT	Name of organization/individual	ID card number /Passport/Business registration number	Date of issue	Address	Number of shares	Ownership ratio (%)
<i>A. State shareholders: None</i>						
<i>B. Major shareholders</i>						
1	VINAFREIGHT JOINT STOCK COMPANY	0302511219	21/01/2025	8th Floor, Phu Nhuan Plaza Building, No. 82 Tran Huy Lieu, Ward 15, Phu Nhuan District, Ho Chi Minh City, Vietnam	1,227,645	8.68%
<i>C. Strategic shareholders: None</i>						
<i>D. Founding shareholders / FDI shareholders (in case the enterprise is an FDI enterprise): None</i>						
Total (A+B+C+D)					1,227,645	8.68%

5.2.2 Domestic shareholders, foreign shareholders, institutional shareholders, individual shareholders

a) **Domestic shareholders:** Total 1,091 shareholders , owning 87.35 % of VNL shares.

- Domestic individual shareholders: 1,081 shareholders , owning 75.66 % of VNL shares.
- Domestic institutional shareholders: 10 shareholders , owning 11.69 % of VNL shares.

STT	Category	Stocks held	
		Quantity (share)	Proportion
1	Shareholders owning more than 5% of shares (1)	1,227,645	8.68%
2	Shareholders owning from 1% to 5% of shares (15)	3,956,625	27.98%
3	Shareholders owning less than 1% of shares (1075)	7,166,924	50.69%
	Total	12,351,194	87.35%

- b) Foreign shareholders:** Total of 51 shareholders, owning 12.65% of VNL shares .
- Foreign individual shareholders : 39 shareholders, owning 5.12 % of VNL shares.
 - Foreign institutional shareholders: 12 shareholders, owning 7.53 % of VNL shares.

STT	Category	Stocks held	
		Quantity (share)	Proportion
1	Shareholders owning more than 5% of shares (0)	0	0 %
2	Shareholders owning from 1% to 5% of shares (4)	1,320,465	9.34%
3	Shareholders owning less than 1% of shares (47)	468,828	3.31%
	Total	1,789,293	12.65%

5.2.3 Maximum foreign ownership ratio : 49%.

5.3 Changes in owner's equity

Not generated.

5.4 Treasury stock transactions

Not generated.

5.5 Other securities

Not generated.

6. Report on the company's environmental and social impacts

6.1 Environmental impact

Initiatives and measures to reduce greenhouse gas (GHG) emissions: focus on clean energy, green materials, improving lighting efficiency...

Specifically, the Company pays attention to saving energy (electricity) in the office and improving fuel efficiency of means of transport.

6.2 Raw material management

The company is a service business, not a manufacturing company, so it does not use raw materials.

6.3 Energy consumption

6.3.1 Direct and indirect energy consumption

ELECTRICITY CONSUMPTION (Kwh)	2024	2023	% +/-
Office	114,005	106,333	7.22%
Warehouse Services	18,909	13,313	42.03%

6.3.2 Energy saved through energy efficiency initiatives

- Use only lighting in the work area. Always keep doors and windows closed to prevent heat loss.
- Before leaving, employees must turn off electrical equipment: computers, lights, air conditioners...
- For electronic and office equipment: pay attention to purchasing office equipment such as computers, photocopiers, printers, etc. with high energy efficiency. Periodically replace, maintain and clean office equipment.
- Choose materials that apply new insulation technology when replacing ceiling and wall insulation in the office.
- Regularly encourage staff to come up with ideas and arrangements to save energy.

6.4 Water consumption

Water consumption of business activities during the year:

6.4.1 Water supply source and water usage: Saigon Water Supply Company

WATER CONSUMPTION (m³)	2024	2023	% +/-
Office	1,342	1,041	28.91%
Warehouse Services	1,842	1,547	19.07%

6.4.2 Percentage and total volume of recycled and reused water

Do not have.

6.5 Compliance with environmental protection laws

- As a service business, the Company always pays attention to complying with environmental protection laws and following the instructions of local environmental management agencies. The Company proposes a number of solutions to increasingly better protect the environment:

- Save paper, limit printing if not needed, use double-sided paper for internal documents.
 - Sort waste before sending it to the local garbage collection unit.
 - Wastewater is discharged into the city's sewer system.
 - Periodically check machinery, equipment, air conditioners, electrical equipment, regularly clean offices, warehouses and means of transport.
 - Provide protective equipment for warehouse workers.
 - Plant trees in the campus.
 - Propaganda, dissemination and reminder to staff about saving electricity, water, fuel and protecting the environment within the enterprise.
- In 2024 , the Company was not penalized for non-compliance with environmental laws and regulations .

6.6 Employee related policies

6.6.1 Number of employees, average salary for employees .

- Number of employees: 339 people (headquarters in Ho Chi Minh City, branches in Hanoi, Hai Phong, Da Nang).
- Minimum wage: 5,700,000 VND/month.
- Average salary: 18,000,000 VND / month.

6.6.2 Labor policy to ensure the health, safety and welfare of workers

a) Labor policies applicable to the Company's employees

- Implement policies and regimes for employees in accordance with the provisions of law (Labor contracts, social insurance - health insurance - unemployment insurance regimes).
- Develop internal rules and regulations to protect the unit and protect business secrets. Closely coordinate with local authorities and police in ensuring security, order and preventing crime and social evils in the area.
- Periodically conduct dialogue between employers and employees through the Trade Union to promptly grasp the thoughts, aspirations, needs and contributions of employees, thereby adjusting appropriate labor policies so that employees can work with peace of mind and be committed to the Company.
- The annual summer vacation TEAM BUILDING programs aim to connect and create a playground for exchange among members of the Vinalink family and

celebrate the 25th anniversary of the founding of Vinalink Hanoi, Vinalink Da Nang, Vinalink Ho Chi Minh City, and Vinalink Hai Phong.

b) Labor policy to ensure workers' health

- Annually, organize general health check-ups and perform some additional specialized tests for male and female employees.

c) Labor policy to ensure worker safety

- Provide uniforms, clothing and protective equipment according to the nature of the job.
- Fully implement regulations and rules on occupational safety and hygiene, fire prevention and fighting. Regularly send employees to attend training sessions on occupational safety and hygiene, fire prevention and fighting. Periodically self-check and remind employees to implement occupational safety and fire prevention and fighting measures in departments.
- 24/24 accident insurance for employees.

d) Labor policy to ensure workers' welfare

- The Company's Trade Union and Youth Union organize activities, competitions, contests, programs... to celebrate major holidays and birthdays with a total amount of nearly 150,000,000 VND .
- Maintain monthly birthday parties for all employees in the Company to interact and connect.
- "Graceful Ao Dai Vinalink" contest and the Meeting and Exchange Day on March 8, 2024 with a total amount of nearly 50,000,000 VND .
- Taking care of employees' children on occasions such as International Children's Day June 1, Mid-Autumn Festival, and rewards for excellent students at the end of the school year with an amount of nearly 100,000,000 VND .
- , 2024: Organize a Lantern design contest and Tet Reunion photos with Vinalink lanterns for children with prize money : 25,000,000 VND .
- October 24, 2025: Organize the "Vinalink Kitchen" cooking contest with flower arrangement, fruit decoration, and cuisine to celebrate Vietnamese Women's Day October 20 at the headquarters in Ho Chi Minh City; Vinalink Hanoi, Vinalink Hai Phong, Vinalink Da Nang.
- Actively create conditions for employees to participate in movements and competitions organized by the Trade Union, Association... Participate in the traditional Sports Festival of the Industry and Trade Sector in Ho Chi Minh City, activities to celebrate the holidays of the year...
- In 2024, the Union and the Company spent 30,000,000 VND to support, visit, and give Tet gifts to the families of Union members in difficult circumstances.

25th Anniversary Event Series:

- The writing contest "Vinalink in my eyes is..." attracted more than 200 entries from the Company's staff .
- The company organized for all employees to participate in vacation and attend the Anniversary ceremony in Cam Ranh, Ha Long with fun collective activities such as: Art competition, Fashion competition, etc., creating conditions for brothers and sisters to have time to exchange, understand and connect with each other at work, helping the Vinalink collective to grow stronger and more stable.
- Vinalink online marathon in 115 days to celebrate the 25th anniversary of the Company's establishment attracted more than 250 employees to participate with a distance of 29,886 km.
- 2024 was bustling across the three regions of the country for the Children on the occasion of 0 01/06/2024
- Organize the festival program "My Summer" at My Thanh Bac 1 Primary School, Hamlet 2, My Thanh Bac, Duc Hue, Long An on June 15, 2024 with an amount of more than 50,000,000 VND
- Drawing contest for the 2025 calendar “Vinalink Logistics – Connected Future”. Time from October 1, 2024 to October 11, 2024 with the amount of more than 20,000,000 VND .

6.6.3 Employee training activities

- The company encourages employees to take ownership of their learning to work better, improve their own abilities and have opportunities for career development.
- Employees can find diverse learning opportunities at Vinalink to improve their own capacity and develop their careers:
 - Learn professional skills and techniques on the job.
 - Training, guidance, advice from superiors.
 - Participate in projects .
 - Consult with the experts.
 - Join working groups .
 - Learn from your peers.
 - Internal training:
 - May 30, 2024 : Topic : Sales Seminar Conquering factory customers.
 - November 1 , 2024 : Topic: Trucks and container trucks and issues to note .
 - December 11, 2024: Special topic on FCL exports and issues to note.
 - Other learning and skill development opportunities: job rotation; visits to foreign agencies, market surveys, customer visits; thematic courses, seminars, conferences; formal training programs...

6.7 Report on responsibility to local communities

Since its establishment, Vinalink Company's staff has always had a sense of responsibility and actively participated in practical activities demonstrating the company's social and community responsibilities.

- In 2024, the Company mobilized employees to participate in humanitarian blood donation, contributing more than 85 units of blood in Ward 01, Tan Binh District, Ho Chi Minh City.
- The Company's Union has mobilized union members to participate in social and charitable activities such as the VINALINK Movement "UNITED HEART - FOR THE BELOVED NORTHERN PEOPLE" with the amount of : 68,600,000 VND .
- Organize the festival program "My Summer" at My Thanh Bac 1 Primary School, Hamlet 2, My Thanh Bac, Duc Hue, Long An.
- In 2024, the Union and the Company spent 30,000,000 VND to support, visit, and give Tet gifts to the families of Union members in difficult circumstances.
- Always maintain activities related to the source of history and Revolution such as: Can Gio Mangrove Forest and Reconnaissance Company 20, Infantry Division 5, Military Region 7 in Chau Thanh, Tay Ninh.

6.8 Reports related to green capital market activities according to the guidance of the State Securities Commission

Currently, the Company does not have any green capital market activities. However, the Company is very interested in following information about these activities and will plan to participate.

III. Report and assessment of the Board of Directors

1. Evaluation of production and business performance

Business results in 2024

Unit: billion VND

Target	2024	2023	%
Total revenue	1,152.74	729.15	158.09%
Profit before tax	59.32	43.72	135.68%
Profit after tax	45.43	37.31	121.76%
Profit before tax / charter capital ratio	41.95%	30.92%	135.68%
Profit after tax / charter capital ratio	32.13%	26.39%	121.75%

2024 Financial Report (audited)

The business situation and results in 2024 have some highlights as follows:

1.1 Regarding the results,

revenue increased by 58% compared to the previous year and increased by 28% of the annual plan. Profit in 2024 increased by 35.7% compared to the previous year

and increased by 123.7% of the annual plan. In which, profit from direct business increased significantly, up 146%.

1.2 About business situation

- From the beginning of 2024, the company predicted that it would continue to be a difficult year with many unexpected factors. However, the high business results in 2024 were due to the company focusing its resources and orientation on exploiting key logistics services including e-commerce logistics services, domestic logistics services for factories in industrial parks and anticipating the trend of moving factories from China to Vietnam.
- The company has continued to introduce measures to adjust management and practice operations to flexibly adapt to market developments. Focus on maintaining a stable number of traditional customers while exploiting service segments, new customers, focusing on exploiting opportunities in the export service segment in trading on the e-commerce market, organizing professional and reasonable service business management, focusing on improving service efficiency through management software, organizing close coordination between units in Ho Chi Minh City and branches, well meeting the requirements of customers and agents.
- Implementing the 2024 plan's tasks and directions approved by the Annual General Meeting of Shareholders , during the year the company focused on consolidating and developing the main traditional services of airfreight and seafreight, promoting domestic logistics services, sea consol services, especially FBA consol services in the context of fierce competition with the emergence of many competitors from China, combining export boxes with import boxes in relations with agents in accordance with the new situation, including:
 - Maintain stable services with key customers, change service and working approach, expand air consol service exploitation, focus on FBA consol exploitation to Amazon warehouses.
 - Focusing and organizing suitable working teams for VIP customers in a 24/7 manner to meet customer requirements. Logistics services providing customers in industrial parks with large output have contributed significantly to the overall results of the year.
- Business organization and management during the year continued to improve regulations, rules, and business processes to suit reality; enhance service quality, strictly manage debts, enhance customer retention activities and service products; promote communication, promote the company's image and services to customers, partners, and agents globally.
- Regarding the implementation of internal audit function: has been implemented according to regulations.
- Some limitations :
 - Regarding human resources, organization and management: new recruitment has many difficulties, especially for sales positions and key management staff, the quality is still limited.
 - The infrastructure lacks suitable warehouses and motorized transport as a basis for offering services to large customers, especially logistics services - supply chain services.

2. Financial situation

2.1 Asset situation

Unit: VND

Target	Last number 2024	First issue of 2024	%
A. Current assets	359,500,564,189	294,763,771,975	121.96%
B. Long-term assets	96,873,845,402	95,735,912,848	101.19%
Total	456,374,409,591	390,499,684,823	116.87%

2.2 Debt situation

Unit: VND

Target	Last number 2024	First issue of 2024	%
A. Short-term debt	117,509,202,975	78,445,105,870	149.80%
B. Long-term debt	41,452,398,460	42,361,050,000	97.85%
Total	158,961,601,435	120,806,155,870	131.58%

2.3 Status of receivables

Unit: VND

Target	Last number 2024	First issue of 2024	%
A. Short-term receivables	259,548,764,000	195,721,027,210	132.61%
B. Long-term receivables	2,428,740,880	2,110,230,880	115.09%
Total	261,977,504,880	197,831,258,090	132.42%

Receivables and payables are mostly debts arising during the service performance and within the agreed period under the control of the Company.

The company has no long-term loans and financial lease liabilities.

3. Improvements in organizational structure, policies, and management

Business organization and management during the year continued to improve regulations, rules, and business processes to suit reality; improve service quality, strictly manage debt, and enhance customer retention and service products.

- Implement two ISO management programs including:
 - + ISO 27001:2022 information security management system certification
 - + ISO 9001:2015 quality management system certification
- Regarding the implementation of internal audit function: has been implemented according to regulations.

4. Future development plan

Directions, tasks and main planning targets for 2025:

4.1 On business and investment

The general economic situation and import-export activities in 2025 are still in a period of many unpredictable fluctuations and many challenges. The broken global supply chains have not yet returned to normal, the impact of the new US tax decisions has caused many unpredictable fluctuations in trade activities and global supply chains; large domestic manufacturers still do not have many stable orders, import-export activities are greatly affected... Business risks include debt risks, human resource risks, risks in circulation with road transport with high risk of serious impact on operating cash flow, business organization and operation... are factors that need attention in business activities in 2025.

In such a general context, the main business objectives and tasks for 2025 are:

- Take advantage of opportunities in changing market conditions, flexibly adapt to new situations, and focus on implementing all appropriate measures to maintain business; continue to provide appropriate services to customers, strive to stabilize services, focus on building new customer development strategies, increase the proportion of large customers, customers who are foreign investors, factories in industrial parks, closely cooperate with foreign partners to exploit and expand the service network, apply technology to management at each stage of operation to increase value for customers.
- Strive to continue to stabilize all aspects of operations, implement flexible measures to take advantage of and promote good results from services provided to a number of major customers in 2024, consolidate and improve service quality, organize the exploitation of reasonable resources to improve business results, strive to maintain the stability of the main achieved indicators. Focus on handling debts in accordance with the market situation, re-evaluate customer sources based on efficiency and safety criteria. Continue to focus on consolidating, perfecting and changing the organizational structure, unified, focused and effective business management throughout the company.

Main indicators:

- Total Revenue: 1,270 billion VND
- Profit before tax: 65 billion VND
- Dividend: 1,500 VND / share

4.2 Some general measures

- Continue to implement measures to stabilize and improve service efficiency: continue to improve the organizational management structure, management processes and operations; focus on consolidating and rectifying the organizational management apparatus, supplementing management and leadership personnel; resolve outstanding debts; continue to improve and improve the efficiency of business organization management of services in Ho Chi Minh City, expand

Vinalink's services abroad; review the qualifications and productivity of staff; promote service sales activities.

- In terms of business: continue to consolidate and maintain market share of international Sea and Air services; focus on logistics services of large factory projects, domestic transportation and supply services; thoroughly cut administrative management costs, implement salary and bonus payment mechanisms... linked to business results within the entire company with appropriate forms for each position; implement measures to improve service quality along with service promotion forms... to maintain and increase service volume. Continue to strengthen training for managers and employees.
- Focus on investing in developing logistics services for international e-commerce through cooperation with major foreign partners to create an effective logistics solution chain for customers. Improve the quality of the e-commerce logistics service sales team in a professional manner.
- Improve the quality of legal work in international transport and human resource management.
- Continue to strengthen and improve management and business efficiency, supplement and perfect key leadership in the company and branches.
- Exploit and upgrade new business and management software - VMS software to improve management efficiency and service quality; prepare database to build and apply chatbot to enhance the service value of the company to customers.
- Strengthen marketing activities at the company level to create an environment for selling services at the units, with appropriate forms such as advertising, customer relations and partners; continue to strengthen partnerships with agents in the regions and seek new partners.
- Exploiting resources from shareholders in service cooperation, customer development, increasing experienced personnel... creating new sources of service development.
- Invest in purchasing and replacing 3 trucks and 10 trailers to replace the liquidated ones and add additional means of transport, with an estimated investment value of 15 billion VND.
- Proposal: Assign the Board of Directors to decide on divestment from invested companies on the basis of ensuring efficiency in capital use according to the principles of public offering and competition in accordance with capital use needs.
- Close cooperation with partners to strengthen and improve the operational efficiency of joint ventures and associates.

5. Board of Management' explanation of the audit opinion

Do not have.

6. Assessment report related to the company's environmental and social responsibility

6.1 Assessment related to environmental indicators (water consumption, energy, emissions ...)

As a service business , the Company always pays attention to complying with environmental protection laws and following the instructions of local environmental

management agencies. The solutions deployed for all employees help raise awareness of environmental protection for employees, save electricity and water costs, ensure labor safety, create a green, clean, safe working environment, and effectively contribute to general environmental protection activities.

6.2 Assessment related to labor issues

The Company's human resource management has the following characteristics:

- Quality of human resources: In recent years, universities and colleges have invested more in curriculum, linked to reality in the fields of import and export, international business, logistics and multimodal transport, thus meeting the demand for human resources with basic knowledge of the field for businesses. Regarding foreign languages, the young workforce is increasingly proficient in English, able to handle the requirements in transactions with foreign partners.
- Challenges in human resource management:
 - The number of domestic and foreign companies in this field opening in Vietnam is increasing, attracting many qualified and experienced human resources from Vietnamese companies by raising salaries much higher. The staff is mostly quite dynamic, confident, with high and specific expectations about career development such as promotion, salary and benefits, friendly and comfortable working environment. They often look for job opportunities with better income, ready to change jobs when the opportunity arises.
 - To ensure a favorable working environment and enhance employee cohesion, the Board of Directors always monitors the human resources situation, flexible salary and welfare policies for employees, timely rewards, creates opportunities for employees to learn, develop, balance work and family, enhance team spirit and employee cohesion through collective activities, picnics, and participation in cultural and sports exchange activities organized by the Company or the Trade Union of the Central Enterprises in Ho Chi Minh City.

6.3 Assessment related to corporate responsibility towards local communities

Responsibility to the local community and participation in social charity programs have been Vinalink's tradition since its establishment. The Board of Directors, the Company's Trade Union and Vinalink's staff always have a sense of responsibility and actively participate.

With its achievements and efforts for the community, the Trade Union of Vinalink Logistics Joint Stock Company was awarded the Flag by the Ho Chi Minh City Labor Federation with the title "Excellent completion of tasks in 2024".

IV. Board of Directors' assessment of the Company's operations

1. Board of Directors' assessment of the Company's operations

- The Board of Directors has performed well in corporate governance . In 2024, in addition to official meetings, the Board of Directors conducted written consultations to approve many decisions and governance contents. The Board of Directors has implemented assigned tasks and achieved specific results in its operations.

2. Board of Directors' assessment of the Company's Board of Management' performance

- The Board of Directors highly appreciates the efforts of the Company's Board of Directors in operating business activities in 2024 in the context of the domestic and world socio-economic situation with many difficulties, challenges, and complex fluctuations due to the impact of the world economic recession, the Russia-Ukraine war, major markets with reduced purchasing power and geopolitical and economic factors arising in the world, creating many new factors affecting the organization of business implementation and working methods, and business efficiency, but the Company has strived to exceed the business targets assigned by the Annual General Meeting of Shareholders.
- Seriously implement the Resolution of the 2024 Annual General Meeting of Shareholders and the Resolutions and decisions of the Board of Directors .
- Organization and management of daily activities of the Company: The General Director organizes and manages the daily activities of the Company in accordance with the regulations permitted in the Business Registration Certificate, in compliance with the State law and regulations related to joint stock companies, resolutions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors . In the management work, he has demonstrated initiative, determination, flexibility and high efficiency.
- Has performed well in governance and information disclosure according to regulations for listed companies, continuing to be one of the companies with Information Disclosure Standards on the stock market - IR Awards 2024 .

3. Results of implementing the resolution of the 2024 Annual General Meeting of Shareholders

- Regarding business results , in 2024: The targets assigned by the Resolution of the Annual General Meeting of Shareholders have been achieved beyond expectations , in which Revenue reached 158% of the plan , pre-tax profit reached 223.7% of the plan . The reason for the high results, in addition to the general market having positive developments compared to 2023, is the important factor of the proactive, flexible and effective business management of the company's Board of Directors, the serious implementation and responsibility of the affiliated units with many positive changes; the building of a foundation of domestic and foreign partnerships and with major customers has had good results through professional and effective coordination, improving service quality and the company's position in the market .
- Regarding management organization, the Company has completed the organization of human resources, business processes, and business software systems , contributing to promoting good efficiency in management and business organization; achieved ISO/IEC 27001:2002 Information Security Management

System Certification , ISO 9001:2015 Quality Management System Certification, thereby demonstrating the Company 's compliance and meeting international standards on information security , effective management of the Company's information assets, a firm commitment to confidentiality with partners and opening up many global business opportunities in the future; communication work has been promoted, actively supporting the promotion of products and services, brand recognition on many platforms , creating a new position in the market, especially in relations with partners.

- The activities to celebrate the company's 25th anniversary were organized practically and solemnly, highlighting the achievements and successful experiences; connecting the past and present; arousing the pride and sense of responsibility of employees in the company; affirming the company's new position in the market; in relations with partners; colleagues and customers.
- The annual dividend has been paid at 10% of the par value of shares according to the Resolution of the 2024 Annual General Meeting of Shareholders. Based on the good business results of the year, it is recommended that the General Meeting of Shareholders decide on the dividend payment for the whole year 2024 at 15% of the par value of shares (VND 1,500/share).
- Divestment of capital from some affiliated companies to ensure efficiency in capital use has been proposed and implemented but has not been implemented due to unfavorable market conditions.

4. Plans and directions of the Board of Directors

- Business orientation: promote the achieved foundation, continue to exploit well the resources of capital, human resources, agents, focus on investment and improve the quality of basic services. Focus on exploiting business opportunities flexibly and effectively.
- Continue to research and perfect the organizational structure and management and operational processes to ensure the requirements of unity, concentration, safety and efficiency throughout the Company. Supplement and perfect key leadership and management personnel in the Company and branches. Build a team of professional, dynamic and effective staff associated with digital transformation, applying more achievements and new technological trends in organizing, implementing and operating services.
- Review and evaluate the performance of joint ventures and associates, and coordinate with partners . Improve management and investment efficiency, consider divestment or capital increase in specific projects when needed to increase capital efficiency for the Company .
- Suggestion Annual General Meeting of Shareholders Authorization for the Board of Directors to proactively consider decisions in appropriate ways to ensure the best interests of the Company.

V. Corporate governance

1. Board of Directors

1.1 Members and structure of the Board of Directors

Number of Board of Directors members for the 2024 - 2029 term: 5 people.

In there:

- Independent members: 02 people.
- Executive member: 01 person.
- Full-time member: 01 person.

STT	Member Board of Directors	Position	Percentage of shares owned	Board Member of other companies
1	Mr. Nguyen Nam Tien	Chairman of the Board of Directors	1.08%	Vice Chairman of the Board of Members Shipping Agency Services Company Limited (FC Vietnam) . Vice Chairman of the Board of Members of Lien Link Cargo Management Company Limited (LCM). Chairman of the Board of Directors of Kim Thanh Logistics JSC. Chairman of the Board of Directors of Vinalink Transport Joint Stock Company (Vinalink Transport).
2	Mr. Vu The Duc	Board Member	3.43%	Vice Chairman of the Board of Members of RCL Company Limited (Vietnam) .
3.	Mr. Vu Quoc Bao	Board Member - General Director	0.76%	Member of the Board of Members of Shipping Agency Services Company Limited (FC VIETNAM) . Member of the Board of Members of Lien Lien Cargo Management Company Limited (LCM). Member of Board of Directors of Central Transport and Logistics Joint Stock Company (Vinatrans Danang). Member of the Board of Members Konoike Vina Transportation Company Limited.
4	Mr. Nguyen Quoc Huy	Independent Board Member	0.23%	Manager Vinalink Transport Joint Stock Company (Vinalink Transport) .

5	Mr. Do Phu Kim	Independent Board Member	0%	
---	----------------	--------------------------	----	--

1.2 Subcommittees of the Board of Directors

The Board of Directors does not establish specialized subcommittees under the Board of Directors.

1.3 Activities of the Board of Directors

1.3.1 Evaluation of the Board of Directors' performance

- The Board of Directors has performed well in corporate governance . In 2024, in addition to official meetings, the Board of Directors conducted written consultations to approve many decisions and governance contents. The Board of Directors has implemented assigned tasks and achieved specific results in its operations.

1.3.2 Board of Directors meetings in 202 4

STT	Member Board of Directors	Number of Board meetings attended	Proportion attend meeting	Reason for not attending the meeting
1	Mr. Vu The Duc	9	100%	
2	Mr. Nguyen Nam Tien	9	100%	
3	Mr. Vu Quoc Bao	9	100%	
4	Mr. Nguyen Quoc Huy	9	100%	
5	Mr. Do Phu Kim	9	100%	

1.3.3 Resolutions/Decisions of the Board of Directors (2024)

Status	Resolution/Decision Number	Day	Content
1	124/2024/NQ/VNL-HĐQT	February 29, 2024	<ol style="list-style-type: none"> 1) Time to hold the 2024 Annual General Meeting of Shareholders: April 23, 2024. 2) Dividend payment plan for the second period of 2023 (payment rate of 7%, payment date April 16, 2024). 3) Last registration date to close the shareholder list to organize the 2024 General Meeting of Shareholders and pay the 2nd dividend of 2023: March 21, 2024.
2	282/2024/NQ/VNL-HĐQT	April 23, 2024	<ol style="list-style-type: none"> 1) Election of Chairman of the Board of Directors for the 2024 - 2029 term <ol style="list-style-type: none"> 1.1) Chairman of the Board of Directors: Mr. Nguyen Nam Tien 2) Re-appointment of the Company's Board of Directors

			<p>for the 2024-2029 term</p> <p>2.1) General Director: Mr. Vu Quoc Bao 2.2) Chief Financial Officer and Chief Accountant of the Company: Ms. Nguyen Anh Nam</p> <p>2.3) Legal Director: Ms. Nguyen Do Anh Thu</p> <p>3) Appointment of Corporate Governance Officer - Company Secretary - Authorized person to disclose information from May 1, 2024 (Ms. Nguyen Thi Hong Van and Ms. Nguyen Do Anh Thu)</p> <p>4) Appoint capital representatives of Vinalink company at joint venture and associated companies.</p>
3	295/2024/QD/VNL-HĐQT	April 23, 2024	Assign 2024 Business Plan to the Company
4	296/2024/QD/VNL-HĐQT	April 23, 2024	Assign the 2024 Salary Fund Plan to the Company
5	332/2024/NQ/VNL-HĐQT	May 14, 2024	Remuneration from Q2/2024 and Bonus from the remaining 2023 Board of Directors and Supervisory Board Fund. .
6	389/2024/NQ/VNL-HĐQT	June 10, 2024	<p>Select RSM Vietnam Auditing and Consulting Co., Ltd. as the company to audit the company's 2025 financial settlement report.</p> <p>Authorize the General Director to sign the Service Contract and perform related tasks to ensure that the financial statements are prepared in accordance with current regulations.</p>
7	784/2024/NQ/VNL-HĐQT	August 28, 2024	<ul style="list-style-type: none"> - Approval of the Draft Regulations on Salary Payment and Business Incentive Regulations - Change the person in charge of the company's Internal Audit. - Advance payment of the first dividend in 2024 in cash.
8	977/2024/NQ/VNL-HĐQT	11/27/2024	<ul style="list-style-type: none"> - Approval of the 2025 internal audit plan. - Through adjusting the salary scale, updating and supplementing according to the new salary regulations. - Approving the amendment of the beneficiaries in Section 2 of the Reward Regulation No. 2352/2020/QC-VNL-HĐQT dated October 22, 2020. - Approved investment plan in LMS company.

Source: Corporate Governance Report 2024

1.3.4 Activities of independent members of the Board of Directors. Activities of subcommittees in the Board of Directors

- Independent Board Members :
 - Mr. Nguyen Quoc Huy.
 - Mr. Do Phu Kim.
- Members of the Board of Directors attended meetings of the Board of Directors and fully performed their duties, contributing to helping the Board of Directors supervise and direct the Company's operations in accordance with its development orientation. With their knowledge and experience, independent members of the Board of Directors gave authentic, professional opinions and demonstrated independence. In meetings of the Board of Directors, independent members of the Board of Directors commented on proposals for strategic orientation and business plans; monitored the operations of the Board of Directors and the Board of Management in accordance with the Company's Charter.
- The Board of Directors does not establish any specialized subcommittees of the Board of Directors .

1.3.5 List of Board of Directors members with corporate governance training certificates. List of Board of Directors members participating in corporate governance programs during the year.

The members of the Board of Directors have not attended corporate governance training courses as prescribed by the regulations on corporate governance at training institutions recognized by the State Securities Commission. However, the company has created conditions for them to attend short-term training programs/seminars in other related fields.

2. Board of Supervisors

2.1 Members and structure of the Board of Supervisors

Number of members of the Board of Supervisors for the 2024 - 2029 term: 3 people.

STT	Member Board of Supervisors	Position	Ownership ratio share
1	Mrs. Phan Phuong Tuyen	Head of Supervisory Board	0.05%
2	Ms. Le Thi Ngoc Anh	Board of Supervisors	0.02%
3	Mr. Duong Tran An	Board of Supervisors	0.14%

2.2 Activities of the Board of Supervisors

- During the year, the Board of Supervisors held 03 regular meetings and the Head of the Board of Supervisors fully attended the meetings of the Company's Board of Directors.

- Check and monitor compliance with regulations according to the Company Charter.
- Check the implementation of the Resolution of the General Meeting of Shareholders and the regulations issued by the Company in the management and operation of business activities of the Board of Directors and the Executive Board.
- Check financial and accounting work and compliance with relevant legal regulations.
- Review and appraise the audited 6-month financial statements and 2024 financial statements.

2.3 Report of the Board of Supervisors on the results of monitoring the Company's business and financial performance

2.3.1 About business results

In 2024, the Company successfully exceeded the assigned plan in terms of both revenue and profit expenditure.

Specifically:

INDICATORS	IMPLEMENTATION 2023 (VND)	PLAN 2024 (VND)	IMPLEMENTATION 2024 (VND)	+/- (VND)	Percentage
REVENUE	729.154.403.208	900,000,000,000	1,152,738,721,057	252,738,721,057	128%
PROFIT BEFORE TAX	43,721,288,386	26,500,000,000	59,324,067,723	32,824,067,723	224%
In which: from long-term investment	21,402,549,521	2,500,000,000	4,244,758,889	1,744,758,889	170%

This is thanks to the skillful and appropriate leadership of the Company's Board of Directors. The Board of Directors has submitted to the Board of Directors for review and approval of changes in the organization and management apparatus and has had flexible and timely business plans, adapting to market developments.

2.3.2 In terms of management and operations in finance and business

The company has adjusted its organizational structure, reorganized the business operations of its branches, and complied with the company's internal management regulations.

During the year, the Board of Directors submitted to the Board of Directors for approval to issue and supplement the Salary Regulations and Business Incentive Regulations for each subject and group to encourage employees to work more effectively, linking company profits with employee benefits.

The regulation is built on the principle that salaries and bonuses paid to collectives or employees will be based on productivity, quality, efficiency and the level of contribution

of individual employees, ensuring fairness and transparency between collectives and individuals.

The implementation of this Regulation has created an enthusiastic working atmosphere throughout the Company, contributing to achieving good results in 2024.

2.3.3 Regarding the implementation of the Resolution of the General Meeting of Shareholders:

- The Company has complied with and fully performed the tasks set forth in the Resolution : Disbursed 10% cash dividend in accordance with the Resolution.
- Activities of the Internal Control Board: During the year, the Internal Control Board has implemented 1 of 2 topics according to the assigned plan, which is "Improving the efficiency of freight forwarding and transportation activities at the Transportation and Warehousing Department".

The results have helped the Transportation and Warehousing Department review and change the processes to control and minimize possible risks.

2.3.4 On compliance with legal regulations

- The Company has been operating in accordance with the contents of the Business Registration Certificate. Fully complying with the regulations on reporting, accounting, finance, the contents and requirements of information disclosure according to current laws for joint stock companies.

2.3.5 Audited Financial Statements for 2024

- The financial statements are prepared in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Enterprise Accounting System and relevant legal regulations. The financial statements have been audited by RSM Vietnam Auditing and Consulting Co., Ltd.

2.3.6 Report on the results of monitoring the activities of the Board of Directors and Chief Executive Officer

- The Board of Directors and the Board of Management have properly implemented the activities in accordance with the spirit of the Resolution of the 2024 Shareholders' Meeting.
- In the Board of Directors meetings, the members and the Board of Directors analyzed and evaluated the business situation and gave close and timely instructions in accordance with the business situation arising during the year.

2.3.7 Report on the results of the assessment of the coordination of activities between the Board of Supervisors, the Board of Directors and the Board of Management

- The Board of Directors and the Board of Management of the Company have supported the Board of Supervisors to fully perform their tasks according to the functions and duties of the Board of Supervisors. The departments have provided complete data, documents and information related to the Company's operations.
- The Head of the Supervisory Board attends all meetings of the Board of Directors. Meeting documents are provided to the Supervisory Board at the same time as the Board of Directors. This helps the Supervisory Board to monitor the Company's activities well and give timely opinions on the Company's management and operation.

3. Transactions, remuneration and benefits of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors

3.1 Salary, bonus, remuneration, benefits

3.1.1 Remuneration of the Board of Directors and the Board of Supervisors

The remuneration and fund for the Board of Directors and the Board of Supervisors in 2024 is 3 % of profit after tax. In which the specific remuneration is as follows:

- Board member: 5 million VND/month
- Head of Control Board: 5 million VND / month
- Board of Supervisors member: 3 million VND/month

If the full-time employee receives a company salary, he/she will only receive remuneration for the concurrent position at joint venture companies.

3.1.2 Remuneration and income of the Board of Directors and the Board of Management of the Company

- Remuneration of members of the Board of Directors and the Board of Supervisors is within the limit approved by the 2024 General Meeting of Shareholders .
- The remuneration of the Board of Directors and the Board of Supervisors received in 2024 is as follows:

Board of Directors' remuneration :

Unit: VND		
Name	Position	Salary (before tax)
Mr. Nguyen Nam Tien	Chairman of the Board	95,000,000
Mr. Vu Quoc Bao	Board Member	139,000,000
Mr. Vu The Duc	Board Member	157,000,000
Mr. Nguyen Quoc Huy	Board Member	115,000,000
Mr. Do Phu Kim	Board Member	100.0000000
Total:		6 06,000,000

Board of Supervisors' remuneration:

Unit: VND		
Name	Position	Salary (before tax)
Mrs. Phan Phuong Tuyen	Head of Supervisory Board	115,000,000
Ms. Le Thi Ngoc Anh	Board of Supervisors	50,000,000
Mr. Duong Tran An	Board of Supervisors	24,000,000
Ms. Trang Anh Xuan	Board of Supervisors	3,000,000
Total:		192,000,000

- Details of other income according to the 2024 Audited Financial Statements.

3.2 Insider stock transactions

Transactions of insiders and related persons on Company shares:

Status	The person who makes the transaction	Insider Relations	Number of shares owned at the beginning of the period		Number of shares owned at the end of the period		Reason for increase, decrease (buy, sell, convert, reward...)
			Number of shares	Proportion	Number of shares	Proportion %	
1	<i>Nguyen Nam Tien</i>	Chairman of the Board	152,340	1.08%	114,140	0.81%	Sell
2	<i>Nguyen Anh Nam</i>	Chief Financial Officer	21,000	0.15%	25,000	0.18%	Buy

Source: Corporate Governance Report 2023

3.3 Contracts or transactions with insiders

In year 2024, Labour t y Satisfied have evil deliver Transactions between the company and related persons of the company; or between the company and major shareholders, insiders, and related persons of insiders as follows:

STT	Name of organization /individual	Relationship with the company	NSH Certificate Number*, date of issue, place of issue	Head office address/ Contact address	Time of transaction with the company	Resolution/D ecision No. approved by the General Meeting of Shareholders /Board of Directors... (if any, specify the date of issue)	Content, quantity, total transaction value/	Not e
1	RCL Vietnam Co., Ltd.	Joint venture company	782/GP-HCM January 14, 2005 HCMC People's Committee	436-438 Nguyen Thi Minh Khai, Ward 6, District 3, HCMC	2024	66/2021/NQ/VNL-HĐQT 12/01/2021	Service usage: 2,486,779,194	

2	Shipping Agency Service Co., Ltd. (FC Vietnam)	Joint venture company	550/ GP-HCM October 15, 2003 HCMC People's Committee	46-48 Hau Giang, Ward 4, Tan Binh District, HCMC	2024	66/2021/NQ/VNL-HĐQT 12/01/2021	Service provided: 82,860,900 Service usage: 220,452,495
3	Konoike Vina Transportation Company Limited	Joint venture company	411022000305 August 18, 2008 HCMC People's Committee	18A Luu Trong Lu, Tan Thuan Dong Ward, District 7, HCMC	2024	66/2021/NQ/VNL-HĐQT 12/01/2021	Service provided: 1,867,723,683 Service usage: 656,729,500
4	Vinalink Transport Joint Stock Company (Vinalink Transport)	Affiliated company	0313412467 April 17, 2020 Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City	3rd Floor, Indochina Park Tower, 4 Nguyen Dinh Chieu, Ward Da Kao, District 1, HCMC	2024	66/2021/NQ/VNL-HĐQT 12/01/2021	Service Provider: 414,780,976 Service usage: 201,331,560
5	VINAFREIGHT Joint Stock Company	Insider related (No longer a company related to insiders from April 2024)	0302511219 January 14, 2002 Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City	Block C, 1st floor, Waseco building, 10 Pho Quang, Ward 2, District Tan Binh, HCMC	2024	66/2021/NQ/VNL-HĐQT 12/01/2021	Service provided: 24,683,371 Use of service: 392,042,278
6	TRANSIMEX JSC	Insider related (No longer an insider related company from 4/2024)	0301874259 December 3, 1999 HCMC DEPARTMENT OF PLANNING AND INVESTMENT	9th-10th Floor, 172 Hai Ba Trung, Dakao Ward, District 1, HCMC	2024	66/2021/NQ/VNL-HĐQT 12/01/2021	Service usage: 187.516.960
7	VNT Logistics Joint Stock Company	Major shareholder	0103002086 April 7, 2003 Hanoi Department of Planning and Investment	2 Bich Cau, Dong Da, Hanoi	2024	66/2021/NQ/VNL-HĐQT 12/01/2021	Service Provider: 184.768.517 Use of service: 686,775,502

Source: Audited financial statements 2024, Corporate governance report 2024

3.4 Assessment of implementation of corporate governance regulations

The company fully complies with the provisions of law on corporate governance.

VI. Financial reports

Independent auditor: RSM Vietnam Auditing and Consulting Co., Ltd.

1. Audit opinion

In our opinion, the accompanying financial statements give a true and fair view, in all material respects, of the financial position of Vinalink Logistics Joint Stock Company as at December 31, 2024, and of its financial performance and its cash flows for the year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards and the Vietnamese Enterprise Accounting System. issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated December 22, 2014 and Circular No. 53/2016/TT-BTC dated March 21, 2016 of the Ministry of Finance and legal regulations related to the preparation and presentation of financial statements.

2. Audited financial statements

The audited financial statements for 2024, prepared on March 21, 2025, include: Balance sheet as of December 31, 2024, Income statement, Cash flow statement for the fiscal year ended on the same date and Notes to the financial statements.

CONFIRMATION OF THE
COMPANY'S LEGAL
REPRESENTATIVE
CEO

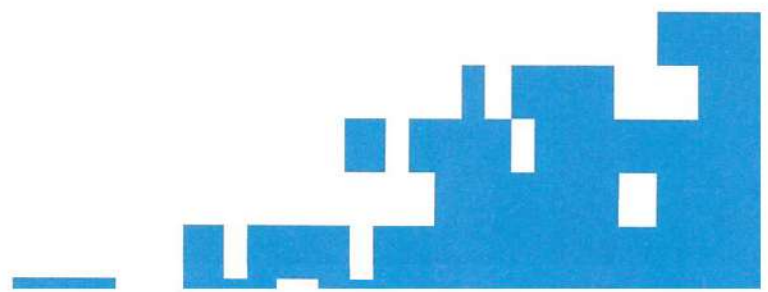


Vu Quoc Bao



**VINALINK LOGISTICS
JOINT STOCK COMPANY**

AUDITED FINANCIAL STATEMENTS
For the financial year ended 31 December 2024



VINALINK LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 226/2 Le Van Sy Street, Ward 1, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam

CONTENTS

	Pages
THE GENERAL DIRECTOR'S REPORT	1 – 2
INDEPENDENT AUDITORS' REPORT	3 – 4
AUDITED FINANCIAL STATEMENTS	
Statement of financial position	5 – 6
Income statement	7
Cash flow statement	8 – 9
Notes to the financial statements	10 – 39



VINALINK LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 226/2 Le Van Sy Street, Ward 1, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam

THE GENERAL DIRECTOR'S REPORT

The General Director of Vinalink Logistics Joint Stock Company (hereinafter referred to as "the Company") hereby presents its report and the audited financial statements of the Company for the financial year ended 31 December 2024.

MEMBERS OF THE BOARD OF DIRECTORS, THE SUPERVISORY COMMITTEE AND THE GENERAL DIRECTOR

Members of the Board of Directors during the year and on the date of this report include:

<u>Full name</u>	<u>Position</u>
Mr Nguyen Nam Tien	Chairperson
Mr Vu Quoc Bao	Member
Mr Vu The Duc	Member
Mr Nguyen Quoc Huy	Member
Mr Do Phu Kim	Member

Members of the Supervisory Committee during the year and on the date of this report include:

<u>Full name</u>	<u>Position</u>
Ms Phan Phuong Tuyen	Head
Ms Le Thi Ngoc Anh	Member
Ms Trang Anh Xuan	Member (Resigned wef 23 Apr. 2024)
Mr Duong Tran An	Member (Appointed on 23 Apr. 2024)

Mr Vu Quoc Bao is the General Director during the year and on the date of this report include.

AUDITOR

The accompanying financial statements of the Company for the financial year ended 31 December 2024 were audited by RSM Vietnam Auditing & Consulting Company Limited, a member firm of RSM International.

RESPONSIBILITY OF THE GENERAL DIRECTOR

The Company's General Director is responsible for preparing the financial statements of each period which give a true and fair view of the financial position of the Company and the results of its operations and its cash flows. In preparing these financial statements, the General Director is required to:

- Select suitable accounting policies and then apply them consistently;
- Make judgments and estimates that are reasonable and prudent;
- State whether applicable accounting principles have been followed, subject to any departures that need to be disclosed and explained in the financial statements;
- Prepare the financial statements on the going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Company will continue in business; and
- Design and implement the internal control system effectively for a fair preparation and presentation of the financial statements so as to mitigate error or fraud.

VINALINK LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 226/2 Le Van Sy Street, Ward 1, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam

THE GENERAL DIRECTOR'S REPORT (CONTINUED)

The General Director is responsible for ensuring that proper accounting records are kept, which disclose, with reasonable accuracy at any time, the financial position of the Company and ensure that the financial statements comply with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Corporate Accounting System and prevailing accounting regulations in Vietnam. The General Director is also responsible for safeguarding the assets of the Company and hence for taking reasonable steps for the prevention and detection of fraud and other irregularities.

The General Director confirms that the Company has complied with the above requirements in preparing these financial statements.

STATEMENT BY THE GENERAL DIRECTOR

In the General Director's opinion, the accompanying financial statements give a true and fair view of the financial position of the Company as at 31 December 2024 and the results of its operations and its cash flows for the financial year then ended in accordance with the Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Corporate Accounting System and prevailing accounting regulations in Vietnam.



Vu Quốc Bảo
General Director

Ho Chi Minh City, 21 March 2025

RSM Vietnam

3A Floor, L'Mak The Signature Building
147-147Bis Hai Ba Trung Street
Vo Thi Sau Ward, District 3
Ho Chi Minh City, Vietnam
T +8428 3827 5026
contact_hcm@rsm.com.vn
www.rsm.global/vietnam

No.: 208/2025/KT-RSMHCM

INDEPENDENT AUDITORS' REPORT

To: **Shareholders**
Members of the Board of Directors
The General Director
VINALINK LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY

Report on the financial statements

We have audited the accompanying financial statements of Vinalink Logistics Joint Stock Company (hereinafter referred to as "the Company") prepared on 21 March 2025 as set out from page 05 to page 39, which comprise the statement of financial position as at 31 December 2024, and the income statement, cash-flow statement for the financial year then ended, and the notes to the financial statements.

The General Director's Responsibility

The General Director is responsible for the preparation and fair presentation of these financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards and Vietnamese Corporate Accounting System and relevant legislation as to the preparation and presentation of financial statements and for such internal control as the General Director determines is necessary to enable the preparation and presentation of the financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

Auditors' Responsibility

Our responsibility is to express an opinion on these financial statements based on our audit. We conducted our audit in accordance with Vietnamese Standards on Auditing. Those standards require that we comply with ethical requirements and plan and perform the audit to obtain reasonable assurance about whether the financial statements are free from material misstatement.

An audit involves performing procedures to obtain audit evidence about the amounts and disclosures in the financial statements. The procedures selected depend on the auditor's judgment, including the assessment of the risks of material misstatement of the financial statements, whether due to fraud or error. In making those risk assessments, the auditor considers internal control relevant to the entity's preparation and fair presentation of the financial statements in order to design audit procedures that are appropriate in the circumstances, but not for the purpose of expressing an opinion on the effectiveness of the entity's internal control. An audit also includes evaluating the appropriateness of accounting policies used and the reasonableness of accounting estimates made by the General Director, as well as evaluating the overall presentation of the financial statements.

We believe that the audit evidence we have obtained is sufficient and appropriate to provide a basis for our audit opinion.

THE POWER OF BEING UNDERSTOOD
ASSURANCE | TAX | CONSULTING

INDEPENDENT AUDITORS' REPORT (CONTINUED)

Opinion

In our opinion, the accompanying financial statements give a true and fair view of the financial position of Vinalink Logistics Joint Stock Company as at 31 December 2024, and of the results of its financial performance and its cash flows for the financial year then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards and Vietnamese Corporate Accounting System issued under Circular 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 and Circular 53/2016/TT-BTC dated 21 March 2016 by Ministry of Finance and relevant legislation as to the preparation and presentation of financial statements.

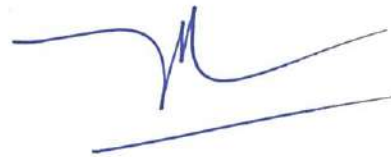
pp GENERAL DIRECTOR



Luc Thi Van

Vice General Director

Audit Practice Registration Certificate:
0172-2023-026-1



Ly Trung Thanh
Auditor

Audit Practice Registration Certificate:
2822-2025-026-1

RSM Vietnam Auditing & Consulting Company Limited

Ho Chi Minh City, 21 March 2025

As disclosed in Note 2.1 to the financial statements, the accompanying financial statements are not intended to present the financial position, financial performance and cash flows in accordance with accounting principles and practices generally accepted in countries and jurisdictions other than Vietnam.

STATEMENT OF FINANCIAL POSITION

As at 31 December 2024

Expressed in VND

ASSETS	Code	Notes	As at 31 Dec. 2024	As at 01 Jan. 2024
A. CURRENT ASSETS	100		359,500,564,189	294,763,771,975
I. Cash and cash equivalents	110	4.1	85,191,102,924	67,187,750,644
1. Cash	111		55,191,102,924	33,187,750,644
2. Cash equivalents	112		30,000,000,000	34,000,000,000
II. Current financial investments	120	4.6	10,000,000,000	30,000,000,000
1. Held to maturity investments	123		10,000,000,000	30,000,000,000
III. Current account receivables	130		259,548,764,000	195,721,027,210
1. Trade receivables	131	4.2	267,566,341,972	202,894,366,629
2. Advances to suppliers	132		853,273,822	1,720,994,560
3. Other current receivables	136		2,238,916,006	1,909,223,185
4. Provision for doubtful debts	137	4.3	(11,109,767,800)	(10,803,557,164)
IV. Other current assets	150		4,760,697,265	1,854,994,121
1. Current prepayments	151		522,250,000	359,487,400
2. Value added tax deductible	152		3,714,215,073	971,274,529
3. Tax and other receivables from the state budget	153	4.8	524,232,192	524,232,192
B. NON-CURRENT ASSETS	200		96,873,845,402	95,735,912,848
I. Non-current account receivables	210		2,428,740,880	2,110,230,880
1. Other non-current receivables	216		2,428,740,880	2,110,230,880
II. Fixed assets	220		43,593,419,022	42,988,172,115
1. Tangible fixed assets	221	4.4	17,207,169,022	16,648,172,115
Cost	222		51,916,314,584	50,839,682,250
Accumulated depreciation	223		(34,709,145,562)	(34,191,510,135)
2. Intangible fixed assets	227	4.5	26,386,250,000	26,340,000,000
Cost	228		26,670,000,000	26,520,000,000
Accumulated amortisation	229		(283,750,000)	(180,000,000)
III. Non-current financial investments	250	4.6	50,020,971,705	49,030,594,213
1. Investments in associates, joint-ventures	252		50,686,493,302	50,686,493,302
2. Investment in other entities	253		726,150,000	726,150,000
3. Provision for non-current investments	254		(1,391,671,597)	(2,382,049,089)
IV. Other non-current assets	260		830,713,795	1,606,915,640
1. Non-current prepayments	261		830,713,795	1,606,915,640
TOTAL ASSETS (270 = 100 + 200)	270		456,374,409,591	390,499,684,823

(See the next page)

VINALINK LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 226/2 Le Van Sy Street, Ward 1, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam

Form B 01 - DN

STATEMENT OF FINANCIAL POSITION (CONTINUED)

As at 31 December 2024

Expressed in VND

RESOURCES	Code	Notes	As at 31 Dec. 2024	As at 01 Jan. 2024
C. LIABILITIES	300		158,961,601,435	120,806,155,870
I. Current liabilities	310		117,509,202,975	78,445,105,870
1. Trade payables	311	4.7	68,777,793,699	45,630,320,679
2. Advances from customers	312		518,973,987	352,817,575
3. Taxes and amounts payable to the state budget	313	4.8	7,385,669,130	3,406,256,095
4. Payables to employees	314	4.9	24,639,675,438	17,456,522,500
5. Accrued expenses	315		9,843,483,861	5,171,485,408
6. Other current payables	319	4.10	5,546,589,441	5,110,241,750
7. Bonus and welfare fund	322		797,017,419	1,317,461,863
II. Non-current liabilities	330		41,452,398,460	42,361,050,000
1. Non-current unearned revenue	336	4.11	9,500,000,000	9,500,000,000
2. Other non-current payables	337	4.10	31,952,398,460	32,861,050,000
D. OWNER'S EQUITY	400		297,412,808,156	269,693,528,953
I. Equity	410	4.12.1	297,412,808,156	269,693,528,953
1. Owner's contributed capital	411	4.12.2	141,404,870,000	141,404,870,000
Ordinary shares carrying voting rights	411a		141,404,870,000	141,404,870,000
2. Share premiums	412		4,950,000,000	4,950,000,000
3. Other contributed capital	414		10,000,000,000	10,000,000,000
4. Retained earnings	421		141,057,938,156	113,338,658,953
Beginning accumulated retained earnings	421a		102,694,318,053	83,095,227,400
Ending accumulated retained earnings	421b		38,363,620,103	30,243,431,553
TOTAL RESOURCES (440 = 300 + 400)	440		456,374,409,591	390,499,684,823



Vu Quoc Bao
General Director

Nguyen Anh Nam
Chief Accountant

Le Thi Thanh Thanh
Preparer

Ho Chi Minh City, 21 March 2025

VINALINK LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 226/2 Le Van Sy Street, Ward 1, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam

Form B 02 - DN

INCOME STATEMENT

For the financial year ended 31 December 2024

Expressed in VND

ITEMS	Code	Notes	Year 2024	Year 2023
1. Revenue	01		1,152,738,721,057	729,154,403,208
2. Net revenue	10	5.1	1,152,738,721,057	729,154,403,208
3. Cost of sales	11	5.2	1,072,332,608,532	687,373,125,063
4. Gross profit	20		80,406,112,525	41,781,278,145
5. Financial income	21	5.3	15,242,999,635	32,049,154,287
6. Financial expense	22		5,587,169,444	4,959,479,288
7. General and administration expense	26	5.4	30,834,449,068	25,054,178,037
8. Operating profit/(loss)	30		59,227,493,648	43,816,775,107
9. Other income	31		226,574,075	64,636,364
10. Other expense	32		130,000,000	160,123,085
11. Net other income/(loss)	40		96,574,075	(95,486,721)
12. Accounting profit/(loss) before tax	50		59,324,067,723	43,721,288,386
13. Current corporate income tax expense	51	5.6	13,890,204,120	6,407,613,333
14. Net profit/(loss) after tax	60		45,433,863,603	37,313,675,053
15. Basic earnings per share	70	4.12.3	3,149	2,586
16. Diluted earnings per share	71	4.12.3	3,149	2,586



Vu Quoc Bao
General Director

Nguyen Anh Nam
Chief Accountant

Le Thi Thanh Thanh
Preparer

Ho Chi Minh City, 21 March 2025

CASH FLOW STATEMENT
(Indirect method)

For the financial year ended 31 December 2024

Expressed in VND

ITEMS	Code	Notes	Year 2024	Year 2023
I. CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES				
1. Net profit /(loss) before taxes	01		59,324,067,723	43,721,288,386
2. Adjustment for:				
Depreciation and amortisation	02	5.5	2,326,884,093	2,138,267,273
Provisions	03		(684,166,856)	563,873,241
Foreign exchange gains/losses from revaluation of foreign currency monetary items	04		588,024,584	351,346,546
Gains/losses from investment	05		(5,886,404,420)	(24,898,123,219)
3. Operating profit /(loss) before adjustments to working capital	08		55,668,405,124	21,876,652,227
Increase or decrease in accounts receivable	09		(66,970,223,363)	(25,560,804,031)
Increase or decrease in accounts payable (excluding interest expense and CIT payable)	11		34,881,073,492	8,288,565,842
Increase or decrease prepaid expenses	12		613,439,245	(435,955,132)
Corporate income tax paid	15	4.8	(10,831,684,631)	(7,269,827,151)
Other cash outflows from operating activities	17		(1,354,500,000)	(852,444,444)
Net cash from operating activities	20		12,006,509,867	(3,953,812,689)
II. CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES				
1. Acquisition and construction of fixed assets and other long-term assets	21		(2,932,131,000)	(405,360,000)
2. Proceeds from disposals of fixed assets and other long-term assets	22		226,574,075	63,636,364
3. Loans to other entities and payments for purchase of debt instruments of other entities	23		-	(25,000,000,000)
4. Repayments from borrowers and proceeds from sales of debts instruments of other entities	24		20,000,000,000	10,000,000,000
5. Investments in other entities	25		-	(2,000,000,000)
6. Interest and dividends received	27		5,556,444,045	17,109,933,431
Net cash from investing activities	30		22,850,887,120	(231,790,205)

(See the next page)

VINALINK LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 226/2 Le Van Sy Street, Ward 1, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam

Form B 03 - DN

CASH FLOW STATEMENT
(Indirect method)

For the financial year ended 31 December 2024

Expressed in VND

ITEMS	Code	Notes	Year 2024	Year 2023
III. CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES				
1. Dividends paid	36	4.12.4	(16,968,584,400)	(14,611,843,500)
Net cash from financing activities	40		(16,968,584,400)	(14,611,843,500)
NET INCREASE/(DECREASE) IN CASH (50 = 20 + 30 + 40)	50		17,888,812,587	(18,797,446,394)
Cash and cash equivalents at beginning of year	60		67,187,750,644	85,975,264,733
Impact of exchange rate fluctuation	61		114,539,693	9,932,305
CASH AND CASH EQUIVALENTS AT END OF YEAR (70 = 50 + 60 + 61)	70	4.1	85,191,102,924	67,187,750,644



[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

Vu Quoc Bao
General Director

Nguyen Anh Nam
Chief Accountant

Le Thi Thanh Thanh
Preparer

Ho Chi Minh City, 21 March 2025

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS

1. CORPORATE INFORMATION

1.1. Structure of ownership

Vinalink Logistics Joint Stock Company formerly known as Transport and Storing Agent Enterprise has been incorporated in accordance with:

- Decision No. 0776/1999/QD/BTM dated 24 June 1999 granted by Minister of Trade regarding transformation from Transport and Storing Agent Enterprise into Vinalink - Freight Forwarding and Trading Joint Stock Company and the first Business Registration Certificate No. 064162 dated 31 July 1999 granted by Ho Chi Minh City's Department of Planning and Investment.
- On 22 May 2014, Vinalink - Freight Forwarding and Trading Joint Stock Company has transformed into Vinalink Logistics Joint Stock Company in accordance with the Business Registration Certificate No. 0301776205 granted by Ho Chi Minh City's Department of Planning and Investment and other amended certificates thereafter with the latest one dated 05 June 2024 to to update the Company's name in a foreign language and the Company's abbreviated name.

The Company was listed on the Ho Chi Minh City Securities Trading Center under Decision No. 90/QD-SGDHCM dated 10 August 2009 granted by Ho Chi Minh City Stock Exchange.

The Company's registered head office is at No. 226/2 Le Van Sy Street, Ward 1, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

The charter capital as stipulated in the Business Registration Certificate is VND 141,404,870,000.

The number of employees as at 31 December 2024 was 339 (31 December 2023: 310).

1.2. Business field

Transportation services.

1.3. Operating industry and principal activities

The Company is principally engaged in:

- Logistics activities;
- Freight transport by road: Inland and transit transportation business (except liquefied petroleum gas for transportation);
- Courier activities;
- Cargo handling (except air cargo handling);
- Services on transportation of import and export goods. Shipping agent, freight agent, management agent containers for shipping lines; ship supply. Forwarding agent for freight forwarders foreign. Public transport business. Direct import and export business and import and export entrustment. Customs clearance services and services related to forwarding transportation of import and export goods: recycling, packaging, insurance, inspection. Shipping business multi-form transportation;
- Trading in import and export retail warehouse services (CFS). Warehouse business import and export goods. Warehousing business in accordance with the law.

1.4. Normal operating cycle

The Company's normal operating cycle is carried out for a period of 12 months.

1.5. Important events in the financial year impacting the financial statements

In current year, due to a significant recovery and increase in the import-export market, demand for logistics services is also increasing accordingly. Therefore, the Company's revenue and cost of sales this year increased significantly compared to previous year.

VINALINK LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 226/2 Le Van Sy Street, Ward 1, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)**1.6. The Company's structure**

As at 31 December 2024, the Company's subsidiaries, joint ventures, associates, and dependent units were as follows:

<u>Name</u>	<u>Operating industry</u>	<u>Address</u>	<u>Voting rights</u>	<u>Per cent capital</u>	<u>Per cent interest</u>
Joint ventures, associates:					
Vinatrans Da Nang	Providing import and export freight transportation services; forwarding agent for foreign freight forwarding companies; customs procedures services and services related to forwarding and transporting import and export goods; warehouse business to preserve import and export goods; warehousing business according to the provisions of law	No. 184 Tran Phu Street, Phuoc Ninh Ward, Hai Chau District, Da Nang City	27.89%	27.89%	27.89%
Kim Thanh Logistics Joint Stock Company	Warehousing and storage of goods	Lot KB13, the Trade - Industry Kim Thanh, Street T5, Duyen Hai Ward, Lao Cai City, Lao Cai Province	30.00%	56.52%	56.52%
Link Cargo Management Company Limited	Providing international shipping agent services	30 Phan Thuc Duyen Street, Ward 4, Tan Binh District, Ho Chi Minh City	30.00%	30.00%	30.00%
Vinalink Transport Joint Stock Company	Shipping agency services; Agency services for sea transport; Shipping; freight forwarding; activities of customs clearance agents	No. 4 Nguyen Dinh Chieu, Da Kao Ward, District 1, Ho Chi Minh City	40.00%	40.00%	40.00%
Konoike Vinatrans Logistics Co., Ltd	Providing transportation and delivery services for frozen goods, import and export goods; construction and warehouse rental services; Construction and installation services of machinery, equipment, and factories	18A Luu Trong Lu, Tan Thuan Dong Ward, District 7, Ho Chi Minh City	25.00%	9.15%	9.15%
Freight Consolidators (Vietnam) Pte Ltd	Providing international shipping agent services	46-48 Hau Giang Street, Ward 4, Tan Binh District, Ho Chi Minh City	50.00%	30.00%	30.00%
RCL (Vietnam) Co., Ltd	Providing shipping agency services, acting as a container agent, and performing other operations as authorized	436 - 438 Nguyen Thi Minh Khai Street, Ward 5, District 3, Ho Chi Minh City	33.33%	20.00%	20.00%

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)

1.6. The Company's structure (continued)

The Company's dependent units as at 31 December 2024 were as follows:

- Ha Noi Branch was established according to Branch Operation Certificate No. 0113000049 dated 29 December 2000 and other amended certificates thereafter with the latest one No. 0301776205-001 dated 29 July 2021 granted by Ha Noi City's Department of Planning and Investment. The branch's operating industry is transporting goods by road and other support service activities related to transport;
- Hai Phong Branch was established according to Branch Operation Certificate No. 0213005696 dated 22 September 2009 and other amended certificates thereafter with the latest one No. 0301776205-002 dated 04 September 2024 granted by Hai Phong City's Department of Planning and Investment. The branch's operating industry is transporting goods by road and other support service activities related to transport;
- Da Nang Branch was established according to Branch Operation Certificate No. 0301776205-003 dated 17 May 2018 and other amended certificates thereafter with the latest one dated 09 November 2021 granted by Da Nang City's Department of Planning and Investment. The branch's operating industry is transporting goods by road and other support service activities related to transport.

All dependent units have the same operating industry as the head office.

2. BASIS OF PREPARATION

2.1. Accounting standards, accounting system

The accompanying financial statements, expressed in Vietnamese Dong ("VND"), are prepared under the historical cost convention, and in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Corporate Accounting System, and prevailing accounting regulations in Vietnam.

The accompanying financial statements are not intended to present the financial position, results of operations and cash flows in accordance with accounting principles and practices generally accepted in countries and jurisdictions other than Vietnam.

2.2. Forms of accounting records

The form of accounting records applied in the Company is the General Journal.

2.3. Financial year

The Company's financial year is from 01 January to 31 December.

2.4. Reporting and functional currency

The Company maintains its accounting records in VND.

(See the next page)

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)

3. SIGNIFICANT ACCOUNTING POLICIES

3.1. Foreign currencies

- The exchange rates announced by Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam (Vietcombank) are applied in accounting;
- The exchange rate applicable to asset and liability recognition are accounting rate from 24,000 VND/USD to 25,000 VND/USD;
- The exchange rate applicable to asset re-evaluation is the foreign currency-buying rate;
- The exchange rate applicable to liability re-evaluation is the foreign currency-selling rate;
- Exchange rates applicable to the other transactions are accounting rate from 24,000 VND/USD to 25,000 VND/USD.

Transactions in foreign currencies are recorded, on initial recognition, in the reporting currency, by applying to the foreign currency amount the spot exchange rate between the reporting currency and the foreign currency at the date of the transaction. The exchange differences arising on the settlement of monetary items are recognised in profit or loss in the year in which they arise. At the end of the reporting year, monetary items excluding advances to suppliers, prepaid expenses, and unearned revenues, which are denominated in foreign currency, are reported using the closing rate and resultant exchange differences resulting from the reporting after offset are recognised in profit or loss in the year in which they arise.

3.2. Use of estimates

The preparation of the financial statements requires the General Director to make estimates and assumptions that impact the carrying value of certain assets and liabilities, contingent assets as at 31 December 2024 and liabilities reported in the notes as well as revenues and expenses for the financial year ended 31 December 2024. Although these estimates are based on the General Director's best knowledge of all relevant information available at the date when the financial statements are prepared, this does not prevent actual figures differing from estimates.

3.3. Cash and cash equivalents

Cash and cash equivalents comprise cash in hand, cash at bank, and current investments for a period not exceeding 3 months or highly liquid investments which are readily convertible to known amounts of cash and which are subject to an insignificant risk of changes in value.

Cash equivalents are defined the same as those under Accounting Standard "Statement of cash flows".

3.4. Financial investments

Held to maturity investments

Held to maturity investments comprise term deposits to earn periodical profits.

If there is any certain evidence that part or all the investments are irrecoverable, impairment losses are recognised as a finance expense in the current year.

Equity investments in other entities

Investments in associates

Investments are classified as investments in associates when the Company directly or indirectly holds from 20% to under 50% of the voting shares of the investee without any other agreement.

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)

3.4. **Financial investments (continued)**

Investments in associates are accounted for under the equity method. Under the equity method, on initial recognition the investment in an associate is recognised at cost. In case of investments of non-monetary assets, the cost of investments is recognised at the fair values of the assets as incurred.

Dividends for the period after the acquisition date are recognised as finance income when the shareholder's right to receive payment is established.

Investments in joint ventures

Investments are classified as investments in joint ventures when the Company has joint control over the financial and operating policies of the investee.

Investments in joint ventures are accounted for under the equity method. Under the equity method, on initial recognition the investment in a joint venture is recognised at cost. In case of investments of non-monetary assets, the cost of investments is recognised at the fair values of the assets as incurred.

Dividends for the period after the acquisition date are recognised as finance income when the shareholder's right to receive payment is established.

Other investments

Investments classified as other investments are investments other than investments in subsidiaries, investments in associates or investments on joint ventures.

Other investments are accounted for under the cost method which comprise purchase prices plus (+) acquisition related costs (if any). In case of investments of non-monetary assets, the cost of investments is recognised at the fair values of the assets as incurred.

Recognition principles of provision for financial investment impairment loss

For equity investments in associates, joint ventures, and other entities

As of the date of the financial statements, provisions for impairment losses on equity investments are recognised if an indication of impairment exists.

Provisions for impairment losses on equity investments in [subsidiaries, associates, joint ventures] are determined on the basis of the investee's loss.

Provisions for impairment losses on equity investments in other entities are determined using fair values if the fair values can measure reliably. If the fair values cannot be measure reliably at the reporting date, provisions are measured on the basis of the investee's losses.

3.5. **Account receivables**

Recognition method

Account receivables are stated at the carrying amounts of trade receivables and other receivables less provisions for doubtful debts.

Provision for doubtful debts

As of the date of the financial statements, provisions for doubtful debts are recognised for past-due accounts receivable and for accounts receivable where circumstances indicate that they might be uncollectible or for uncollectible debts due to liquidation, bankruptcy, or similar difficulties.

The difference between the required balance and the existing balance of provision for doubtful debts is recorded as a general and administrative expense in the income statement.

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)

3.6. **Tangible fixed assets**

Tangible fixed assets are measured at cost less accumulated depreciation.

Tangible fixed asset recognition

Tangible fixed assets are initially recognised at their cost. The cost of purchased tangible fixed assets comprises the purchase price and any directly attributable costs of bringing the assets to their present location and working condition for their intended use. Accessories added to fixed assets when purchased are recognised separately at their fair values and deducted from the historical cost of the respective tangible fixed assets.

The costs of tangible fixed assets constructed by contractors are the finalised costs of the construction, other directly related expenses, and the registration fee (if any).

Depreciation

The costs of fixed assets are depreciated on a straight-line method over their estimated useful lives.

The estimated useful lives are as follows:

▪ Buildings, structures	05 - 25 years
▪ Machinery and equipment	05 - 08 years
▪ Motor vehicles	06 - 11 years
▪ Management equipment	03 - 08 years

3.7. **Intangible fixed assets**

Intangible fixed assets are measured at cost less accumulated amortisation.

Intangible fixed asset recognition

The cost of an intangible fixed asset comprises the total amount of expense incurred by the Company to acquire an asset at the time the asset is put into operation for its intended use.

Accounting principles for intangible fixed asset

Land use rights

Land use rights are stated at their costs less accumulated amortisation. The Company's land use right pertains to a plot of land located at No. 226/2 Le Van Sy Street, Ward 1, Tan Binh District, Ho Chi Minh City.

Indefinite land use rights are not amortised.

Computer software

Computer software is not an indispensable component of hardware and is recognised as an intangible asset and depreciated over its useful life from 03 to 06 years.

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)

3.8. Liabilities

Liabilities are classified into trade payables and other payables based on the following rules: Trade payables represent those arising from purchase and sale related transactions of goods, services or assets and the seller is independent of the buyer; the remaining payables are classified as other payables.

Liabilities are also classified according to the maturity date, the remaining term from the date of the financial statements, original currency, and each creditor.

Liabilities are recognised at no less than the payment obligation.

3.9. Salary

Salary is based on the salary fund approved by the Board of Directors.

3.10. Unearned revenues

Unearned revenue is recognized advance profits from contracts received before mining business cooperation from partners. Unearned revenues are periodically determined and transferred into revenues according to the lease term.

3.11. Owners' equity

The owners' contributed equity

The owners' contributed equity is recognised when contributed.

Share premiums

Share premiums are recognised as the difference between the issue price and the par value of shares, and the difference between the re-purchase price and the re-issue price of treasury shares.

Dividends

Dividends are recognised as a liability at the date of declaring dividends.

Reserves

Reserves are created at certain percentages of profit after tax as prescribed in the Company's charter

Retained earnings

Net profit after income tax can be distributed to shareholders after the distribution is approved the General annual meeting of shareholders and reserves are created in accordance with the Company's Charter and legal regulations in Vietnam.

(See the next page)

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)

3.12. Revenue and other income

Revenue involving the rendering of services

Revenue of a transaction involving the rendering of services is recognised when the outcome of this transaction can be estimated reliably. When a transaction involving the rendering of services is attributable to several periods, each period's revenue is recognised by reference to the stage of completion at the end of the reporting period.

Interest income

Interest income is recognised on an accrual basis by reference to the principal outstanding and at the interest rate applicable.

Income from investments

Income from investments is recognised in the income statement corresponding to the per cent interest of the Company.

3.13. Cost of services

Cost of services provided represents total costs of services which are rendered in the year in accordance with the matching principle.

3.14. General and administrative expense

General and administrative expenses represent common expenses, which include payroll costs for office employees (salaries, wages, allowances, etc.); social insurance, health insurance, trade union fees and unemployment insurance; stationery expenses, material expenses, depreciation expenses of fixed assets used for administration activities; license tax; provision for doubtful debts; utility services (electricity expenses, water expenses, phone, fax, etc.); sundry expenses (entertainment, customer conference).

3.15. Taxation

Corporate income tax

Current corporate income tax expense

Current corporate tax expense is determined on the basis of taxable income and the rate of corporate income tax (CIT) of the current year at 20%.

Deferred corporate income tax expense

Deferred corporate tax expense is determined on the basis of the deductible temporary differences, taxable temporary differences and the estimated CIT rate that will be applied for the years that assets and liabilities will be recovered. The tax rates used will be the tax rates (and tax laws) that are in effect at the financial year end.

Deferred tax liability is recognised for all taxable temporary differences, unless:

- The deferred tax liability arises from the initial recognition of an asset or liability in a transaction which at the time of the transaction, affects neither the accounting profit nor taxable profit (tax loss);
- All taxable temporary differences associated with investments in subsidiaries, branches and associates, and interests in joint ventures when the parent, investor or venturer is able to control the timing of the reversal of the temporary difference and it is probable that the temporary difference will not reverse in the foreseeable future.

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)

3.15. Taxation (continued)

A deferred tax asset is recognised for all deductible temporary differences to the extent that it is probable that taxable profit will be available against which the deductible temporary difference can be utilised, unless:

- The deferred tax asset arises from the initial recognition of an asset or liability in a transaction which at the time of transaction, affects neither accounting profit nor taxable profit (tax loss);
- The deferred tax assets for all deductible temporary differences associated with investments in subsidiaries, branches and associates, and interests in joint ventures are only recognised when it is probable that the temporary difference will reverse in the foreseeable future; and taxable profit will be available against which the temporary difference can be utilised.

The carrying amount of a deferred tax asset shall be reviewed at each balance sheet date and reduced to the extent that it is no longer probable that sufficient taxable profit will be available to allow the benefit of part or all of that deferred tax asset to be utilised. Any such reduction shall be reverted to the extent it becomes probable that sufficient taxable profit will be available.

Current and deferred tax are recognised as income or an expense and included in profit or loss for the year except to the extent that the tax arises from a transaction or event which is recognised, in the same or a different year, directly in equity.

Deferred tax assets and deferred tax liabilities are only offset if, and only if, the Company has a legally enforceable right to set off current tax assets against current tax liabilities and the deferred tax assets and the deferred tax liabilities relate to income taxes levied by the same taxation authority and the Company intends to settle current tax liabilities and assets on a net basis or to realise the assets and settle the liabilities simultaneously, in each future period in which significant amounts of deferred tax liabilities or assets are expected to be settled or recovered.

Value added tax

The services rendered by the Company are subject to value added tax at the following rates:

- International transportation costs: 0%;
- Services regarding to multi-form transportation and other services: 10%.

In accordance with Decree 94/2023/NĐ-CP dated 28 December 2023 by the Government detailing the implementation of Resolution No. 110/2023/QH15 passed by the Standing Committee of the National Assembly dated 29 November 2023, the VAT rate of 8% is applicable to certain goods and services from 01 January 2024 to 30 June 2024 and in accordance with Decree 72/2024/NĐ-CP dated 30 June 2024 by the Government detailing the implementation of Resolution No. 142/2024/QH15 passed by the Standing Committee of the National Assembly dated 29 June 2024, the VAT rate of 8% is applicable to certain goods and services from 01 July 2024 to 31 December 2024. In particular, the services related to multimodal transport and other domestic services provided by the Company are applicable to VAT rate of 8%.

Other taxes

Other taxes are applicable in accordance with the prevailing tax laws in Vietnam.

The tax reports of the Company will be inspected by the Tax Department. Application of the laws and regulations on tax to different transactions can be interpreted by many ways; therefore, the tax amounts presented in the financial statements can be amended in accordance with the Tax Department's final assessment for the Company.

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)

3.16. Earnings per share

Basic earnings per share are calculated by dividing the net profit attributable to ordinary shareholders (after adjusted for bonus and welfare funds), by the weighted average number of ordinary shares outstanding during the year, excluding ordinary shares bought back by the Company and held as treasury shares.

3.17. Diluted earnings per share

Diluted earnings per share are calculated by dividing the net profit attributable to ordinary shareholders (after adjusted for bonus and welfare funds), by the weighted average number of ordinary shares outstanding during the year and total ordinary shares that would be issued on the conversion, excluding ordinary shares bought back by the Company and held as treasury shares.

3.18. Segment reporting

A segment is a distinguishable component of the Company that is engaged either in producing or providing related products or services (business segment), or in producing or providing products or services within a particular economic environment (geographical segment), which is subject to risks and rewards that are different from those of other segments.

3.19. Related parties

Related parties are individuals or entities that have the ability, directly or indirectly through one or more intermediaries, to control the Company or are controlled by, or are subject to common control with the Company. Associates, individuals owning, directly or indirectly, an interest in the voting power of the Company that gives them significant influence over the Company, key management personnel, including directors and officers of the Company and close family members or associates of such individuals are also considered to be related parties.

4. ADDITIONAL INFORMATION FOR ITEMS SHOWN IN THE STATEMENT OF FINANCIAL POSITION

4.1. Cash and cash equivalents

	As at 31 Dec. 2024 VND	As at 01 Jan. 2024 VND
Cash in hand	837,044,737	963,182,590
Cash at banks	54,354,058,187	32,224,568,054
Cash equivalents (*)	30,000,000,000	34,000,000,000
Total	85,191,102,924	67,187,750,644

(*) Cash equivalents represent the term deposits not exceeding 03 months by VND at Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam and Vietnam Technological and Commercial Joint – Stock Bank with the interest rate from 3.4% per annum to 4.6% per annum.

(See the next page)

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)

4.2. Current trade receivables

	As at 31 Dec. 2024 VND	As at 01 Jan. 2024 VND
Trade receivables from related parties – Refer to Note 7	101,999,641	105,146,149
Trade receivables from domestic customers:	255,549,548,642	194,505,502,742
<i>Techronic Industries VietNam Manufacturing Company Limited</i>	66,767,011,751	61,726,978,459
<i>Vietjet Aviation Joint Stock Company</i>	36,882,062,573	33,283,266,972
<i>Green Planet Distribution Centre Company Limited</i>	32,544,105,245	8,930,154,486
<i>Gia Bao Hung Service Trading Company Limited</i>	9,856,800,000	9,856,800,000
<i>Intco Industries Vietnam Company Limited</i>	9,386,619,948	182,323,420
<i>Daijin Express Vietnam Company Limited</i>	6,612,748,305	10,298,590,664
<i>Other customers (*)</i>	93,500,200,820	70,227,388,741
Trade receivables from foreign customers:	11,914,793,689	8,283,717,738
<i>Amazon.com Services LLC</i>	4,765,404,071	44,657,082
<i>APG Australia Post Global Ecommerce Solutions (Aust)</i>	2,697,106,529	2,417,626,943
<i>Macmel Shipping Pte., Ltd</i>	758,850,627	1,659,965,395
<i>Other customers</i>	3,693,432,462	4,161,468,318
Total	<u>267,566,341,972</u>	<u>202,894,366,629</u>

(*) As at 31 December 2024, any component of current trade receivables from other customers was less than 10% total current trade receivables.

(See the next page)



VINALINK LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 226/2 Le Van Sy Street, Ward 1, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)

4.3. Doubtful debts

	As at 31 Dec. 2024		As at 01 Jan. 2024	
	Cost	Recoverable amount	Cost	Recoverable amount
Overdue trade receivables	11,433,748,900	323,981,100	10,803,557,164	-
Overdue trade receivables and overdue amounts loaned are analysed by debtor as follows:				
	As at 31 Dec. 2024		As at 01 Jan. 2024	
	Cost	Recoverable amount	Cost	Recoverable amount
		Overdue days		Overdue days
Gia Bao Hung Service Trading Company Limited	9,856,800,000	-	9,856,800,000	-
Other customers	1,576,948,900	323,981,100	946,757,164	-
Total	11,433,748,900	323,981,100	10,803,557,164	-

(See the next page)

VINALINK LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 226/2 Le Van Sy Street, Ward 1, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)

4.5. Tangible fixed assets

Items	Buildings, structures VND	Machinery and equipment VND	Motor vehicles VND	Office equipment VND	Total VND
Cost:					
As at 01 Jan. 2024	21,838,529,093	667,950,476	27,531,299,177	801,903,504	50,839,682,250
Purchase	-	-	2,285,931,000	496,200,000	2,782,131,000
Disposals	-	-	(1,705,498,666)	-	(1,705,498,666)
As at 31 Dec. 2024	21,838,529,093	667,950,476	28,111,731,511	1,298,103,504	51,916,314,584
Accumulated depreciation:					
As at 01 Jan. 2024	9,934,454,772	397,931,782	23,279,455,076	579,668,505	34,191,510,135
Depreciation	847,587,708	73,113,516	1,166,032,886	136,399,983	2,223,134,093
Disposals	-	-	(1,705,498,666)	-	(1,705,498,666)
As at 31 Dec. 2024	10,782,042,480	471,045,298	22,739,989,296	716,068,488	34,709,145,562
Net book value:					
As at 01 Jan. 2024	11,904,074,321	270,018,694	4,251,844,101	222,234,999	16,648,172,115
As at 31 Dec. 2024	11,056,486,613	196,905,178	5,371,742,215	582,035,016	17,207,169,022

The historical cost of tangible fixed assets fully depreciated but still in use totalled VND 22,893,467,751.

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)

4.6. Intangible fixed assets

Items	The land use rights VND	Computer software VND	Total VND
Cost:			
As at 01 Jan. 2024	26,130,000,000	390,000,000	26,520,000,000
Purchase	-	150,000,000	150,000,000
As at 31 Dec. 2024	26,130,000,000	540,000,000	26,670,000,000
Accumulated depreciation:			
As at 01 Jan. 2024	-	180,000,000	180,000,000
Depreciation	-	103,750,000	103,750,000
As at 31 Dec. 2024	-	283,750,000	283,750,000
Net book value:			
As at 01 Jan. 2024	26,130,000,000	210,000,000	26,340,000,000
As at 31 Dec. 2024	26,130,000,000	256,250,000	26,386,250,000

4.6. Financial investments

Current financial investments are held-to-maturity investments related to 6 – month term deposits at Vietnam Technological and Commercial Joint Stock Bank, with an interest rate of 3.9% per annum as at 31 December 2024.

(See the next page)

VINALINK LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 226/2 Le Van Sy Street, Ward 1, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)**4.6. Financial investments (continued)**

Non-current investments are detailed as follows:

	As at 31 Dec. 2024			As at 01 Jan. 2024		
	Cost	Fair value (*)	Provision	Cost	Fair value (*)	Provision
		VND			VND	
Investments in joint ventures and associates:						
Kim Thanh Logistics Joint Stock Company	19,120,589,000		1,391,671,597	19,120,589,000		2,382,049,089
Link Cargo Management Company Limited	9,007,800,000		-	9,007,800,000		-
Vinatrans Danang	8,784,000,000	14,932,800,000	-	8,784,000,000	22,750,560,000	-
Vinalink Transport Joint Stock Company	4,000,000,000		-	4,000,000,000		-
Konoike Vinatrans Logistics Co., Ltd	4,908,430,302		-	4,908,430,302		-
Freight Consolidators (Vietnam) Pte Ltd	3,918,874,000		-	3,918,874,000		-
RCL (Vietnam) Co., Ltd	946,800,000		-	946,800,000		-
Total	50,686,493,302		1,391,671,597	50,686,493,302		2,382,049,089

Investments in other entities:

Vina Vinatrans Trucking Company Limited	726,150,000	-	726,150,000
---	-------------	---	-------------

(*) The Company has determined the fair value of its investment in Vinatrans Danang based on the closing trading price on the UpCOM stock exchange as of the reporting date and the number of shares the Company holds.

At the reporting date, the Company has not determined fair values of the remaining financial investment for disclosure in the financial statements because information about their market prices is not available and there is currently no guidance on determination of fair value using valuation techniques under the Vietnamese Accounting Standards or the Vietnamese Accounting System for enterprises. The fair values of these investments may differ from their carrying amounts.

VINALINK LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 226/2 Le Van Sy Street, Ward 1, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)

4.7. Current trade payables

	As at 31 Dec. 2024		As at 01 Jan. 2024	
	Value	Payable value	Value	Payable value
	VND		VND	
Trade payables to domestic suppliers:	30,094,045,438	30,094,045,438	22,603,435,686	22,603,435,686
<i>The Luan Transport Company Limited</i>	3,928,352,000	3,928,352,000	396,820,080	396,820,080
<i>Maersk Vietnam Company Limited</i>	2,358,039,676	2,358,039,676	718,594,597	718,594,597
<i>Nguyen Quyet Company Limited</i>	1,756,031,920	1,756,031,920	1,328,593,840	1,328,593,840
<i>Proship Joint Stock Company</i>	1,009,478,160	1,009,478,160	716,495,760	716,495,760
<i>Thuan Phat Trading and Transport Company Limited</i>	530,990,402	530,990,402	1,357,580,636	1,357,580,636
<i>Other suppliers (*)</i>	20,511,153,280	20,511,153,280	18,085,350,773	18,085,350,773
Trade payables to foreign suppliers:	38,683,748,261	38,683,748,261	23,026,884,993	23,026,884,993
<i>Jag Ufs (International) Ltd</i>	4,472,431,454	4,472,431,454	3,156,975,353	3,156,975,353
<i>BTX Global Logistics</i>	3,048,221,780	3,048,221,780	1,303,138,379	1,303,138,379
<i>Eagles Air & Sea (Thailand) Co., Ltd</i>	2,703,347,413	2,703,347,413	1,269,282,736	1,269,282,736
<i>Express Line Corporation</i>	1,800,410,078	1,800,410,078	1,457,718,445	1,457,718,445
<i>Qualit Air & Sea Germany Gmbh</i>	1,792,746,055	1,792,746,055	1,328,264,117	1,328,264,117
<i>Other suppliers (*)</i>	24,866,591,481	24,866,591,481	14,511,505,963	14,511,505,963
Total	68,777,793,699	68,777,793,699	45,630,320,679	45,630,320,679

(*) As at 31 December 2024, any component of trade payables to other suppliers was less than 10% of the total current trade payables.



NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)

4.9. Payables to employees

Representing the salary fund payable to employees in year 2024 as at 31 December 2024.

4.10. Other payables

	As at 31 Dec. 2024 VND	As at 01 Jan. 2024 VND
Current:		
Commission payables	4,747,288,105	3,785,226,593
Other payables	799,301,336	1,325,015,157
Total	<u>5,546,589,441</u>	<u>5,110,241,750</u>
Non-current:		
Relocating compensation (*)	31,888,520,960	32,800,000,000
Other payables	63,877,500	61,050,000
Total	<u>31,952,398,460</u>	<u>32,861,050,000</u>

(*) Representing advances from Khanh Hoi Sugar Joint Stock Company for 80% of relocation expenses in compensation for site clearance of the changing project of space exploitation and usage at No. 145-147 Nguyen Tat Thanh, District 4, Ho Chi Minh City under the Agreement No. 2392/HĐĐB.14 dated 14 November 2014 - Refer to Note 9.

4.11. Non-current unearned revenue

Representing the profit for business cooperation received in advance under the Agreement No. 2391/HĐHT.12 dated 14 November 2014 awaiting for allocation – Refer to Note 9.

From 2021, according to the actual situation, the Company has issued Official Letter No. 420/2021/CV/VNL-ADM dated 01 April 2021 to adjust the profit distribution plan for business cooperation received in advance of the contract No. 2391/HDHT.12 above for the remaining time under the implementation schedule of the contract.

(See the next page)

VINALINK LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 226/2 Le Van Sy Street, Ward 1, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)

4.12. Owners' equity
4.12.1. Changes in owners' equity

	Items of owners' equity				Total VND
	Owners' contributed capital VND	Capital surplus VND	Other contributed capital VND	Retained earnings VND	
As at 01 Jan. 2023	94,270,000,000	4,950,000,000	10,000,000,000	138,649,697,400	247,869,697,400
Previous year's profits	-	-	-	37,313,675,053	37,313,675,053
Dividend by shares	47,134,870,000	-	-	(47,134,870,000)	-
The second dividend payment of 2022	-	-	-	(7,541,600,000)	(7,541,600,000)
The first dividend payment of 2023	-	-	-	(7,070,243,500)	(7,070,243,500)
Distributed to the Board of Directors and the Supervisory Committee funds in 2022	-	-	-	(878,000,000)	(878,000,000)
As at 01 Jan. 2024	141,404,870,000	4,950,000,000	10,000,000,000	113,338,658,953	269,693,528,953
Current year's profits	-	-	-	45,433,863,603	45,433,863,603
The second dividend payment of 2023 (*)	-	-	-	(9,898,340,900)	(9,898,340,900)
The first dividend payment of 2024	-	-	-	(7,070,243,500)	(7,070,243,500)
Distributed to the Board of Directors and the Supervisory Committee funds in 2023 (*)	-	-	-	(746,000,000)	(746,000,000)
As at 31 Dec. 2024	141,404,870,000	4,950,000,000	10,000,000,000	141,057,938,156	297,412,808,156

(*) The distribution of dividends and the Board of Directors and the Supervisory Committee funds for the year 2023 are performed in accordance with the Resolution of the Annual General Meeting of Shareholders No. 280/2024/INQ/VNL-DHĐCD dated 23 April 2024.

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)

4.12.2. Shares

	<u>As at 31 Dec. 2024</u>	<u>As at 01 Jan. 2024</u>
Number of ordinary shares registered for issue	14,140,487	14,140,487
Number of ordinary shares sold to public	14,140,487	14,140,487
Number of ordinary shares outstanding	14,140,487	14,140,487

Par value per outstanding share: VND 10,000 per share.

4.12.3. Basic and diluted earnings per share

	<u>Year 2024 VND</u>	<u>Year 2023 VND</u>
Profit after tax attributable to ordinary share holders	45,433,863,603	37,313,675,053
Distribution to funds of the Board of Directors, Supervisory Committee (*)	<u>(908,677,272)</u>	<u>(746,000,000)</u>
Earnings for the purpose of calculating basic and diluted earnings per share	44,525,186,331	36,567,675,053
Weighted average number of ordinary shares outstanding during the year (**)	14,140,487	14,140,487
Basic and diluted earnings per share	<u>3,149</u>	<u>2,586</u>

(*) Funds of the Board of Directors, Supervisory Committee (Bonus and Welfare Fund) are deducted when calculating basic and diluted earnings per share which is provisionally calculated based on the allocation ratio on profit after tax in 2024 which is 2% according to Resolution of the General Meeting of Shareholders on 23 April 2024.

(**) Weighted average number of ordinary shares outstanding during the year was calculated as follows:

	<u>Year 2024</u>	<u>Year 2023</u>
Ordinary shares outstanding at the beginning of year	14,140,487	9,427,000
Impact of 4,713,487 ordinary shares issued on 25 July 2023 for dividend is adjusted to increase according to the regulation of Vietnamese Accounting Standard No. 30	-	4,713,487
Weighted average number of ordinary shares outstanding during the year	<u>14,140,487</u>	<u>14,140,487</u>

4.12.4. Dividends

	<u>Year 2024 VND</u>	<u>Year 2023 VND</u>
Dividends paid	(16,968,584,400)	(14,611,843,500)

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)

4.13. Off statement of financial position items

	As at 31 Dec. 2024	As at 01 Jan. 2024
Foreign currencies:		
USD	450,195.50	128,016.30
	As at 31 Dec. 2024 VND	As at 01 Jan. 2024 VND
Doubtful debts written off:		
Kim Hop Phat Import Export Services Trading Company Limited	999,534,500	999,534,500
Techcom Life Technologies Vietnam company Limited	426,723,472	426,723,472
Total	1,426,257,972	1,426,257,972

5. ADDITIONAL INFORMATION FOR ITEMS SHOWN IN THE INCOME STATEMENT

5.1. Revenue from rendering services

	Year 2024 VND	Year 2023 VND
Revenue of Ho Chi Minh City Head office:	741,104,521,763	484,077,874,931
<i>Airfreight Service</i>	338,947,421,545	224,169,428,663
<i>Seafreight Service</i>	256,218,202,560	159,948,796,132
<i>Logistics Service</i>	145,938,897,658	99,959,650,136
Revenue of Ha Noi Branch	374,281,575,433	209,682,257,228
Revenue of Hai Phong Branch	28,978,518,519	28,503,454,082
Revenue of Da Nang Branch	8,374,105,342	6,890,816,967
Total	1,152,738,721,057	729,154,403,208
Of which, revenue from rendering services to related parties – Refer to Note 7	2,365,365,559	1,386,298,983

Note 1.5 disclosed the reason for the increase in revenue in current year compared to the previous year.

(See the next page)

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)

5.2. Cost of services

	Year 2024 VND	Year 2023 VND
Cost of services of Ho Chi Minh City Office:	668,045,133,840	442,159,788,156
<i>Airfreight Service</i>	305,853,915,226	201,509,832,452
<i>Seafreight Service</i>	220,658,532,404	142,726,574,538
<i>Logistics Service</i>	141,532,686,210	97,923,381,166
Cost of services of Ha Noi Branch	328,586,851,156	210,232,571,035
Cost of services of Hai Phong Branch	66,620,549,278	27,008,217,738
Cost of services of Da Nang Branch	9,080,074,258	7,972,548,134
Total	1,072,332,608,532	687,373,125,063

The cost of services had increased in line with the revenue in year.

5.3. Finance income

	Year 2024 VND	Year 2023 VND
Dividends from related parties – Refer to Note 7	4,165,038,889	21,402,549,521
Dividends from other entity	79,720,000	-
Deposit interest	1,415,071,456	3,431,937,334
Gains on exchange rate differences	9,583,169,290	7,214,667,432
Total	15,242,999,635	32,049,154,287

Financial income decreased significantly compared to the previous year mainly due to decreased dividends from associates and joint ventures companies in current year.

5.4. General and administrative expense

	Year 2024 VND	Year 2023 VND
Employee expense	17,531,469,534	13,889,686,094
Material expense	74,277,441	104,028,231
Office stationery expense	121,618,000	42,483,500
Depreciation expense	1,350,719,697	1,183,008,617
Provision of provision for doubtful debts	306,210,636	1,165,853,417
Service expense	9,671,135,276	7,284,183,581
Other expenses	1,779,018,484	1,384,934,597
Total	30,834,449,068	25,054,178,037

This year's general and administrative expenses have increased significantly compared to previous year, mainly due to higher employee bonuses.

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)

5.5. Production and business costs by element

	Year 2024 VND	Year 2023 VND
Employee expense	104,585,619,917	80,264,728,526
Depreciation expense	2,326,884,093	2,138,267,273
Provision of provision for doubtful debts	306,210,636	1,165,853,417
Service expense	951,247,592,218	590,580,120,908
Other expenses	44,700,750,736	38,278,332,976
Total	1,103,167,057,600	712,427,303,100

5.6. Current corporate income tax expense

	Year 2024 VND	Year 2023 VND
CIT expense of the current year (*)	13,890,204,120	6,231,684,631
Adjusted for tax expense of previous years	-	175,928,702
Total current CIT expense	13,890,204,120	6,407,613,333

(*) CIT expense calculated on the taxable income of the current year is determined as follows:

	Year 2024 VND	Year 2023 VND
Accounting profit before tax for the year	59,324,067,723	43,721,288,386
Add: Adjustments according to CIT law	14,608,039,768	12,725,470,689
Less: Adjustments according to CIT law	(4,481,086,889)	(25,288,335,920)
Taxable income from business activities	69,451,020,602	31,158,423,155
Current CIT rate	20%	20%
Current CIT expense for the year	13,890,204,120	6,231,684,631

The adjustments for the increases/(decreases) in the taxable income are mainly non – tax – deductible items as regulated by CIT law, such as:

- Expenses without invoices and vouchers;
- Tax penalties;
- Provision for doubtful debts.
- Accrual expenses without invoice;
- Gains/(losses) from unrealised exchange rate differences of cash, account receivables dominated in foreign currencies at the end of year;
- Dividends.

VINALINK LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 226/2 Le Van Sy Street, Ward 1, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)

6. SEGMENT REPORTING

For management purposes, the Company divides its activities into main geographical divisions as follows:

- Southern: Ho Chi Minh City;
- Northern: Ha Noi City and Hai Phong City;
- Middle: Da Nang City.

For the financial year ended 31 December 2024

Expressed in: VND million

	Southern		Northern		Middle		Eliminations		Total	
	Year 2024	Year 2023	Year 2024	Year 2023	Year 2024	Year 2023	Year 2024	Year 2023	Year 2024	Year 2023
Revenue										
External sales	741,105	484,078	403,260	238,186	8,374	6,891	-	-	1,152,739	729,154
Inter-segment sales	12,611	7,479	92,713	48,743	1,325	1,617	(106,649)	(57,839)	-	-
Total	753,716	491,557	495,973	286,929	9,699	8,508	(106,649)	(57,839)	1,152,739	729,154
Result										
Segment result	70,211	41,576	9,830	(165)	365	369	-	-	80,406	41,781
Unallocated expenses									(30,834)	(25,054)
Profit before tax, financial income and financial expense									49,572	16,727
Financial income									15,243	32,049
Financial expense									(5,587)	(4,959)
Other income									97	(95)
Income tax expense									(13,890)	(6,408)
Net profit									45,434	37,314

VINALINK LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 226/2 Le Van Sy Street, Ward 1, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)

6. SEGMENT REPORTING (CONTINUED)

Other information

Expressed in: VND million

	Southern		Northern		Middle		Eliminations		Total	
	As at 31 Dec.2024	As at 01 Jan. 2024	As at 31 Dec.2024	As at 01 Jan. 2024	As at 31 Dec.2024	As at 01 Jan. 2024	As at 31 Dec.2024	As at 01 Jan. 2024	As at 31 Dec.2024	As at 01 Jan. 2024
Segment assets	427,586	374,593	99,012	70,351	3,126	3,114	(73,350)	(57,558)	456,374	390,500
Total assets									456,374	390,500
Segment liabilities	140,594	105,730	88,963	69,893	2,755	2,741	(73,350)	(57,558)	158,962	120,806
Total liabilities									158,962	120,806
	Southern		Northern		Middle		Eliminations		Total	
	Year 2024	Year 2023	Year 2024	Year 2023	Year 2024	Year 2023	Year 2024	Year 2023	Year 2024	Year 2023
Cost of purchasing assets	2,932	405	-	-	-	-	-	-	2,932	405
Depreciation expense	2,133	1,998	194	140	-	-	-	-	2,327	2,138

The Company does not have segment reports by industry as the Company is currently operating in the freight forwarding industry, therefore there is no differences in risks and and economic benefits by industry that need to be disclosed.

(See the next page)

VINALINK LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY

Address: No. 226/2 Le Van Sy Street, Ward 1, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)**7. RELATED PARTIES**

<u>No.</u>	<u>List of related parties</u>	<u>Relationship</u>
1.	Vinatrans Da Nang	Associate
2.	Kim Thanh Logistics Joint Stock Company	Associate
3.	Link Cargo Management Company Limited	Associate
4.	Vinalink Transport Joint Stock Company	Associate
5.	Konoike Vinatrans Logistics Co., Ltd	Joint venture
6.	Freight Consolidators (Vietnam) Pte Ltd	Joint venture
7.	RCL (Vietnam) Co., Ltd	Joint venture
8.	The Board of Directors, the General Director, and the Supervisory Committee	Key management personnel

At the end of the reporting year, the balances with related parties are as follows:

	<u>As at 31 Dec. 2024 VND</u>	<u>As at 01 Jan. 2024 VND</u>
Current trade receivables:		
Konoike Vinatrans Logistics Co., Ltd	101,999,641	103,850,149
Vinalink Transport Joint Stock Company	-	1,296,000
Total – Refer to Note 4.2	<u>101,999,641</u>	<u>105,146,149</u>

During the reporting year, the Company has had related party transactions as follows:

	<u>Year 2024 VND</u>	<u>Year 2023 VND</u>
Rendering services:		
Konoike Vinatrans Logistics Co., Ltd	1,867,723,683	1,230,283,502
Vinalink Transport Joint Stock Company	414,780,976	11,971,956
Freight Consolidators (Vietnam) Pte Ltd	82,860,900	79,180,500
Vinatrans Da Nang	-	64,863,025
Total – Refer to Note 5.1	<u>2,365,365,559</u>	<u>1,386,298,983</u>

(See the next page)

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)

7. RELATED PARTIES (CONTINUED)

	<u>Year 2024</u> <u>VND</u>	<u>Year 2023</u> <u>VND</u>
Purchasing services:		
RCL (Vietnam) Co., Ltd	2,486,779,194	1,266,660,772
Konoike Vinatrans Logistics Co., Ltd	656,729,500	276,117,003
Freight Consolidators (Vietnam) Pte Ltd	220,452,495	870,192,993
Vinalink Transport Joint Stock Company	201,331,560	224,299,861
Vinatrans Da Nang	-	24,120,228
Total	<u>3,565,292,749</u>	<u>2,661,390,857</u>

Trade receivables to related parties are unsecured and will be settled in cash. No allowance for doubtful debts has been made for receivables from related parties.

The price of services provided to related parties is the agreed price. The purchase of services from related parties is performed under the agreed price.

	<u>Year 2024</u> <u>VND</u>	<u>Year 2023</u> <u>VND</u>
Dividends:		
Vinalink Transport Joint Stock Company	2,400,000,000	2,400,000,000
Konoike Vinatrans Logistics Co., Ltd	1,065,038,889	1,522,549,521
RCL (Vietnam) Co., Ltd	700,000,000	2,900,000,000
Link Cargo Management Company Limited	-	14,580,000,000
Total – Refer to Note 5.3	<u>4,165,038,889</u>	<u>21,402,549,521</u>

(See the next page)

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)

7. RELATED PARTIES (CONTINUED)

Remunerations of the Board of Directors, the General Director, and the Supervisory Committee are as follows:

Name	Position	Year 2024 VND	Year 2023 VND
Mr Nguyen Nam Tien	Chairperson	1,848,777,180	1,886,752,190
Mr Vu Quoc Bao	Member of the Board of Directors cum General Director	2,125,272,123	1,771,311,434
Mr Vu The Duc	Member of the Board of Directors	157,000,000	485,000,000
Mr Nguyen Quoc Huy	Member of the Board of Directors	115,000,000	94,500,000
Mr Le Van Hung	Member of the Board of Directors (resigned wef 26 Apr. 2023)	-	9,000,000
Mr Do Phu Kim	Member of the Board of Directors (appointed on 26 Apr. 2023)	100,000,000	27,000,000
Ms Phan Phuong Tuyen	Head of Supervisory Committee	115,000,000	94,500,000
Ms Le Thi Ngoc Anh	Member of Supervisory Committee	50,000,000	31,500,000
Ms Trang Anh Xuan	Member of Supervisory Committee (resigned wef 23 Apr. 2024)	3,000,000	31,500,000
Mr Duong Tran An	Member of Supervisory Committee (appointed on 23 Apr. 2024)	24,000,000	-
Total		4,538,049,303	4,431,063,624
		Year 2024 VND	Year 2023 VND
Dividends paid:			
Mr Vu The Duc		582,696,000	501,766,000
Mr Nguyen Nam Tien		182,808,000	157,418,000
Mr Vu Quoc Bao		129,600,000	111,600,000
Mr Nguyen Quoc Huy		39,186,000	33,743,500
Ms Phan Phuong Tuyen		7,902,000	6,804,500
Ms Le Thi Ngoc Anh		3,942,000	3,394,500
Ms Trang Anh Xuan (resigned wef 23 Apr. 2024)		152,910,000	131,672,500
Mr Duong Tran An (appointed on 23 Apr. 2024)		22,914,000	19,731,500
Total		1,121,958,000	966,130,500

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)**8. EVENTS AFTER THE END OF THE REPORTING YEAR**

On 14 January 2025, Vinafreight Joint Stock Company purchased an additional 639,010 shares in the Company, increasing its ownership ratio from 2.13% to 6.65% and becoming a major shareholder. Subsequently, Vinafreight Joint Stock Company continued to acquire more shares in the Company, with the most recent transaction on 21 February 2025, raising its ownership ratio to 8.48%, with a total of 1,199,645 shares held.

According to the Resolution of the Board of Directors No. 140/2025/NQ/VNL-HĐQT dated 25 February 2025, the Company approved the second dividends payment of year 2024 in cash at the rate of 5% on par value of shares (VND 500/share), equivalent to an amount of VND 7,070,243,500. Expected dividend payment date is 03 April 2025.

Apart from the events as above, no other matter or circumstance has arisen since 31 December 2024 that has significantly affected, or may significantly affect the Company's operations, the results of those operations, or the Company's state of affairs in future financial years.

9. OTHER DISCLOSURES

On 14 November 2014, the Company signed the business exploitation co-operation contract No. 2391/HĐHT.12 and the Principle Agreement No. 2392/HĐĐB.14 with Khanh Hoi Sugar Joint Stock Company regarding to relocation compensation project at 145-147 Nguyen Tat Thanh, Ward 13, District 4, Ho Chi Minh City. According to the Contract No. 2391/HĐHT.12, the Company received the profit for business cooperation in advance until 31 July 2029 with the amount of VND 36 billion which were allocated to annual revenue based on the schedule of Official Letter No. 1360/2016/CV/VNL-ADM dated 01 October 2016 and Official Letter No. 420/2021/CV/VNL-ADM dated 01 April 2021. And according to the Contract No. 2392/HĐĐB.14, the Company will hand over the whole property at the office of the Company (including entirely storage system with a total of 9,397.08 m² warehouse floor area, office, kitchen, dining hall, entirely field of cement inside the campus and facilities such as lighting system, fire protection system, drainage system, fence, power station presents on the land) to Khanh Hoi Sugar Joint Stock Company for their management and exploitation. The Company will hand over to Khanh Hoi Sugar Joint Stock Company entirely property on the land and refuse all the rights and obligations related to assets on the land, including the right of management and exploitation the land when Khanh Hoi Sugar Joint Stock Company to be approved as the investor of the project granted by the authority department. The relocation of the existing operations of the Company will be implemented at the latest 24 months since the date of this contract.

Up to January 2019, the Company moved its operation to a new business location at No. 226/2 Le Van Sy Street, Ward 1, Tan Binh District, Ho Chi Minh City and handed over entirely property on the land at No. 145-147 Nguyen Tat Thanh street, Ward 13, District 4, Ho Chi Minh City for Khanh Hoi Sugar Joint Stock Company under the above business co-operation contract.

However, up to now, the above Business co-operation contracts and Principle Agreements have not been liquidated because the People's Committee of Ho Chi Minh City has not yet issued a decision approving the project investment policy and other related decisions at No. 145 – 147 Nguyen Tat Thanh street, Ward 13, District 4, Ho Chi Minh City.

Currently, Khanh Hoi Sugar Joint Stock Company is involved in the criminal case "Truong My Lan and Accomplices," based on Criminal Judgment No. 157/2024/HS-ST dated 11 April 2024, published on the court's electronic portal. In this judgment, the trial panel ruled on the preliminary seizure of the asset land plot No. 1-755, map sheet No. 10, Saigon Khang Hoi, located at 145-147 Nguyen Tat Thanh Street, Ward 13, District 4, Ho Chi Minh City to secure the compensation obligation of the defendant, Truong My Lan, for the entire case. This applies in the event that the Ho Chi Minh City People's Committee grants the land to Khang Hoi Sugar Joint Stock Company. Alternatively, if the land is not granted, the seizure ensures that the company reimburses the advance compensation for relocation – Refer to Note 4.10 and the unallocated pre-received business cooperation profit – Refer to Note 4.11.

NOTES TO THE FINANCIAL STATEMENTS (CONTINUED)

9. OTHER DISCLOSURES (CONTINUED)

The Company is still working with its partners on the execution of signed contracts and related arising issues.



Vu Quoc Bao
General Director

Nguyen Anh Nam
Chief Accountant

Le Thi Thanh Thanh
Preparer

Ho Chi Minh City, 21 March 2025



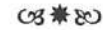


VINALINK LOGISTICS
JOINT STOCK COMPANY

No: 195/2025/QD/VNL-ADM

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence – Freedom – Happiness



Ho Chi Minh City, on 25 March 2025

Explanation of differences in business results

(Attached with Audited Financial Statements for 2024)

Vinalink Logistics Joint Stock Company would like to explain the differences in the business results in 2024 compared to 2023 as follows:

Items	2024	2023	Difference	% Increase /decrease
Net Revenue	1.152.738.721.057	729.154.403.208	423.584.317.849	58,09 %
Profit after tax	45.433.863.603	37.313.675.053	8.120.188.550	21,76 %

Reason: Due to the market recovery and growth, profit after tax in 2024 has increased compared to 2023. This leads to an increase in operating despite the decrease in profit shared from Joint Venture, Affiliate Company.

Legal representative

GENERAL DIRECTOR



VU QUOC BAO